

TẠNG LUẬT

TẬP YẾU

TẬP MỘT

TẠNG LUẬT

TẬP YẾU

TẬP MỘT

Kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán,
đấng Chánh Biến Tri!

ĐẠI PHÂN TÍCH

1. PHÂN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU

1. 1. CHƯƠNG PĀRĀJIKĀ

Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *pārājika* thứ nhất đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? Về sự việc gì? Ở đây, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra không? Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, (hay) là điều quy định cho khu vực? Là điều quy định chung (cho tỳ khuru và tỳ khuru ni), (hay) là điều quy định riêng? Là điều quy định cho một (hội chúng), (hay) là điều quy định cho cả hai (hội chúng tỳ khuru và tỳ khuru ni)? (Điều ấy) được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong năm cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*? Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Thuộc về sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp (tranh tụng)? Ở đây, điều gì gọi là Luật? Ở đây, điều gì gọi là Thắng Luật? Ở đây, điều gì gọi là giới bốn *Pātimokkha*? Ở đây, điều gì gọi là Tăng thượng giới bốn *Pātimokkha*? Điều gì là sự phạm tội? Điều gì là sự thành tựu? Điều gì là sự thực hành? Điều *pārājika* thứ nhất đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích? Những ai học tập (điều ấy)? Những ai có việc học tập đã học tập xong? (Điều ấy) được tồn tại ở đâu? Những ai duy trì (điều ấy)? Là lời dạy của ai? Do ai truyền đạt lại?

1. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *pārājika* thứ nhất đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại Vesālī.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến Sudinna con trai của Kalanda.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, Sudinna Kalandaputta đã thực hiện việc đôi lừa với người vợ cũ.

Ở đây, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra không? – Ở đây, có một điều quy định, có hai điều quy định thêm, không có điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra.

Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, (hay) là điều quy định cho khu vực? – Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung (cho tỳ khuru và tỳ khuru ni), (hay) là điều quy định riêng? – Là điều quy định chung.

Là điều quy định cho một (hội chúng), (hay) là điều quy định cho cả hai (hội chúng tỳ khuru và tỳ khuru ni)? – Là điều quy định cho cả hai.

(Điều ấy) được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong năm cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*?

– Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? – Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ nhì.

Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? – Là sự hư hỏng về giới.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? – Thuộc về nhóm tội *pārājika*.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? – Điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? – Là sự tranh tụng liên quan đến tội.

Trong bảy cách dàn xếp (sự tranh tụng), điều ấy được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Điều ấy được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

Ở đây điều gì gọi là Luật? Ở đây điều gì gọi là Thắng Luật? – Sự quy định gọi là Luật. Sự phân tích gọi là Thắng Luật.

Ở đây điều gì gọi là giới bốn *Pātimokkha*? Ở đây điều gì gọi là Tăng thượng giới bốn *Pātimokkha*? – Sự quy định gọi là giới bốn *Pātimokkha*. Sự phân tích gọi là Tăng thượng giới bốn *Pātimokkha*.

Điều gì là sự phạm tội? – Việc không tự kiểm chế là sự phạm tội.

Điều gì là sự thành tựu? – Việc tự kiểm chế là sự thành tựu.

Điều gì là sự thực hành? – ‘Tôi sẽ không làm việc như thế,’ sau khi thọ trì vị ấy học tập về các điều học cho đến trọn đời, tận hơi thở vào cuối cùng.

Điều *pārājika* thứ nhất đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích? – Điều *pārājika* thứ nhất đã được đức Thế Tôn quy định vì mười lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc kiểm chế những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các tỳ khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, (và) nhằm sự hỗ trợ Luật.

Những ai học tập (điều ấy)? – Các bậc Thánh hữu học và các thiện nhân phạm phu học tập (điều ấy).

Những ai có việc học tập đã học tập xong? – Các bậc A-la-hán có việc học tập đã học tập xong.

(Điều ấy) được tồn tại ở đâu? – Được tồn tại ở các vị có sự ưa thích việc học tập.

Những ai duy trì (điều ấy)? – Những vị nào rành rẽ,¹ những vị ấy duy trì.

Là lời dạy của ai? – Là lời dạy của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

Do ai truyền đạt lại? – Được truyền đạt lại theo sự kế tục (của các vị trưởng lão).

i. Vị *Upāli*, luôn cả vị *Dāsaka*, vị *Soṇaka*, vị *Siggava* là tương tự, với vị *Moggalliputta* là thứ năm, các vị này là ở đảo *Jambu huy* hoàng.

ii. Từ nơi ấy, vị *Mahinda*,² và vị *It̐ t̐ hiya*, vị *Uttiya*, luôn cả vị *Sambala*, và bậc thông thái tên *Bhadda*, các vị hàng đầu ấy có tuệ vĩ đại từ hòn đảo *Jambu* đã đi đến nơi đây.

iii. Các vị ấy đã giảng dạy *Tạng Luật* ở *Tambapaṇṇi*.³ Các vị ấy đã giảng dạy năm bộ *Nikāya* và bảy bộ *Vi Diệu Pháp*.

¹ *yesam vattati ti yesam vinayapiṭ akañ ca aṭ ṭ hakathā ca sabbā paguṇā ti attho* (VinA. vii, 1303) = ‘*Yesam vattati*’ có nghĩa là ‘đôi với những vị nào mà toàn bộ *Tạng Luật* và *Chú Giải* là được rành rẽ.’

² Sau kỳ kết tập Tam *Tạng* lần thứ ba (thế kỷ thứ 3 trước Tây Lịch), Ngài *Mahinda* và bốn vị được kể tên kế tiếp – *It̐ t̐ hiya*, *Uttiya*, *Sambala*, và *Bhadda* – theo lệnh ngài *Moggalliputtatissa* từ Ấn Độ (*Jambudīpa*) đã đi đến Tích Lan (*Tambapaṇṇi*) để hoằng khai *Giáo Pháp* (ND).

³ Tức là đảo Tích Lan (Ceylon), nay là nước Sri Lanka (ND).

iv. Sau đó, vị Ariṭṭha thông minh, và vị Tissadatta thông thái, vị Kāḷa asumana có lòng tự tin, và vị trưởng lão tên Dīgha, và vị Dīghasumana thông thái.

v. Thêm nữa, là vị Kāḷa asumana, trưởng lão Nāga và vị Buddha-rakkhita, và vị trưởng lão Tissa thông minh, và vị trưởng lão Deva thông thái.

vi. Thêm nữa là vị Sumana thông minh và nắm vững về Luật. Vị Cūḷa anāga nghe nhiều học rộng, khó công kích giống như con voi vậy.

vii. Và vị tên Dhammapālita ở xứ Rohaṇa đã được tôn vinh trọng thể. Đệ tử của người có tên Khema là vị đại tuệ, là bậc thông Tam Tạng đã sáng ngời ở trên đảo như chúa của các vì sao nhờ vào trí tuệ.

viii. Và vị Upatissa thông minh, vị Phussadeva là đại Pháp sư. Thêm nữa là vị Sumana thông minh, vị có tên Puppha nghe nhiều học rộng.

ix. Vị Mahāsīva là đại Pháp sư, rành rẽ về mọi vấn đề trong Tam Tạng. Thêm nữa là vị Upālī thông minh và nắm vững về Luật.

x. Vị Mahānāga là bậc đại tuệ, rành rẽ về truyền thống của Chánh Pháp. Thêm nữa là vị Abhaya thông minh, rành rẽ về mọi vấn đề trong Tam Tạng.

xi. Và trưởng lão Tissa thông minh, và nắm vững về Luật. Đệ tử của người có tên Puppha là bậc đại tuệ, nghe nhiều học

rộng, trong khi hộ trì Giáo Pháp đã thiết lập vững vàng ở hòn đảo Jambu.

xii. Và vị Cūḷ ābhaya thông minh, nắm vững về Luật. Và vị trưởng lão Tissa thông minh, rành rẽ về truyền thống của Chánh Pháp.

xiii. Và vị Phussadeva thông minh, và nắm vững về Luật. Và vị trưởng lão Sīva thông minh, rành rẽ về mọi vấn đề về Luật.

xiv. Những vị hàng đầu ấy có đại tuệ, là những vị thông Luật, rành rẽ về đường lối, đã phổ biến Tạng Luật ở hòn đảo Tambapaṇṇī.

2. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *pārājika* thứ nhì đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến Dhaniya, con trai người thợ gốm.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, Dhaniya con trai người thợ gốm đã lấy các cây gỗ của đức vua là những vật chưa được cho.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: có thể sanh lên do

thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

3. Điều *pārājika* thứ ba đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru đã đoạt lấy mạng sống lẫn nhau.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

4. Điều *pārājika* thứ tư đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các vị tỳ khuru ở bờ sông Vaggumudā.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các vị tỳ khuru ở bờ sông Vaggumudā đã khen ngợi về pháp thượng nhân của vị này vị nọ đến các cư sĩ.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm,.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

Dứt bốn điều *pārājika*.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Bốn điều pārājika là: việc đôi lứa, và vật chưa được cho, việc đoạt (mạng sống) của con người, và pháp thượng nhân, sự việc nên được chia chẻ, không còn nghi ngờ.

--ooOoo--

1. 2. CHƯƠNG SAṄGHĀDISESA

Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *saṅghādisesa* đến vị gắng sức và làm xuất ra tinh dịch đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? Về sự việc gì? Ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra không? Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, (hay) là điều quy định cho khu vực? Là điều quy định chung (cho tỳ khuru và tỳ khuru ni), (hay) là điều quy định riêng? Là điều quy định cho một (hội chúng), (hay) là điều quy định cho cả hai (hội chúng tỳ

khuru và tỳ khuru ni)? (Điều ấy) được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong năm cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*? Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Thuộc về sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp (tranh tụng)? Ở đây, điều gì gọi là Luật? Ở đây, điều gì gọi là Thắng Luật? Ở đây, điều gì gọi là giới bốn *Pātimokkha*? Ở đây, điều gì gọi là Tăng thượng giới bốn *Pātimokkha*? Điều gì là sự phạm tội? Điều gì là sự thành tựu? Điều gì là sự thực hành? Điều *saṇ ghādisesa* đến vị gắng sức và làm xuất ra tinh dịch đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích? Những ai học tập (điều ấy)? Những ai có việc học tập đã học tập xong? (Điều ấy) được tôn tại ở đâu? Những ai duy trì (điều ấy)? Là lời dạy của ai? Do ai truyền đạt lại?

1. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *saṇ ghādisesa* đến vị gắng sức và làm xuất ra tinh dịch đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Seyyasaka.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Seyyasaka đã gắng sức bằng tay và làm xuất ra tinh dịch.

Ở đây, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra không? – Ở đây, có một điều quy định, có một điều quy định thêm, không có điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra.

Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, (hay) là điều quy định cho khu vực? – Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung (cho tỳ khuru và tỳ khuru ni), (hay) là điều quy định riêng? – Là điều quy định riêng (cho tỳ khuru).

Là điều quy định cho một (hội chúng), (hay) là điều quy định cho cả hai (hội chúng tỳ khuru và tỳ khuru ni)? – Là điều quy định cho một (hội chúng).

(Điều ấy) được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong năm cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*? – Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? – Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ ba.

Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? – Là sự hư hỏng về giới.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? – Thuộc về nhóm tội *saṅ ghādisesa*.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? – Điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? – Là sự tranh tụng liên quan đến tội.

Trong bảy cách dàn xếp (sự tranh tụng), điều ấy được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Điều ấy được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

Ở đây điều gì gọi là Luật? Ở đây điều gì gọi là Thắng Luật? – Sự quy định gọi là Luật. Sự phân tích gọi là Thắng Luật.

Ở đây điều gì gọi là giới bốn *Pātimokkha*? Ở đây điều gì gọi là Tăng thượng giới bốn *Pātimokkha*? – Sự quy định gọi là giới bốn *Pātimokkha*. Sự phân tích gọi là Tăng thượng giới bốn *Pātimokkha*.

Điều gì là sự phạm tội? – Việc không tự kiềm chế là sự phạm tội.

Điều gì là sự thành tựu? – Việc tự kiềm chế là sự thành tựu.

Điều gì là sự thực hành? – ‘Tôi sẽ không làm việc như thế,’ sau khi thọ trì vị ấy học tập về các điều học cho đến trọn đời, tận hơi thở vào cuối cùng.

Điều *saṇ ghādisesa* đến vị gắng sức và làm xuất ra tinh dịch đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích? – Điều *saṇ ghādisesa* đến vị đã gắng sức và làm xuất ra tinh dịch đã được đức Thế Tôn quy định vì mười lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc kiểm chế những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các tỳ khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, (và) nhằm sự hỗ trợ Luật.

Những ai học tập (điều ấy)? – Các bậc Thánh hữu học và các thiện nhân phạm phu học tập (điều ấy).

Những ai có việc học tập đã học tập xong? – Các bậc A-la-hán có việc học tập đã học tập xong.

(Điều ấy) được tồn tại ở đâu? – Được tồn tại ở các vị có sự ưa thích việc học tập.

Những ai duy trì (điều ấy)? – Những vị nào rành rẽ, những vị ấy duy trì.

Là lời dạy của ai? – Là lời dạy của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

Do ai truyền đạt lại? – Được truyền đạt lại theo sự kế tục (của các vị trưởng lão). *Vị Upāli, luôn cả vị Dāsaka,* —nt— *Tạng Luật ở Tambapaṇṇi.*

2. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *saṅ ghādisesa* đến vị thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Udāyi.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Udāyi đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

3. Điều *saṅ ghādisesa* đến vị nói với người nữ bằng những lời thô tục đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Udāyi.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Udāyi đã nói với người nữ bằng những lời thô tục.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

4. Điều *saṅghādisesa* đến vị ca ngợi sự hủ hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Udāyi.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Udāyi đã ca ngợi sự hủ hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

5. Điều *saṇ ghādisesa* đến vị tiến hành việc mai mối đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattṭhi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Udāyi.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Udāyi đã tiến hành việc mai mối.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

6. Điều *saṇ ghādisesa* đến vị tự mình xin (vật liệu) rồi cho xây dựng liêu cốc đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Āḷ avī.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu ở Āḷ avī.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu ở Āḷ avī sau khi tự mình xin (vật liệu) rồi đã cho xây dựng các cốc liêu.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

7. Điều *saṅ ghādisesa* đến vị cho xây dựng trú xá lớn đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại Kosambi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Channa.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Channa trong khi cho dọn sạch khu đất của trú xá đã bảo người đốn ngã cội cây nọ vốn được dùng làm nơi thờ phượng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

8. Điều *saṅ ghādisesa* đến vị bôi nhọ tỳ khưu với tội *pārājika* không có nguyên có đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các vị tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các vị tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta với tội *pārājika* không có nguyên có.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

9. Điều *saṅ ghādisesa* đến vị nắm lấy sự kiện nhỏ nhất nào đó thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ vị tỳ khuru về tội *pārājika* đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các vị tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các vị tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã nắm lấy sự kiện nhỏ nhất nào đó thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta về tội *pārājika*.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

10. Điều *saṅ ghādisesa* đến vị tỳ khuru chia rẽ hội chúng và không chịu dứt bỏ với sự nhấc nhỏ đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến Devadatta.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, Devadatta đã ra sức cho việc chia rẽ hội chúng hợp nhất.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.
—nt—

11. Điều *sañ ghādisesa* đến các vị tỳ khuru là những kẻ xu hướng theo việc chia rẽ (hội chúng) và không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru xu hướng theo Devadatta, là kẻ đang ra sức cho việc chia rẽ hội chúng, đã trở thành những kẻ chủ trương phe nhóm.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.
—nt—

12. Điều *sañ ghādisesa* đến vị tỳ khuru khó dạy và không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại Kosambi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Channa.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Channa trong khi được các vị tỳ khuru nói đúng theo Pháp đã tỏ ra ương ngạnh.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.
—nt—

13. Điều *saṇ ghādisesa* đến vị tỳ khuru làm hư hỏng các gia đình và không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi đã nói xấu các tỳ khuru là có sự thiên vị vì thương, có sự thiên vị vì ghét, có sự thiên vị vì si mê, có sự thiên vị vì sợ hãi.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.
—nt—

Dứt mười ba điều *saṅghādisesa*.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Việc xuất ra (tinh dịch), sự xúc chạm thân thể, lời thô tục, nhục dục cho bản thân, việc mai mối, và luôn cả liều cốc, trú xá, và không có nguyên có.

*Và điều nhỏ nhất nào đó, và sự chia rẽ, những kẻ xu hướng theo chính vị ấy, vị khó khuyên bảo, và việc làm hư hỏng các gia đình, là mười ba điều *saṅghādisesa*.*

--ooOoo--

1. 3. CHƯƠNG ANIYATA

Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *anīyata* thứ nhất đã được quy định tại đâu? —nt— Do ai truyền đạt lại?

1. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *anīyata* thứ nhất đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Udāyi.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Udāyi đã cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất, thuận tiện cho hành động.

Ở đây, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra không? – Ở đây, có một điều quy định, không có điều quy định thêm và điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra.

Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, (hay) là điều quy định cho khu vực? – Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung (cho tỳ khuru và tỳ khuru ni), (hay) là điều quy định riêng? – Là điều quy định riêng (cho tỳ khuru).

Là điều quy định cho một (hội chúng), (hay) là điều quy định cho cả hai (hội chúng tỳ khuru và tỳ khuru ni)? – Là điều quy định cho một (hội chúng).

Trong năm cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*, (điều ấy) được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào? – (Điều ấy) được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với với phần đọc tụng nào? – Được đưa ra đọc tụng với với phần đọc tụng thứ tư.

Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? – Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? – Có thể thuộc về nhóm tội *pārājika*, có thể thuộc về nhóm tội *saṅghādisesa*, có thể thuộc về nhóm tội *pācittiya*.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? – Điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? – Là sự tranh tụng liên quan đến tội.

Trong bảy cách dàn xếp (sự tranh tụng), điều ấy được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Điều ấy được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: có thể là hành

xử Luật với sự hiện diện, có thể là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là cách dùng cớ che lấp.

Ở đây điều gì gọi là Luật? Ở đây điều gì gọi là Thắng Luật? – Sự quy định gọi là Luật. Sự phân tích gọi là Thắng Luật.

Ở đây điều gì gọi là giới bốn *Pātimokkha*? Ở đây điều gì gọi là Tăng thượng giới bốn *Pātimokkha*? – Sự quy định gọi là giới bốn *Pātimokkha*. Sự phân tích gọi là Tăng thượng giới bốn *Pātimokkha*.

Điều gì là sự phạm tội? – Việc không tự kiểm chế là sự phạm tội.

Điều gì là sự thành tựu? – Việc tự kiểm chế là sự thành tựu.

Điều gì là sự thực hành? – ‘Tôi sẽ không làm việc như thế,’ sau khi thọ trì vị ấy học tập về các điều học cho đến trọn đời, tận hơi thở vào cuối cùng.

Điều *aniyata* thứ nhất đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích? – Điều *aniyata* thứ nhất đã được đức Thế Tôn quy định vì mười lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc kiểm chế những nhân vật ác xấu, nhằm sự lạc trú của các tỳ khưu hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,

nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, (và) nhằm sự hỗ trợ Luật.

Những ai học tập (điều ấy)? – Các bậc Thánh hữu học và các thiện nhân phạm phu học tập (điều ấy).

Những ai có việc học tập đã học tập xong? – Các bậc A-la-hán có việc học tập đã học tập xong.

(Điều ấy) được tồn tại ở đâu? – Được tồn tại ở các vị có sự ưa thích việc học tập.

Những ai duy trì (điều ấy)? – Những vị nào rành rẽ, những vị ấy duy trì.

Là lời dạy của ai? – Là lời dạy của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

Do ai truyền đạt lại? – Được truyền đạt lại theo sự kế tục (của các vị trưởng lão).

Vị *Upāli*, luôn cả vị *Dāsaka*, —nt— ở hòn đảo *tambapaṇṇī*.

2. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *anīyata* thứ nhì đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành *Sāvatthi*.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức *Udāyi*.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Udāyi đã cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo.

Ở đây, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra không? – Ở đây, có một điều quy định, không có điều quy định thêm và điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra.

Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, (hay) là điều quy định cho khu vực? – Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung (cho tỳ khuru và tỳ khuru ni), (hay) là điều quy định riêng? – Là điều quy định riêng (cho tỳ khuru).

Là điều quy định cho một (hội chúng), (hay) là điều quy định cho cả hai (hội chúng tỳ khuru và tỳ khuru ni)? – Là điều quy định cho một (hội chúng).

Trong năm cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*, (điều ấy) được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào? – (Điều ấy) được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với với phần đọc tụng nào? – Được đưa ra đọc tụng với với phần đọc tụng thứ tư.

Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? – Có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? – Có thể thuộc về nhóm tội *saṇ ghādisesa*, có thể thuộc về nhóm tội *pācittiya*.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? – Điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? – Là sự tranh tụng liên quan đến tội.

Trong bảy cách dàn xếp (sự tranh tụng), điều ấy được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Điều ấy được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện, có thể là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là cách dùng cớ che lấp.
—nt—

Dứt hai điều *anīyata*.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Thuận tiện cho việc hành động, đúng y như vậy luôn cả không như vậy, các điều anīyata đã khéo được quy định bởi đức Phật, là vị đứng đầu như thế ấy.

--ooOoo--

1. 4. CHƯƠNG NISSAGGIYA

4. 1.

1. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *nissaggiya pācittiya* đến vị vượt quá mười ngày về (việc cất giữ) y phụ tội đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Vesāli.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã cất giữ y phụ tội vượt quá mười ngày.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.
—nt—

2. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị xa lìa ba y một đêm đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khưu.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru sau khi giao y tận tay của các tỳ khuru rồi đã ra đi du hành trong xứ sở với y nội và y vai trái.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.
—nt—

3. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ rồi (cất giữ) vượt quá một tháng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ rồi đã (cất giữ) vượt quá một tháng.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.
—nt—

4. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị bảo tỳ khuru ni không phải là thân quyến giết y cũ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Udāyi.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Udāyi đã bảo vị tỳ khuru ni không phải là thân quyến giết y cũ.

– Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

5. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị thọ lãnh y từ tay tỳ khuru ni không phải là thân quyến đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Udāyi.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Udāyi thọ lãnh y từ tay tỳ khuru ni không phải là thân quyến.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

6. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Upananda con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Upananda con trai dòng Sakya đã yêu cầu người con trai nhà đại phú không phải là thân quyến về y.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

7. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y vượt quá số lượng cho phép đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã không biết chừng mực và yêu cầu nhiều y.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

8. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến gặp gia chủ không phải là thân

quyển và đưa ra sự căn dặn về y đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Upananda con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Upananda con trai dòng Sakya khi chưa được thỉnh cầu trước đã đi đến gặp gia chủ không phải là thân quyến và đưa ra sự căn dặn về y.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

9. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến gặp các gia chủ không phải là thân quyến và đưa ra sự căn dặn về y đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Upananda con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Upananda con trai dòng Sakya khi chưa được thỉnh cầu trước đã đi đến gặp các gia chủ không phải là thân quyến và đưa ra sự căn dặn về y.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

10. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị đạt được y bằng lời nhắc nhở quá ba lần và bằng hành động đứng (im lặng) quá sáu lần đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Upananda con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Upananda con trai dòng Sakya khi được nam cư sĩ nói rằng: ‘Thưa ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay’ đã không chờ đợi.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

Phẩm *Kaṭṭhina* là thứ nhất.

4. 2.

1. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị bảo làm tám trái nằm có trộn lẫn tơ tằm đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Āḷavī.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã đi đến gặp các người thợ dệt tơ tằm và nói như vậy: ‘Này các đạo hữu, hãy nấu nhiều kén tằm rồi bố thí đến chúng tôi; chúng tôi cũng muốn làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tằm.’

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

2. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

3. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị bảo làm tấm trải nằm mới mà không lấy một phần lông cừu màu trắng và

một phần lông cừu màu nâu đỏ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattihi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã để vào một chút ít màu trắng ở viền và theo như thế ấy đã bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

4. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị bảo làm tấm trải nằm mỗi năm đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattihi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khưu.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khưu đã bảo làm tấm trải nằm mỗi năm.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

5. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị bảo làm tấm lót ngồi mới mà không lấy ở phần xung quanh của tấm lót

cũ một gang tay của đức Thiện Thệ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khưu.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khưu đã quăng bỏ các tấm trải nằm và thọ trì pháp của vị ở trong rừng, pháp của vị đi khát thực, pháp của vị sử dụng y *paṃsukūla*.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

6. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị thọ lãnh các lông cừu và đem đi quá ba do tuần đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khưu nọ.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khưu nọ sau khi thọ lãnh các lông cừu đã đem đi quá ba do tuần.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

7. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị bảo tỳ khuru ni không phải là thân quyến giết các lông cừu đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại xứ Sakka.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã bảo các tỳ khuru ni không phải là thân quyến giết các lông cừu.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

8. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị nhận lãnh vàng bạc đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Upananda con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Upananda con trai dòng Sakya đã nhận lãnh vàng bạc.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

9. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị tiến hành việc trao đổi vàng bạc dưới nhiều hình thức đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã tiến hành việc trao đổi vàng bạc dưới nhiều hình thức.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

10. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị tiến hành việc mua bán dưới nhiều hình thức đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Upananda con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Upananda con trai dòng Sakya đã tiến hành việc mua bán với du sĩ ngoại đạo.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

Phẩm Tơ Tầm là thứ nhì.

4. 3.

1. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị vượt quá mười ngày về (việc cất giữ) bình bát phụ trội đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã cất giữ bình bát phụ trội.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

2. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị với bình bát cũ chưa đủ năm miếng vá lại sắm bình bát mới đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại xứ Sakka.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư với (bình bát) bị bể chỉ chút ít, bị nứt chỉ chút ít, bị trầy chỉ chút ít đã yêu cầu nhiều bình bát.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

3. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị thọ lãnh các loại dược phẩm rồi (cất giữ) vượt quá bảy ngày đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru sau khi thọ lãnh các loại dược phẩm đã (cất giữ) vượt quá bảy ngày.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều *Kaṭṭhina*. —nt—

4. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị tìm kiếm y choàng tắm mưa lúc mùa nắng còn hơn một tháng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư tìm kiếm y choàng tắm mưa lúc mùa nắng còn hơn một tháng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

5. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị sau khi tự mình cho y đến vị tỳ khưu lại nổi giận, bất bình rồi giật lại đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Upananda con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Upananda con trai dòng Sakya sau khi tự mình cho y đến vị tỳ khưu lại nổi giận, bất bình rồi đã giật lại.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

6. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị tự mình yêu cầu chỉ sợi rồi bảo các thợ dệt dệt thành y đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã tự mình yêu cầu chỉ sơi rồi bảo các thợ dệt dệt thành y.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

7. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến các thợ dệt của gia chủ không phải là thân quyến và đưa ra sự cản dận về y đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Upananda con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Upananda con trai dòng Sakya khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến các thợ dệt của gia chủ không phải là thân quyến và đưa ra sự cản dận về y.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

8. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị sau khi thọ lãnh y đặc biệt rồi (cất giữ) vượt quá thời hạn về y đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru sau khi thọ lãnh y đặc biệt rồi đã (cất giữ) vượt quá thời hạn về y.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều *Kaṭ hīna*. —nt—

9. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị sau khi để lại một y nào đó của ba y ở trong xóm nhà rồi xa lìa hơn sáu đêm đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru sau khi để lại một y nào đó của ba y ở trong xóm nhà rồi đã xa lìa hơn sáu đêm.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều *Kaṭ hīna*. —nt—

10. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị đầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng vẫn thuyết phục dâng cho bản thân đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đầu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng đã thuyết phục dâng cho bản thân.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

Phẩm Bình Bát là thứ ba.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Mười ngày, một đêm, và một tháng, việc giặt (y cũ), và việc thọ lãnh (y), không phải là thân quyến, đã được dành riêng, của cả hai điều, và bởi người sứ giả.

Tơ tằm, thuần (màu đen), hai phân, sáu năm, tấm lót ngồi, hai điều về lông cừu, về việc nhận lấy, cả hai dưới nhiều hình thức.

Hai điều về bình bát, được phẩm, thuộc mùa mưa, việc lấy lại (y) là thứ năm, tự mình, việc bảo dật, (y) đặc biệt, sự nguy hiểm, và thuộc về hội chúng.

Dứt ba mươi điều *nissaggiya pācittiya*.

--ooOoo--

1. 5. CHƯƠNG *PĀCITTIIYA*

5. 1.

1. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *pācittiya* về việc cố tình nói dối đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến Hatthaka con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, Hatthaka con trai dòng Sakya trong khi nói chuyện với những người ngoại đạo đã phủ nhận rồi thừa nhận, đã thừa nhận rồi phủ nhận.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

2. Điều *pācittiya* về nói lời mắng nhiếc đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư trong khi cãi cộ với các tỳ khuru hiền thiện đã mắng nhiếc các tỳ khuru hiền thiện.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

3. Điều *pācittiya* về việc đâm thọc các tỳ khuru đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã tạo ra sự đâm thọc giữa các tỳ khuru đang xảy ra sự xung đột, đang xảy ra sự cãi cộ, đang có sự tranh luận.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

4. Điều *pācittiya* đến vị dạy người chưa tu lên bậc trên đọc Pháp theo từng câu đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã dạy các cư sĩ đọc Pháp theo từng câu.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân. —nt—

5. Điều *pācittiya* đến vị nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên quá hai ba đêm đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Āl avī.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru đã nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

6. Điều *pācittiya* đến vị nằm chung chỗ ngủ với người nữ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Anuruddha.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Anuruddha đã nằm chung chỗ ngủ với người nữ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu.¹ —nt—

7. Điều *pācittiya* đến vị thuyết Pháp đến người nữ hơn năm hay sáu câu đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Udāyi.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Udāyi đã thuyết Pháp đến người nữ quá năm hay sáu câu.

– Có một điều quy định, có hai điều quy định thêm.

¹ Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu (ND).

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều Pháp theo từng câu.¹ —nt—

8. Điều *pācittiya* đến vị tuyên bố pháp thượng nhân đã thực chứng đến người chưa tu lên bậc trên đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ở bờ sông Vaggumudā.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ở bờ sông Vaggumudā đã khen ngợi pháp thượng nhân của vị này vị nọ đến các cư sĩ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý. —nt—

9. Điều *pācittiya* đến vị công bố tội xấu của tỳ khuru đến người chưa tu lên bậc trên đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

¹ Có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân (ND).

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã công bố tội xấu của tỳ khuru đến người chưa tu lên bậc trên.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

10. Điều *pācittiya* đến vị đào đất đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Āḷ avī.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ở Āḷ avī.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ở Āḷ avī đã đào đất.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

Phẩm Nói Đối là thứ nhất.

5. 2.

1. Điều *pācittiya* về việc phá hoại sự sống của thảo mộc đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Āḷ avī.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ở Āḷavī.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ở Āḷavī đã chặt cây.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

2. Điều *pācittiya* về việc nói tránh né, về việc gây khó khăn đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại Kosambi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Channa.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Channa khi đang được xác định tội ở giữa hội chúng đã phản kháng cách này hoặc cách khác.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

3. Điều *pācittiya* về việc phàn nàn, về việc phê phán đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã phàn nàn với các tỳ khuru về đại đức Dabba Mallaputta.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

4. Điều *pācittiya* đến vị sau khi trải ra giường, hoặc ghế, hoặc nệm, hoặc gối kê thuộc về hội chúng ở ngoài trời, rồi không thu dọn, và ra đi không thông báo đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru sau khi trải ra vật nằm ngồi thuộc về hội chúng ở ngoài trời, rồi không thu dọn, và đã ra đi không thông báo.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều *Kaṭ hīna*. —nt—

5. Điều *pācittiya* đến vị sau khi trải ra chỗ nằm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, rồi không thu dọn, và ra đi không thông báo đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Mười Bảy Sư sau khi trải ra chỗ nằm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, rồi không thu dọn, và đã ra đi không thông báo.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều *Kaṭṭhina*. —nt—

6. Điều *pācittiya* đến vị dầu biết vẫn chen vào (chỗ) của vị tỳ khưu đã đến trước rồi nằm xuống ở trong trú xá thuộc về hội chúng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã chen vào (chỗ) các tỳ khưu trưởng lão rồi nằm xuống.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

7. Điều *pācittiya* đến vị vì nổi giận, bất bình rồi lôi kéo vị tỳ khuru ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư vì nổi giận bất bình đã lôi kéo các vị tỳ khuru ra khỏi trú xá của hội chúng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

8. Điều *pācittiya* đến vị ngồi lên trên chiếc giường hoặc ghế loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru nọ.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru nọ đã ngồi lên một cách vội vã trên chiếc giường loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

9. Điều *pācittiya* đến vị sau khi quyết định phương thức của việc lợp mái hai ba lớp lại quyết định vượt quá mức ấy đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại Kosambi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Channa.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Channa khi trú xá đã được làm hoàn tất lại cho người lợp thêm ở mái nhiều lớp, tô trét thêm ở tường nhiều lớp, khiến trú xá trở nên quá nặng nề rồi sụp đổ xuống.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

10. Điều *pācittiya* đến vị dầu biết nước có sinh vật vẫn tưới lên cỏ hoặc đất sét đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Āḷ avī.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ở Āḷ avī.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ở Āḷ avī dầu biết nước có sinh vật đã tưới lên cỏ và đất sét.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

Phẩm Thảo Mộc là thứ nhì.

5. 3.

1. Điều *pācittiya* đến vị chưa được chỉ định mà giáo giới các tỳ khuru ni đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư chưa được chỉ định đã giáo giới các tỳ khuru ni.

Ở đây, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra không? – Ở đây, có một điều quy định, có một điều quy định thêm, không có điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân. —nt—

2. Điều *pācittiya* đến vị giáo giới các tỳ khuru ni khi mặt trời đã lặn đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Cullapanthaka.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Cullapanthaka đã giáo giới các tỳ khuru ni khi mặt trời đã lặn.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều Pháp theo từng câu. —nt—

3. Điều *pācittiya* đến vị sau khi đi đến chỗ ngụ của tỳ khuru ni rồi giáo giới các tỳ khuru ni đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại xứ Sakka.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư sau khi đi đến ni viện rồi đã giáo giới các tỳ khuru ni.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều *Kaṭṭhina*. —nt—

4. Điều *pācittiya* đến vị phát ngôn rằng: ‘Các tỳ khuru giáo giới các tỳ khuru ni vì nguyên nhân lợi lộc’ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã phát ngôn rằng: ‘Các tỳ khuru giáo giới các tỳ khuru ni vì nguyên nhân lợi lộc.’

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

5. Điều *pācittiya* đến vị cho y đến tỳ khuru ni không phải là thân quyến đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru nọ.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru nọ đã cho y đến vị tỳ khuru ni không phải là thân quyến.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

6. Điều *pācittiya* đến vị may y cho tỳ khuru ni không phải là thân quyến đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Udāyi.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Udāyi đã may y cho vị tỳ khuru ni không phải là thân quyến.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

7. Điều *pācittiya* đến vị hện trước rồi đi chung đường xa với tỳ khuru ni đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã hẹn trước rồi đi chung đường xa với các tỳ khuru ni.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

8. Điều *pācittiya* đến vị hẹn trước rồi cùng lên một chiếc thuyền với tỳ khuru ni đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã hẹn trước rồi cùng lên một chiếc thuyền với các tỳ khuru ni.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: —nt—

9. Điều *pācittiya* đến vị dầu biết vẫn thọ thực thức ăn được tỳ khuru ni môi giới cho đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến Devadatta.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, Devadatta dầu biết đã thọ thực thức ăn được tỳ khuru ni môi giới cho.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

10. Điều *pācittiya* đến vị cùng với tỳ khuru ni, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Udāyi.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Udāyi cùng với tỳ khuru ni, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

Phẩm Giáo Giới là thứ ba.

5. 4.

1. Điều *pācittiya* đến vị thọ dụng vật thực ở phước xá vượt quá mức ấy đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư, sau khi tiếp tục trú ngụ, đã thọ dụng vật thực ở phước xá.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

2. Điều *pācittiya* trong trường hợp vật thực dâng chung nhóm đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến Devadatta.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, Devadatta cùng với tùy tùng đã liên tục yêu cầu các gia đình rồi thọ thực.

– Có một điều quy định, có bảy điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

3. Điều *pācittiya* trong trường hợp vật thực thỉnh sau đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru được thỉnh mời nơi này đã thọ thực ở nơi khác.

– Có một điều quy định, có bốn điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều *Kaṭ hīna*. —nt—

4. Điều *pācittiya* đến vị sau khi đã thọ lãnh đầy hai hoặc ba bình bát bánh ngọt lại thọ lãnh quá mức ấy đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthī.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru đã thọ lãnh không biết chừng mực.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

5. Điều *pācittiya* đến vị thọ thực xong và đã từ chối (vật thực dâng thêm) lại thọ thực vật thực cứng hoặc vật thực mềm không phải là thức ăn thừa đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru khi thọ thực xong và đã từ chối (vật thực dâng thêm) đã thọ thực (thêm) ở nơi khác.

– Có một điều quy định, có điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều *Kaṭ hīna*. —nt—

6. Điều *pācittiya* đến vị yêu cầu vị tỳ khuru đã thọ thực xong và đã từ chối (vật thực dâng thêm) nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm không phải là thức ăn thừa đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru nọ.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru nọ đã thỉnh cầu vị tỳ khuru đã thọ thực xong và đã từ chối (vật thực dâng thêm) nhận lãnh thức ăn không phải là thức ăn còn thừa.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

7. Điều *pācittiya* đến vị thọ dụng vật thực cứng hoặc vật thực mềm vào lúc sái thời đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Mười Bảy Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Mười Bảy Sư đã thọ dụng vật thực vào lúc sái thời.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

8. Điều *pācittiya* đến vị thọ dụng vật thực cứng hoặc vật thực mềm đã được tích trữ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Belaṭṭhisīsa.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Belaṭṭhisīsa đã thọ dụng vật thực đã được tích trữ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

9. Điều *pācittiya* đến vị yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: —nt—

10. Điều *pācittiya* đến vị đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru nọ.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru nọ đã đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừ. —nt—

Phẩm Vật Thực là thứ tư.

5. 5.

1. Điều *pācittiya* đến vị tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm đến đạo sĩ lỏa thể, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Vesālī.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Ānanda.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Ānanda đã cho nữ du sĩ ngoại đạo nọ hai cái bánh ngọt nghĩ rằng một cái.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừ. —nt—

2. Điều *pācittiya* đến vị (nói với) vị tỳ khuru rằng: ‘Này đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ vào làng hoặc thị trấn để khất thực,’ sau khi bảo bố thí hoặc bảo đừng bố thí cho vị ấy rồi đuổi đi đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Upananda con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Upananda con trai dòng Sakya (nói với) vị tỳ khưu rằng: ‘Này đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ vào làng để khát thực,’ sau khi bảo đừng bố thí cho vị ấy rồi đã đuổi đi.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

3. Điều *pācittiya* đến vị đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng rồi ngồi xuống đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Upananda con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Upananda con trai dòng Sakya đã đi vào gia đình chỉ có cặp vợ chồng rồi ngồi xuống.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

4. Điều *pācittiya* đến vị cùng với người nữ ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattihi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Upananda con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Upananda con trai dòng Sakya đã cùng với người nữ ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

5. Điều *pācittiya* đến vị cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattihi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Upananda con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Upananda con trai dòng Sakya đã cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

6. Điều *pācittiya* đến vị, khi đã được thỉnh mời khi đã có bữa trai phạn, còn đi đến các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn mà không thông báo cho vị tỳ khưu hiện diện đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Upananda con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Upananda con trai dòng Sakya, khi đã được thỉnh mời, khi đã có bữa trai phạn, còn đi đến các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn.

– Có một điều quy định, có bốn điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều *Kaṭṭhina*. —nt—

7. Điều *pācittiya* đến vị yêu cầu được phẩm trị bệnh vượt quá thời hạn (thỉnh cầu) đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại xứ Sakka.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư khi được Mahānāma dòng Sakya nói rằng: ‘Thưa các ngài, xin hãy chờ cho ngày hôm nay’ đã không chờ đợi.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

8. Điều *pācittiya* đến vị đi để xem quân đội động binh đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã đi để xem quân đội động binh.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

9. Điều *pācittiya* đến vị cư ngụ trong binh đội quá ba đêm đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã cư ngụ trong binh đội quá ba đêm.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

10. Điều *pācittiya* đến vị đi đến nơi tập trận đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã đi đến nơi tập trận.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

Phẩm Đạo Sĩ Lỏa Thể là thứ năm.

5. 6.

1. Điều *pācittiya* về việc uống rượu và men say đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại Kosambi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Sāgata.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Sāgata đã uống rượu mạnh.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

2. Điều *pācittiya* về việc thọc lét bằng ngón tay đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã chọc cười vị tỳ khưu bằng cách dùng ngón tay thọc lét.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

3. Điều *pācittiya* về việc chơi giỡn ở trong nước đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Mười Bảy Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Mười Bảy Sư đã đùa giỡn trong nước ở dòng sông Aciravatī.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

4. Điều *pācittiya* về sự không tôn trọng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại Kosambi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Channa.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Channa đã thể hiện sự không tôn trọng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

5. Điều *pācittiya* đến vị làm tỳ khuru kinh sợ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã làm vị tỳ khuru kinh sợ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

6. Điều *pācittiya* đến vị tự mình đốt lên ngọn lửa rồi sưởi ấm đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại xứ Bhagga.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru đã tự mình đốt lên ngọn lửa rồi sưởi ấm.

– Có một điều quy định, có hai điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

7. Điều *pācittiya* đến vị tắm khi chưa đủ nửa tháng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru sau khi nhìn thấy đức vua rồi đã tắm không biết chừng mực.

– Có một điều quy định, có sáu điều quy định thêm.

Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, (hay) là điều quy định cho khu vực? – Là điều quy định cho khu vực.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

8. Điều *pācittiya* đến vị sử dụng y mới khi chưa áp dụng cách hoại sắc nào đó trong ba cách hoại sắc đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru đã không nhận biết y của bản thân.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

9. Điều *pācittiya* đến vị sau khi chú nguyện dùng chung y của mình đến vị tỳ khuru hoặc đến vị tỳ khuru ni hoặc đến cô ni tu tập sự hoặc đến vị sa di hoặc đến vị sa

di ni lại sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattihi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Upananda con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Upananda con trai dòng Sakya sau khi chú nguyện dùng chung y của mình đến vị tỳ khuru rồi đã sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều *Kaṭ hīna*. —nt—

10. Điều *pācittiya* đến vị thu giấu bình bát hoặc y hoặc tấm lót ngồi hoặc ống đựng kim hoặc dây thắt lưng của vị tỳ khuru đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattihi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã thu giấu bình bát và y của các tỳ khuru.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

Phẩm Rượu và Chất Say là thứ sáu.

5. 7.

1. Điều *pācittiya* đến vị cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Udāyi.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Udāyi đã cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

2. Điều *pācittiya* đến vị dầu biết nước có sinh vật vẫn sử dụng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư dầu biết nước có sinh vật đã sử dụng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

3. Điều *pācittiya* đến vị đầu biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo Pháp vẫn khơi lại để làm hành sự lần nữa đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đầu biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo Pháp vẫn khơi lại để làm hành sự lần nữa.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

4. Điều *pācittiya* đến vị đầu biết vẫn che giấu tội xấu của vị tỳ khuru (khác) đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru nọ.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru nọ đầu biết đã che giấu tội xấu của vị tỳ khuru (khác).

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.
—nt—

5. Điều *pācittiya* đến vị dẫu biết vẫn cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru dẫu biết đã cho tu lên bậc trên người chưa đủ hai mươi tuổi.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

6. Điều *pācittiya* đến vị dẫu biết vẫn hẹn trước rồi đi chung đường xa với đám người đạo tặc đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru nọ.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru nọ dẫu biết vẫn hẹn trước rồi đã đi chung đường xa với đám người đạo tặc.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.
—nt—

7. Điều *pācittiya* đến vị hện trước rồi đi chung đường xa với người nữ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru nọ.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru nọ đã hện trước rồi đi chung đường xa với người nữ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: —nt—

8. Điều *pācittiya* đến vị không dứt bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru Ariṭṭha trước kia là người huấn luyện chim ưng.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru Ariṭṭha trước kia là người huấn luyện chim ưng đã không dứt bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở đến lần thứ ba.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

9. Điều *pācittiya* đến vị đầu biết vẫn hưởng thụ chung với vị tỳ khuru phát ngôn như thế, là vị không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy, đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đầu biết đã hưởng thụ chung với tỳ khuru Aritṭha là vị phát ngôn như thế, là vị không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

10. Điều *pācittiya* đến vị đầu biết vẫn dụ dỗ vị sa di đã bị trục xuất như thế (vì không từ bỏ tà kiến) đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đều biết đã dụ dỗ sa di Kaṇḍaka đã bị trục xuất như thế (vì không từ bỏ tà kiến).

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

Phẩm Có Sinh Vật là thứ bảy.

5. 8.

1. Điều *pācittiya* đến vị khi được các tỳ khuru nhắc nhở theo Pháp lại nói rằng: ‘Này các đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị tỳ khuru khác kinh nghiệm rành rẽ về Luật’ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại Kosambi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Channa.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Channa khi được các tỳ khuru nhắc nhở đúng Pháp đã nói rằng: ‘Này các đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị tỳ khuru khác kinh nghiệm rành rẽ về Luật.’

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

2. Điều *pācittiya* đến vị chê bai Luật đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã chê bai Luật.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

3. Điều *pācittiya* về việc (giả vờ) ngu dốt đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã (giả vờ) ngu dốt.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

4. Điều *pācittiya* đến vị vì nổi giận bất bình rồi tung cú đánh vào vị tỳ khuru (khác) đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư vì nổi giận bất bình đã tung cú đánh vào các tỳ khuru.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.—nt—

5. Điều *pācittiya* đến vị vì nổi giận bất bình rồi gio tay dọa đánh vị tỳ khuru (khác) đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư vì nổi giận bất bình đã gio tay dọa đánh các tỳ khuru.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

6. Điều *pācittiya* đến vị bôi nhọ vị tỳ khuru (khác) về tội *saṅ ghādisesa* không có nguyên cớ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã bôi nhọ vị tỳ khuru về tội *saṅ ghādisesa* không có nguyên cớ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

7. Điều *pācittiya* đến vị cố ý gọi lên nổi nghi hoặc cho vị tỳ khuru (khác) đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã cố ý gọi lên nổi nghi hoặc cho các vị tỳ khuru.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

8. Điều *pācittiya* đến vị đứng lắng nghe các tỳ khuru đang xảy ra sự xung đột, đang xảy ra sự cãi cọ, đang có sự tranh luận đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã đứng lắng nghe các tỳ khuru đang xảy ra sự xung đột, đang xảy ra sự cãi cọ, đang có sự tranh luận.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

9. Điều *pācittiya* đến vị sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng pháp sau đó lại tiến hành việc phê phán đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng pháp sau đó đã tiến hành việc phê phán.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

10. Điều *pācittiya* đến vị không trao ra sự tùy thuận rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi trong khi lời quyết định đang được tuyên bố ở hội chúng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru nọ.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru nọ sau khi không trao ra sự tùy thuận rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi trong khi lời quyết định đang được tuyên bố ở hội chúng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

11. Điều *pācittiya* đến vị sau khi cùng với hội chúng họp nhất cho y sau đó lại tiến hành việc phê phán đã

được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư sau khi cùng với hội chúng hợp nhất cho y sau đó đã tiến hành việc phê phán.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

12. Điều *pācittiya* đến vị dẫu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng vẫn thuyết phục dâng cho cá nhân đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư dẫu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng đã thuyết phục dâng cho cá nhân.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

Phẩm Theo Pháp là thứ tám.

5. 9.

1. Điều *pācittiya* đến vị đi vào hậu cung của đức vua khi chưa báo tin trước đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Ānanda.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Ānanda đã đi vào hậu cung của đức vua khi chưa báo tin trước.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều *Kaṭ hīna*. —nt—

2. Điều *pācittiya* đến vị nhặt lấy vật quý giá đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khưu nọ.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khưu nọ đã nhặt lấy vật quý giá.

– Có một điều quy định, có hai điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

3. Điều *pācittiya* đến vị đi vào làng lúc sái thời không báo cho vị tỳ khuru hiện diện đã được quy định tại đâu?
– Đã được quy định tại thành Sāvattthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã đi vào làng lúc sái thời.

– Có một điều quy định, có ba điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều *Kaṭṭhina*. —nt—

4. Điều *pācittiya* đến vị bảo làm ống đựng kim bằng xương, hoặc bằng ngà, hoặc bằng sừng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại xứ Sakka.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru không biết chừng mực đã yêu cầu nhiều ống đựng kim.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

5. Điều *pācittiya* đến vị bảo làm giường hoặc ghế vượt quá kích thước đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Upananda con trai dòng Sakya.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Upananda con trai dòng Sakya đã nằm ở giường cao.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

6. Điều *pācittiya* đến vị bảo làm giường hoặc ghế có độn bông gòn đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã bảo làm giường và ghế có độn bông gòn.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

7. Điều *pācittiya* đến vị bảo làm tấm lót ngồi vượt quá kích thước đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã sử dụng các tấm lót ngồi không đúng kích thước.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

8. Điều *pācittiya* đến vị bảo làm y đắp ghé vượt quá kích thước đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã sử dụng các y đắp ghé không đúng kích thước.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

9. Điều *pācittiya* đến vị bảo làm vài choàng tắm mưa vượt quá kích thước đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã sử dụng các vài choàng tắm mưa không đúng kích thước.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

10. Điều *pācittiya* đến vị bảo làm y bằng kích thước y của đức Thiện Thệ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Nanda.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Nanda đã sử dụng y bằng kích thước y của đức Thiện Thệ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

Phẩm Đức Vua là thứ chín.

Dứt chín mươi hai điều *pācittiya*.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

1. Nói dối, sự mắng nhiếc, nói đâm thọc, theo từng câu, hai điều về việc nằm, việc thuyết giảng, và luôn cả việc tuyên bố, tội xấu, và việc đào xới.

2. Thảo mộc, nói tráo trở, vị đã phàn nàn, giường và việc nằm được nói đến, vị đến trước, việc lôi kéo ra, loại có chân tháo rời được, cửa lớn, và có sinh vật.

3. Chưa được chỉ định, khi (mặt trời) đã lặn, chỗ trú ngụ (của tỳ khưu ni), và vì vật chất, vị cho (y), vị may (y), với sự hẹn trước, (chung) thuyền, (nếu) thọ thực, (ngồi) chung.

4. Vật thực (ở phước xá), (vật thực) chung nhóm, (thọ thực) nơi khác, bánh ngọt, vị đã ngăn (vật thực), đôi với vị đã ngăn (vật thực), lúc sai thời, sự tích trữ, sữa tươi, với tắm rửa răng, các điều ấy là mười.

5. Nữ đạo sĩ lỏa thể, việc đuổi đi, sau khi đi vào, được che khuất, và với nơi kín đáo, vị đã được thỉnh mời, với các vật dụng, (xem) đội quân, việc trú ngụ (nơi binh đội), nơi tập trận.

6. Rượu, ngón tay, việc chơi giỡn (ở trong nước), sự không tôn trọng, và sự làm cho kinh sợ, ngọn lửa, việc tắm, việc hoại sắc, đích thân (chú nguyện), và do việc thu giầu.

7. Cố ý (giết hại), nước (có sinh vật), và (khởi lại) các hành sự, (che giấu) tội xấu, chưa đủ hai mươi tuổi, (đam người) đạo tặc, người nữ, trong khi chỉ ra, về việc ngụ chung, và với vị (sa di) đã bị trục xuất.

8. Theo Pháp, việc gây ra bối rối, sự giả vờ ngụ dốt, với cú đánh, về sự dử tay (dọa đánh), và không có nguyên cớ, cố ý, tôi sẽ lắng nghe, về việc phê phán, vị bỏ đi, sau khi cùng hội chúng cho đi, vị thuyết phục dăng cá nhân.

9. Và của đức vua, vật quý giá, vị hiện diện, kim may, và (chân) giường, (độn) bông gòn, vật lót ngồi, và (y đắp) ghế, (choàng tắm) thuộc mùa mưa, và với (y) đức Thiện Thệ.

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM NÀY

Nói dối, thảo mộc, và giáo giới, vật thực, và đạo sĩ lừa thế, (uống) rượu, có sinh vật, (theo) Pháp, với phẩm về đức vua, các phẩm ấy là chín.

--ooOoo--

1. 6. CHƯƠNG *PĀṬIDESANĪYA*

1. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *pāṭ idesanīya* đến vị tỳ thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay tỳ khuru ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, rồi thọ thực đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru nọ.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru nọ đã thọ lãnh vật thực từ tay tỳ khuru ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

2. Điều *pāṭ idesanīya* đến vị không ngăn cản vị tỳ khuru ni đang hướng dẫn sự phục vụ rồi thọ thực đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã không ngăn cản vị tỳ khưu ni đang hướng dẫn sự phục vụ.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.
—nt—

3. Điều *pāṭ idesanīya* đến vị tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc hữu học rồi thọ thực đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khưu.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khưu đã thọ lãnh không biết chừng mực.

– Có một điều quy định, có hai điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

4. Điều *pāṭ idesanīya* đến vị tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm chưa được báo tin trước trong khuôn viên tu viện ở những chỗ trú ngụ trong rừng rồi

thọ thực đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại xứ Sakka.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khưu.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khưu đã không thông báo về bọn trộm cướp đang ẩn náu trong tu viện.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.
—nt—

Dứt bốn điều *pāṭ idesanīya*.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

*Không phải là thân quyến, vị đang chỉ bảo bày thức ăn, và bậc Thánh Hữu học, với vị ngụ ở rừng, bốn điều *pāṭ idesanīya* đã được giảng giải bởi đấng Toàn Giác.*

--ooOoo--

1. 7. CÁC ĐIỀU SEKHIYA

7. 1.

1. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *dukkat* a đến vị quần y (nội) để lòng thông phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã quần y (nội) để lòng thông phía trước và phía sau.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

2. Điều *dukkat* a đến vị trùm y (vai trái) để lòng thông phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã trùm y (vai trái) để lòng thông phía trước và phía sau.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

3. Điều *dukkat* a đến vị để hỏ thân rồi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng —nt—

– Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã để hỏ thân rồi đi ở nơi xóm nhà.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

4. Điều *dukkat* a đến vị để hỏ thân rồi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng —nt—

– Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã để hỏ thân rồi ngồi ở nơi xóm nhà.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

5. Điều *dukkaṭa* a đến vị múa máy tay chân khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng —nt—

– Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã múa máy tay chân khi đi ở nơi xóm nhà.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

6. Điều *dukkaṭa* a đến vị múa máy tay chân khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng —nt—

– Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã múa máy tay chân khi ngồi ở nơi xóm nhà.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

7. Điều *dukkaṭa* a đến vị nhìn chỗ này chỗ nọ khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng —nt—

– Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã nhìn chỗ này chỗ nọ khi đi ở nơi xóm nhà.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

8. Điều *dukkaṭa* a đến vị nhìn chỗ này chỗ nọ khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng —nt—

– Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã nhìn chỗ này chỗ nọ khi ngồi ở nơi xóm nhà.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

9. Điều *dukkaṭa* a đến vị đi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu?
– Đã được quy định tại thành Sāvatti.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

10. Điều *dukkat* a đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã ngồi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

Phẩm Tròn Đều là thứ nhất.

7. 2.

1. Điều *dukkat* a đến vị đi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà, cười tiếng cười lớn.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.
—nt—

2. Điều *dukkaṭa* a đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã ngồi ở nơi xóm nhà, cười tiếng cười lớn.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.
—nt—

3. Điều *dukkaṭa* a đến vị trong khi đi ở nơi xóm nhà gây tiếng động ồn tiếng động lớn do không có sự tôn trọng —nt—

– Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà, gây tiếng động ồn tiếng động lớn.—nt—

4. Điều *dukkat* a đến vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà gây tiếng động ồn tiếng động lớn do không có sự tôn trọng —nt—

– Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã ngồi ở nơi xóm nhà, gây tiếng động ồn tiếng động lớn. —nt—

5. Điều *dukkat* a đến vị đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân do không có sự tôn trọng —nt—

– Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân. —nt— sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

6. Điều *dukkat* a đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân do không có sự tôn trọng —nt—

– Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân. —nt—

7. Điều *dukkat* a đến vị đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay do không có sự tôn trọng —nt—

– Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay. —nt—

8. Điều *dukkat* a đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay do không có sự tôn trọng —nt—

– Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã ngồi ở nơi xóm nhà với sự đưng đưa cánh tay. —nt—

9. Điều *dukkat* a đến vị đi ở nơi xóm nhà với sự đưng đưa đầu do không có sự tôn trọng —nt—

– Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà với sự đưng đưa đầu. —nt—

10. Điều *dukkat* a đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với sự đưng đưa đầu do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã ngồi ở nơi xóm nhà với sự đưng đưa đầu.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

Phẩm Cười Vang là thứ nhì.

7. 3.

1. Điều *dukkat a* đến vị đi ở nơi xóm nhà với sự chống nạnh do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã đi ở nơi xóm nhà với sự chống nạnh.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

2. Điều *dukkat a* đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với sự chống nạnh do không có sự tôn trọng —nt—

3. Điều *dukkat a* đến vị đi ở nơi xóm nhà với đầu trùm lại do không có sự tôn trọng —nt—

4. Điều *dukkat a* đến vị ngồi ở nơi xóm nhà với đầu trùm lại do không có sự tôn trọng —nt—

5. Điều *dukkat a* đến vị đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót do không có sự tôn trọng —nt—

6. Điều *dukkaṭa* a đến vị ngồi ôm đầu gối ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng —nt—

7. Điều *dukkaṭa* a đến vị thọ lãnh đồ khất thực không nghiêm trang do không có sự tôn trọng —nt—

8. Điều *dukkaṭa* a đến vị nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi thọ lãnh đồ khất thực do không có sự tôn trọng —nt—

9. Điều *dukkaṭa* a đến vị thọ lãnh quá nhiều xúp do không có sự tôn trọng —nt—

10. Điều *dukkaṭa* a đến vị thọ lãnh đồ khất thực được làm vun đầy lên do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã thọ lãnh đồ khất thực được làm vun đầy lên do không có sự tôn trọng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

Phẩm Chống Nạn là thứ ba.

7. 4.

1. Điều *dukkat* a đến vị thọ dụng đồ khát thực không nghiêm trang do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu nhóm Lục Sư đã thọ dụng đồ khát thực không nghiêm trang do không có sự tôn trọng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

2. Điều *dukkat* a đến vị nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi thọ dụng đồ khát thực do không có sự tôn trọng —nt—

3. Điều *dukkat* a đến vị lựa chọn món này món nọ trong khi thọ dụng đồ khát thực do không có sự tôn trọng —nt—

4. Điều *dukkat* a đến vị thọ dụng quá nhiều súp do không có sự tôn trọng —nt—

5. Điều *dukkat* a đến vị vun lên thành đống rồi thọ dụng đồ khát thực do không có sự tôn trọng —nt—

6. Điều *dukkat* a đến vị dùng cơm che lấp súp và thức ăn do không có sự tôn trọng —nt—

7. Điều *dukkat* a đến vị không bị bệnh yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực do không có sự tôn trọng —nt—

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

8. Điều *dukkat* a đến vị nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi do không có sự tôn trọng —nt—

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

9. Điều *dukkat* a đến vị làm vắt com lớn do không có sự tôn trọng —nt—

10. Điều *dukkat* a đến vị làm vắt com dài do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã làm vất vả do không có sự tôn trọng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

Phẩm Đồ Ăn Khất Thực là thứ tư.

7. 5.

1. Điều *dukkat* a đến vị há miệng ra khi vất cơm chưa được đưa đến do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã há miệng ra khi vất cơm chưa được đưa đến do không có sự tôn trọng.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

2. Điều *dukkat* a đến vị đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực do không có sự tôn trọng —nt—

3. Điều *dukkat* a đến vị nói khi miệng có vắt com do không có sự tôn trọng —nt— sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

4. Điều *dukkat* a đến vị thọ thực theo lối đưa thức ăn (vào miệng) một cách liên tục do không có sự tôn trọng —nt— sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

5. Điều *dukkat* a đến vị thọ thực theo lối cắn vắt com từng chút một do không có sự tôn trọng —nt—

6. Điều *dukkat* a đến vị thọ thực theo lối làm phồng má do không có sự tôn trọng —nt—

7. Điều *dukkat* a đến vị thọ thực có sự vung rảy bàn tay do không có sự tôn trọng —nt—

8. Điều *dukkat* a đến vị thọ thực có sự làm rơi đổ com do không có sự tôn trọng —nt—

9. Điều *dukkat* a đến vị thọ thực có sự le luỗi do không có sự tôn trọng —nt—

10. Điều *dukkat a* đến vị thọ thực có làm tiếng chếp chếp do không có sự tôn trọng —nt—

Phẩm Vất Cơm là thứ năm.

7. 6.

1. Điều *dukkat a* đến vị thọ thực có làm tiếng sột sột do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại Kosambi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru đã uống sữa có làm tiếng sột sột.

– Có một điều quy định.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

2. Điều *dukkat a* đến vị thọ thực có sự liếm tay do không có sự tôn trọng —nt—

3. Điều *dukkat a* đến vị thọ thực có sự nạo vét bình bát do không có sự tôn trọng —nt—

4. Điều *dukkat a* đến vị thọ thực có sự liếm môi do

không có sự tôn trọng —nt—

5. Điều *dukkaṭa* a đến vị thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại xứ Bhagga.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru đã thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có dính thức ăn.
—nt—

6. Điều *dukkaṭa* a đến vị đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại xứ Bhagga.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru đã đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà.
—nt—

7. Điều *dukkaṭa* a đến vị thuyết Pháp đến người có dù ở bàn tay do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư. —nt—

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do khẩu và do ý, không do thân. —nt—

8. Điều *dukkaṭa* a đến vị thuyết Pháp đến người có gậy ở bàn tay do không có sự tôn trọng —nt—

9. Điều *dukkaṭa* a đến vị thuyết Pháp đến người có dao ở bàn tay do không có sự tôn trọng —nt—

10. Điều *dukkaṭa* a đến vị thuyết Pháp đến người có vũ khí ở bàn tay do không có sự tôn trọng —nt—

Phẩm Tiếng Sột Sột là thứ sáu.

7. 7.

1. Điều *dukkaṭa* a đến vị thuyết Pháp đến người có mang giày do không có sự tôn trọng —nt—

2. Điều *dukkaṭa* a đến vị thuyết Pháp đến người có mang dép do không có sự tôn trọng —nt—

3. Điều *dukkaṭa* a đến vị thuyết Pháp đến người ở trên xe do không có sự tôn trọng —nt—

4. Điều *dukkat a* đến vị thuyết Pháp đến người đang nằm do không có sự tôn trọng —nt—

5. Điều *dukkat a* đến vị thuyết Pháp đến người ngồi ôm đầu gối do không có sự tôn trọng —nt—

6. Điều *dukkat a* đến vị thuyết Pháp đến người đội khăn ở đầu do không có sự tôn trọng —nt—

7. Điều *dukkat a* đến vị thuyết Pháp đến người có đầu được trùm lại do không có sự tôn trọng —nt—

8. Điều *dukkat a* đến vị ngồi ở nền đất rồi thuyết Pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi do không có sự tôn trọng —nt—

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.¹

9. Điều *dukkat a* đến vị ngồi ở chỗ ngồi thấp rồi thuyết Pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi cao do không có sự tôn trọng —nt—

10. Điều *dukkat a* đến vị đứng thuyết Pháp đến người đang ngồi do không có sự tôn trọng —nt—

11. Điều *dukkat a* đến vị đang đi phía sau thuyết Pháp đến người đang đi ở phía trước do không có sự tôn trọng —nt—

¹ Tam Tạng Thái Lan ghi rằng: ‘... sanh lên do khẩu và do ý, không do thân.’

12. Điều *dukkaṭa* a đến vị đang đi bên đường thuyết Pháp đến người đang đi giữa đường do không có sự tôn trọng —nt—

13. Điều *dukkaṭa* a đến vị đứng đại tiện hoặc tiểu tiện do không có sự tôn trọng —nt—

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

14. Điều *dukkaṭa* a đến vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ trên cỏ cây xanh do không có sự tôn trọng —nt—

15. Điều *dukkaṭa* a đến vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã đại tiện, tiểu tiện, và khắc nhổ vào trong nước.

– Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

Phẩm Giày Dép là thứ bảy.

Dứt bảy mươi lăm điều *sekhiya*.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

1. (Quần) tròn đều, che kín, và khéo thu thúc, mắt nhìn xuống, được vén lên, tiếng cười vang, giọng nói (nhỏ nhẹ), và luôn cả ba việc đưng đưa.

2. Và luôn cả việc chống nạnh, trùm đầu, nhón gót, và sự ôm đầu gối. Một cách nghiêm trang, và chú tâm ở bình bát, lượng súp tương xứng, vừa ngang miệng bình bát.

3. Một cách nghiêm trang, chú tâm ở bình bát, theo tuân tự, lượng súp tương xứng, vun lên thành đồng, được che lấp, sự yêu cầu, ý định tìm lỗi.

4. (Nắm cơm) không lớn, tròn đều, cửa miệng, trợn bàn tay, không nói, liên tục đưa cơm, việc cắn (từng chút), làm phồng má, rảy tay, việc làm rơi đồ cơm.

5. Và luôn cả việc le lưỡi, tiếng chép chép, tiếng sột sột, (liếm) tay, bình bát, và (liếm) môi, (tay) có dính thức ăn, và (nước) có cơm.

6. Các đức Như Lai không thuyết giảng Chánh Pháp đến người có dù ở bàn tay, cũng thế tay cầm gậy, tay cầm đao, và vũ khí.

7. Và luôn cả người (mang) dép, và giày, ngồi xe, và đang nằm, người ngồi ôm đầu gối, và người đội khăn, trùm đầu.

8. Ở nền đất, chỗ ngôi thấp, đứng, (đi) phía sau, và bên lề đường. Vị đứng không nên làm ở trên cỏ và trong nước.

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM NÀY

Tròn đều, cười lớn tiếng, việc chống nạnh, và đồ khất thực là tương tự như thế ấy, các vất cơm, luôn cả tiếng sột sột, và với giày dép là thứ bảy.

Dứt phần Quy Định Tại Đây

thuộc bộ Đại Phân Tích.¹

--ooOoo--

¹ Phần phân tích về giới dành cho tỳ khưu có tên là *Đại Phân Tích* hoặc *Phân Tích Giới Tỳ Khưu* (ND).

2. PHẦN BAO NHIÊU TỘI

2. 1. CHƯƠNG *PĀRĀJIKĀ*

1. Vị trong khi thực hiện việc đôi lúa vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị trong khi thực hiện việc đôi lúa vi phạm ba tội: Vị thực hiện việc đôi lúa nơi thi thể chưa bị (thú) ăn phạm tội *pārājika*; vị thực hiện việc đôi lúa nơi thi thể đã bị (thú) ăn nhiều phần phạm tội *thullaccaya*; và vị đưa dương vật vào miệng đã được mở ra nhưng không bị va chạm phạm tội *dukkaṭ a*. Vị trong khi thực hiện việc đôi lúa vi phạm ba tội này.

2. Vị trong khi lấy vật chưa được cho vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị trong khi lấy vật chưa được cho vi phạm ba tội: Vị lấy theo lối trộm cắp vật chưa được cho trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka* phạm tội *pārājika*; vị lấy theo lối trộm cắp vật chưa được cho trị giá hơn một *māsaka* hoặc kém năm *māsaka* phạm tội *thullaccaya*; vị lấy theo lối trộm cắp vật chưa được cho trị giá một *māsaka* hoặc kém một *māsaka* phạm tội *dukkaṭ a*. Vị trong khi lấy vật chưa được cho vi phạm ba tội này.

3. Vị trong khi cố ý đoạt lấy mạng sống con người vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị trong khi cố ý đoạt lấy mạng sống con người vi phạm ba tội: Vị đào hố để bẫy người (nghĩ rằng): ‘Người rơi xuống sẽ chết’ phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã bị rơi xuống, cảm thọ khổ sanh khởi (ở nạn nhân) thì phạm tội *thullaccaya*; (nạn nhân) chết đi thì phạm tội *pārājika*. Vị trong khi cố ý đoạt lấy mạng sống con người vi phạm ba tội này.

4. Vị trong khi khoác lác về pháp thượng nhân không có không thực chứng vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị trong khi khoác lác về pháp thượng nhân không có không thực chứng vi phạm ba tội: Vị có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có không thực chứng phạm tội *pārājika*; vị nói rằng: ‘Vị (tỳ khuru) nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị tỳ khuru ấy là bậc A-la-hán,’ (người nghe) hiểu được thì phạm tội *thullaccaya*; (người nghe) không hiểu được thì phạm tội *dukkaṭ a*. Vị trong khi khoác lác về pháp thượng nhân không có không thực chứng vi phạm ba tội này.

Dứt bốn điều *pārājika*.

2. 2. CHƯƠNG SAṄGHĀDISESA

1. Vị trong khi gắng sức và làm xuất ra tinh dịch vi phạm bao nhiêu tội?

– Vị trong khi gắng sức và làm xuất ra tinh dịch vi phạm ba tội: Vị có ý định, gắng sức, bị xuất ra phạm tội *sañ ghādisesa*; vị có ý định, gắng sức, không bị xuất ra phạm tội *thullaccaya*; lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*.

2. Vị trong khi thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ vi phạm ba tội: Vị sờ vào thân (người nữ) bằng thân (vị ấy) phạm tội *sañ ghādisesa*; vị sờ vào vật được gắn liền với thân (người nữ) bằng thân (vị ấy) phạm tội *thullaccaya*; vị sờ vào vật được gắn liền với thân (người nữ) bằng vật được gắn liền với thân (vị ấy) phạm tội *dukkaṭ a*.

3. Vị trong khi nói với người nữ bằng những lời thô tục vi phạm ba tội: Vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai để cập đến đường tiêu, đường tiểu phạm tội *sañ ghādisesa*; vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai để cập đến (phần cơ thể) từ xương đòn (ở cổ) trở xuống và từ đầu gối trở lên trừ ra đường tiêu và đường tiểu phạm tội *thullaccaya*; vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai để cập đến vật gắn liền với thân phạm tội *dukkaṭ a*.

4. Vị trong khi ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân vi phạm ba tội: Vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ phạm tội *sañ ghādisesa*; vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người vô căn phạm tội *thullaccaya*; vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của loài thú phạm tội *dukkaṭ a*.

5. Vị trong khi tiến hành việc mai mối vi phạm ba tội: Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) phạm tội *sañ ghādisesa*; vị nhận lời, thông báo, không đem lại (hồi báo) phạm tội *thullaccaya*; vị nhận lời, không thông báo, không đem lại (hồi báo) phạm tội *dukkaṭ a*.

6. Vị trong khi tự xin (vật liệu) rồi bảo xây dựng cốc liêu vi phạm ba tội: Vị bảo xây dựng, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; còn cục (vữa tô) cuối cùng phạm tội *thullaccaya*; khi cục (vữa tô) ấy đã được đặt vào phạm tội *sañ ghādisesa*.

7. Vị trong khi bảo xây dựng trú xá lớn vi phạm ba tội: Vị bảo xây dựng, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; còn cục (vữa tô) cuối cùng phạm tội *thullaccaya*; khi cục (vữa tô) ấy đã được đặt vào phạm tội *sañ ghādisesa*.

8. Vị trong khi bôi nhọ vị tỳ khuru về tội *pārājika* không có nguyên cớ vi phạm ba tội: Vị khi chưa thỉnh ý (để buộc tội), có ý định loại trừ, rồi nói lời (buộc tội), phạm tội *dukkaṭ a* và tội *sañ ghādisesa*; sau khi đã thỉnh ý (để buộc tội), có ý định mắng nhiếc, rồi nói lời (mắng nhiếc) thì phạm tội nói lời mắng nhiếc.¹

9. Vị sau khi nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhất thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi trong khi bôi nhọ vị tỳ khuru về tội *pārājika* vi phạm ba tội: Vị

¹ Tức là tội *pācittiya* thứ nhì (ND).

khi chưa thành ý (để buộc tội), có ý định loại trừ, rồi nói lời (buộc tội) phạm tội *dukkat a* với tội *sañ ghādisesa*; sau khi đã thành ý (để buộc tội), có ý định mắng nhiếc, rồi nói lời (mắng nhiếc) thì phạm tội nói lời mắng nhiếc.

10. Vị tỳ khuru là người chia rẽ hội chúng trong khi được nhắc nhở đến lần thứ ba vẫn không chịu dứt bỏ vi phạm ba tội: Do lời đề nghị phạm tội *dukkat a*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự, phạm tội *sañ ghādisesa*.

11. Các tỳ khuru là những kẻ ủng hộ vị chia rẽ (hội chúng) trong khi được nhắc nhở đến lần thứ ba vẫn không chịu dứt bỏ vi phạm ba tội: Do lời đề nghị phạm tội *dukkat a*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự, phạm tội *sañ ghādisesa*.

12. Vị tỳ khuru khó dạy trong khi được nhắc nhở đến lần thứ ba vẫn không chịu dứt bỏ vi phạm ba tội: Do lời đề nghị phạm tội *dukkat a*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự, phạm tội *sañ ghādisesa*.

13. Vị tỳ khuru là người làm hư hỏng các gia đình trong khi được nhắc nhở đến lần thứ ba vẫn không chịu dứt bỏ vi phạm ba tội: Do lời đề nghị phạm tội *dukkat a*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự phạm các tội

thullaccaya; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự, phạm tội *saṇ ghādisesa*.

Dứt mười ba điều *saṇ ghādisesa*.

2. 3. CHƯƠNG *NISSAGGIYA*

3. 1.

1. Vị trong khi vượt quá mười ngày về (việc cất giữ) y phụ trội vi phạm một tội *nissaggiya pācittiya*.

2. Vị trong khi xa lìa (một trong) ba y một đêm vi phạm một tội *nissaggiya pācittiya*.

3. Vị sau khi thọ lãnh y ngoài hạn kỳ, trong khi vượt quá một tháng vi phạm một tội *nissaggiya pācittiya*.

4. Vị trong khi bảo tỳ khuru ni không phải là thân quyến giặt y cũ dơ vi phạm hai tội: Vị bảo giặt, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được giặt xong, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

5. Vị trong khi nhận lãnh y từ tay của tỳ khuru ni không phải là thân quyến vi phạm hai tội: Vị nhận lấy, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã nhận lấy, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

6. Vị trong khi yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y vi phạm hai tội: Vị yêu cầu, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã yêu cầu, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

7. Vị trong khi yêu cầu nam gia chủ hoặc nữ gia chủ không phải là thân quyến về y vượt quá số lượng ấy vi phạm hai tội: Vị yêu cầu, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã yêu cầu, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

8. Vị khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến gặp người gia chủ không phải là thân quyến, trong khi đưa ra sự căn dặn về y vi phạm hai tội: Vị đưa ra sự căn dặn, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã đưa ra sự căn dặn, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

9. Vị khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến gặp các gia chủ không phải là thân quyến, trong khi đưa ra sự căn dặn về y vi phạm hai tội: Vị đưa ra sự căn dặn, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã đưa ra sự căn dặn, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

10. Vị trong khi đạt được y bằng lời nhắc nhở quá ba lần và bằng hành động đứng quá sáu lần vi phạm hai tội: Vị đạt được (y), lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã đạt được (y), phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

Phẩm Kaṭ hīna là thứ nhất.

3. 2.

1. Vị trong khi bảo làm tấm trải nằm có trộn lẫn tơ tầm vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được làm xong, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

2. Vị trong khi bảo làm tấm trải nằm bằng lông cừu thuần màu đen vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được làm xong, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

3. Vị trong khi bảo làm tấm trải nằm mới mà không lấy một phần lông cừu màu trắng và một phần lông cừu màu nâu đỏ vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được làm xong, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

4. Vị trong khi bảo làm tấm trải nằm mỗi năm vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được làm xong, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

5. Vị trong khi bảo làm tấm lót ngồi mới mà không lấy ở phần xung quanh của tấm trải nằm cũ một gang tay của đức Thiện Thệ vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được làm xong, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

6. Vị sau khi thọ lãnh các lông cừu, trong khi mang đi quá ba do tuần vi phạm hai tội: Vị mang đi quá ba do tuần bước thứ nhất phạm tội *dukkaṭa* a; mang đi quá bước thứ nhì phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

7. Vị trong khi bảo tỳ khuru ni không phải là thân quyến giặt các lông cừu vi phạm hai tội: Vị bảo giặt, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* a; khi đã được giặt xong, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

8. Vị trong khi nhận lãnh vàng bạc vi phạm hai tội: Vị cầm lấy, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* a; khi đã cầm lấy, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

9. Vị trong khi thực hiện việc trao đổi vàng bạc dưới nhiều hình thức vi phạm hai tội: Vị thực hiện, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* a; khi đã thực hiện, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

10. Vị trong khi thực hiện việc mua bán dưới nhiều hình thức vi phạm hai tội: Vị thực hiện, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* a; khi đã thực hiện, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

Phẩm Tơ Tằm là thứ nhì.

3. 3.

1. Vị trong khi vượt quá mười ngày về (việc cất giữ) bình bát phụ trội vi phạm một tội *nissaggiya pācittiya*.

2. Vị trong khi sắm bình bát mới khác với bình bát cũ chưa đủ năm miếng vá vi phạm hai tội: Vị sắm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* a; khi đã sắm, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

3. Vị sau khi thọ lãnh các dược phẩm, trong khi (cất giữ) vượt quá bảy ngày vi phạm một tội *nissaggiya pācittiya*.

4. Vị trong khi tìm kiếm y choàng tắm mưa khi còn hơn một tháng của mùa nắng vi phạm hai tội: Vị tìm kiếm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* a; khi đã kiếm được, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

5. Vị sau khi tự mình cho y đến vị tỳ khuru rồi nổi giận bất bình, trong khi giật lại vi phạm hai tội: Vị giật lại, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* a; khi đã giật lại, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

6. Vị sau khi tự mình yêu cầu chỉ sợi, trong khi bảo các thợ dệt dệt thành y vi phạm hai tội: Vị bảo dệt, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* a; khi đã được dệt xong, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

7. Vị khi chưa được thỉnh cầu trước lại đi đến các thợ dệt của gia chủ không phải là thân quyến, trong khi đưa

ra sự căn dặn về y vi phạm hai tội: Vị đưa ra sự căn dặn, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã đưa ra sự căn dặn, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

8. Vị sau khi thọ lãnh y đặc biệt, trong khi (cất giữ) vượt quá thời hạn về y vi phạm một tội *nissaggiya pācittiya*.

9. Vị sau khi để lại một y nào đó của ba y ở nơi xóm nhà, trong khi xa lìa quá sáu đêm vi phạm một tội *nissaggiya pācittiya*.

10. Vị dẫu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng cho hội chúng, trong khi thuyết phục dâng cho bản thân vi phạm hai tội: Vị thuyết phục, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã thuyết phục được, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

Phẩm Bình Bát là thứ ba.

Dứt ba mươi điều *nissaggiya pācittiya*.

2. 4. CHƯƠNG *PĀCITTIYA*

4. 1.

1. Vị trong khi cố tình nói lời dối trá vi phạm bao nhiêu tội? – Vị trong khi cố tình nói lời dối trá vi phạm

năm tội: Vị có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có không thực chứng phạm tội *pārājika*; vị bôi nhọ vị tỳ khuru về tội *pārājika* không có nguyên có phạm tội *saṅghādisesa*; vị nói rằng: ‘Vị (tỳ khuru) nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị tỳ khuru ấy là bậc A-la-hán,’ (người nghe) hiểu được thì phạm tội *thullaccaya*, (người nghe) không hiểu được thì phạm tội *dukkaṭa*; khi cố tình nói dối, phạm tội *pācittiya*. Vị trong khi cố tình nói lời dối trá vi phạm năm tội này.

2. Vị trong khi mắng nhiếc vi phạm hai tội: Vị mắng nhiếc người đã tu lên bậc trên phạm tội *pācittiya*; vị mắng nhiếc người chưa tu lên bậc trên phạm tội *dukkaṭa*.

3. Vị trong khi tạo ra sự đâm thọc vi phạm hai tội: Vị tạo ra sự đâm thọc đối với người đã tu lên bậc trên phạm tội *pācittiya*; vị tạo ra sự đâm thọc đối với người chưa tu lên bậc trên phạm tội *dukkaṭa*.

4. Vị trong khi dạy người chưa tu lên bậc trên đọc Pháp theo từng câu vi phạm hai tội: Vị dạy đọc, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa*, theo mỗi một câu phạm tội *pācittiya*.

5. Vị trong khi nằm chung chỗ ngụ với người chưa tu lên bậc trên quá hai ba đêm vi phạm hai tội: Vị nằm xuống, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa*; khi đã nằm xuống, phạm tội *pācittiya*.

6. Vị trong khi nằm chung chỗ ngủ với người nữ vi phạm hai tội: Vị nằm xuống, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã nằm xuống, phạm tội *pācittiya*.

7. Vị trong khi thuyết Pháp đến người nữ quá năm hay sáu câu vi phạm hai tội: Vị thuyết giảng, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*, theo mỗi một câu phạm tội *pācittiya*.

8. Vị trong khi tuyên bố pháp thượng nhân đã thực chứng đến người chưa tu lên bậc trên vi phạm hai tội: Vị tuyên bố, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã tuyên bố, phạm tội *pācittiya*.

9. Vị trong khi công bố tội xấu xa của vị tỳ khuru đến người chưa tu lên bậc trên vi phạm hai tội: Vị công bố, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã công bố, phạm tội *pācittiya*.

10. Vị trong khi đào đất vi phạm hai tội: Vị đào, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*, theo từng nhát đào phạm tội *pācittiya*.

Phẩm Nói Đối là thứ nhất.

4. 2.

1. Vị trong khi phá hoại thảo mộc vi phạm hai tội: Vị phá hoại, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*, theo từng hành động phá hoại phạm tội *pācittiya*.

2. Vị trong khi phản kháng cách này hoặc cách khác vi phạm hai tội: Khi tội nói tránh né chưa được phán quyết, vị phản kháng cách này hoặc cách khác phạm tội *dukkaṭ a*; khi tội nói tránh né đã được phán quyết, vị phản kháng cách này hoặc cách khác phạm tội *pācittiya*.

3. Vị trong khi phàn nàn về vị tỳ khuru vi phạm hai tội: Vị phàn nàn, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã phàn nàn, phạm tội *pācittiya*.

4. Vị sau khi trải ra giường, hoặc ghế, hoặc nệm, hoặc gối kê thuộc về hội chúng ở ngoài trời, rồi không thu dọn, trong khi ra đi không thông báo vi phạm hai tội: Vị vượt qua chỗ rơi của cục đất (được ném bởi người đàn ông có sức mạnh bậc trung) bước thứ nhất phạm tội *dukkaṭ a*; vượt qua bước thứ nhì phạm tội *pācittiya*.

5. Vị sau khi trải ra chỗ nằm ở trong trú xá thuộc về hội chúng, rồi không thu dọn, trong khi ra đi không thông báo vi phạm hai tội: Vị vượt qua hàng rào bước thứ nhất phạm tội *dukkaṭ a*; vượt qua bước thứ nhì phạm tội *pācittiya*.

6. Ở trong trú xá thuộc về hội chúng, vị dầu biết vẫn chen vào (chỗ) của vị tỳ khuru đã đến trước, trong khi nằm xuống vi phạm hai tội: Vị nằm xuống, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã nằm xuống, phạm tội *pācittiya*.

7. Vị nổi giận, bất bình trong khi lôi kéo vị tỳ khuru ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng vi phạm hai tội: Vị lôi kéo ra, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã lôi kéo ra, phạm tội *pācittiya*.

8. Vị trong khi ngồi lên trên chiếc giường hoặc ghế loại có chân tháo rời được ở căn gác lầu trong trú xá của hội chúng vi phạm hai tội: Vị ngồi lên, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã ngồi lên, phạm tội *pācittiya*.

9. Vị sau khi quyết định phương thức của việc lợp mái hai ba lớp, trong khi quyết định vượt quá mức ấy vi phạm hai tội: Vị quyết định, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã quyết định, phạm tội *pācittiya*.

10. Vị dầu biết nước có sinh vật trong khi tưới lên cỏ hoặc đất sét vi phạm hai tội: Vị tưới, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã tưới, phạm tội *pācittiya*.

Phẩm Thảo Mộc là thứ nhì.

4. 3.

1. Vị chưa được chỉ định trong khi giáo giới các tỳ khuru ni vi phạm hai tội: Vị giáo giới, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã giáo giới, phạm tội *pācittiya*.

2. Vị trong khi giáo giới các tỳ khuru ni lúc mặt trời đã lặn vi phạm hai tội: Vị giáo giới, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã giáo giới, phạm tội *pācittiya*.

3. Vị sau khi đi đến ni viện, trong khi giáo giới các tỳ khuru ni vi phạm hai tội: Vị giáo giới, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã giáo giới, phạm tội *pācittiya*.

4. Vị trong khi phát ngôn rằng: ‘Các tỳ khuru giáo giới các tỳ khuru ni vì nguyên nhân lợi lộc’ vi phạm hai tội: Vị phát ngôn, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã phát ngôn, phạm tội *pācittiya*.

5. Vị trong khi cho y đến tỳ khuru ni không phải là thân quyến vi phạm hai tội: Vị cho, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã cho, phạm tội *pācittiya*.

6. Vị trong khi may y cho tỳ khuru ni không phải là thân quyến vi phạm hai tội: Vị may, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*, theo từng đường kim phạm tội *pācittiya*.

7. Vị sau khi đã hẹn trước, trong khi đi chung đường xa với tỳ khuru ni vi phạm hai tội: Vị thực hiện, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã thực hiện, phạm tội *pācittiya*.

8. Vị sau khi đã hẹn trước, trong khi cùng lên một chiếc thuyền với tỳ khuru ni vi phạm hai tội: Vị lên (thuyền), lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* a; khi đã lên (thuyền), phạm tội *pācittiya*.

9. Vị đầu biết thức ăn được tỳ khuru ni mời giới cho, trong khi thọ thực vi phạm hai tội: Vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh phạm tội *dukkaṭa* a; mỗi một lần nuốt xuống phạm tội *pācittiya*.

10. Vị trong khi cùng với tỳ khuru ni, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo vi phạm hai tội: Vị ngồi xuống, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* a; khi đã ngồi xuống, phạm tội *pācittiya*.

Phẩm Giáo Giới là thứ ba.

4. 4.

1. Vị trong khi thọ dụng vật thực ở phước xá vượt quá mức ấy vi phạm hai tội: Vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh phạm tội *dukkaṭ a*; mỗi một lần nuốt xuống phạm tội *pācittiya*.

2. Vị trong khi thọ dụng vật thực dâng chung nhóm vi phạm hai tội: Vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh phạm tội *dukkaṭ a*; mỗi một lần nuốt xuống phạm tội *pācittiya*.

3. Vị trong khi thọ dụng vật thực thỉnh sau vi phạm hai tội: Vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh phạm tội *dukkaṭ a*; mỗi một lần nuốt xuống phạm tội *pācittiya*.

4. Vị sau khi đã thọ lãnh hai hoặc ba bình bát đầy bánh ngọt, trong khi thọ lãnh quá mức ấy vi phạm hai tội: Vị thọ lãnh, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã thọ lãnh, phạm tội *pācittiya*.

5. Vị thọ thực xong và đã từ chối (vật thực dâng thêm), trong khi thọ dụng vật thực cứng hoặc vật thực mềm không phải là đồ còn thừa vi phạm hai tội: Vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh phạm tội *dukkaṭ a*; mỗi một lần nuốt xuống phạm tội *pācittiya*.

6. Vị trong khi yêu cầu vị tỳ khuru đã thọ thực xong và đã từ chối (vật thực dâng thêm) nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm không phải là đồ còn thừa vi phạm hai tội: Do lời nói của vị ấy, vị kia (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh, (vị nói) phạm tội *dukkaṭ a*; vào lúc (vị kia) chấm dứt bữa ăn, (vị nói) phạm tội *pācittiya*.

7. Vị trong khi thọ dụng vật thực cứng hoặc vật thực mềm vào lúc sai thời vi phạm hai tội: Vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh phạm tội *dukkaṭ a*; mỗi một lần nuốt xuống phạm tội *pācittiya*.

8. Vị trong khi thọ dụng vật thực cứng hoặc vật thực mềm đã được tích trữ vi phạm hai tội: Vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh phạm tội *dukkaṭ a*; mỗi một lần nuốt xuống phạm tội *pācittiya*.

9. Vị sau khi yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh phạm tội *dukkaṭ a*; mỗi một lần nuốt xuống phạm tội *pācittiya*.

10. Vị trong khi đưa thức ăn chưa được bố thí vào miệng vi phạm hai tội: Vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh phạm tội *dukkaṭ a*; mỗi một lần nuốt xuống phạm tội *pācittiya*.

Phẩm Vật Thực là thứ tư.

4. 5.

1. Vị trong khi tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm đến đạo sĩ lỏa thể, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo vi phạm hai tội: Vị cho, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã cho, phạm tội *pācittiya*.

2. Vị (nói với) vị tỳ khuru rằng: 'Này đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ đi vào làng hoặc thị trấn để khất thực,' sau khi bảo bố thí hoặc bảo đừng bố thí cho vị ấy, trong khi đuổi đi vi phạm hai tội: Vị đuổi đi, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã đuổi đi, phạm tội *pācittiya*.

3. Vị sau khi đi vào nơi gia đình chỉ có cặp vợ chồng, trong khi ngồi xuống vi phạm hai tội: Vị ngồi xuống, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã ngồi xuống, phạm tội *pācittiya*.

4. Vị trong khi cùng với người nữ ngồi xuống ở chỗ ngồi kín đáo, được che khuất vi phạm hai tội: Vị ngồi xuống, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã ngồi xuống, phạm tội *pācittiya*.

5. Vị trong khi cùng với người nữ, một nam một nữ ngồi ở nơi kín đáo vi phạm hai tội: Vị ngồi xuống, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã ngồi xuống, phạm tội *pācittiya*.

6. Vị đã được thỉnh mời, đã có bữa trai phạn, trong khi đi đến các gia đình trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn không có sự thông báo đến vị tỳ khưu hiện diện vi phạm hai tội: Vị vượt qua khu vực lân cận bước thứ nhất phạm tội *dukkaṭ a*; vượt qua bước thứ nhì phạm tội *pācittiya*.

7. Vị trong khi yêu cầu được phẩm quá thời hạn (thỉnh cầu) vi phạm hai tội: Vị yêu cầu, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã yêu cầu, phạm tội *pācittiya*.

8. Vị trong khi đi để xem quân đội động binh vi phạm hai tội: Vị đi phạm tội *dukkaṭ a*; nơi nào đứng lại rồi nhìn, phạm tội *pācittiya*.

9. Vị trong khi cư ngụ ở nơi binh đội quá ba đêm vi phạm hai tội: Vị cư ngụ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã cư ngụ, phạm tội *pācittiya*.

10. Vị trong khi đi đến nơi tập trận vi phạm hai tội: Vị đi phạm tội *dukkaṭ a*; nơi nào đứng lại rồi nhìn, phạm tội *pācittiya*.

Phẩm Đạo Sĩ Lỗ Thố là thứ năm.

4. 6.

1. Vị trong khi uống rượu mạnh vi phạm hai tội: Vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ uống’ rồi thọ lãnh phạm tội *dukkaṭa* *a*; mỗi một lần nuốt xuống phạm tội *pācittiya*.

2. Vị trong khi chọc cười vị tỳ khuru bằng cách dùng ngón tay thọc lét vi phạm hai tội: Vị chọc cười, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* *a*; khi đã chọc cười, phạm tội *pācittiya*.

3. Vị trong khi chơi giỡn ở trong nước vi phạm hai tội: Vị chơi giỡn ở trong nước ngập dưới mắt cá chân phạm tội *dukkaṭa* *a*; vị chơi giỡn ở trong nước ngập trên mắt cá chân phạm tội *pācittiya*.

4. Vị trong khi thể hiện sự không tôn trọng vi phạm hai tội: Vị thể hiện, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* *a*; khi đã thể hiện, phạm tội *pācittiya*.

5. Vị trong khi làm vị tỳ khuru kinh sợ vi phạm hai tội: Vị làm kinh sợ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* *a*; khi đã làm kinh sợ, phạm tội *pācittiya*.

6. Vị sau khi tự mình đốt lên ngọn lửa, trong khi sưởi ấm vi phạm hai tội: Vị tự mình đốt lửa, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* *a*; khi đã đốt lửa, phạm tội *pācittiya*.

7. Vị chưa đủ nửa tháng, trong khi tắm vi phạm hai tội: Vị tắm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; vào lúc hoàn tất việc tắm, phạm tội *pācittiya*.

8. Vị khi chưa áp dụng cách hoại sắc nào đó thuộc về ba cách hoại sắc, trong khi sử dụng y mới vi phạm hai tội: Vị sử dụng, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã sử dụng, phạm tội *pācittiya*.

9. Vị sau khi đích thân chú nguyện dùng chung y đến vị tỳ khưu hoặc đến vị tỳ khưu ni hoặc đến cô ni tu tập sự hoặc đến vị sa di hoặc đến vị sa di ni, trong khi sử dụng khi chưa có sự xả lời nguyện (của vị kia) vi phạm hai tội: Vị sử dụng, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã sử dụng, phạm tội *pācittiya*.

10. Vị trong khi thu giấu bình bát hoặc y hoặc vật lót ngồi hoặc ống đựng kim hoặc dây thắt lưng của vị tỳ khưu vi phạm hai tội: Vị thu giấu, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã thu giấu, phạm tội *pācittiya*.

Phẩm Rượu và Chất Say là thứ sáu.

4. 7.

1. Vị trong khi cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật vi phạm bao nhiêu tội? – Vị trong khi cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật vi phạm bốn tội: Vị đào hố không xác định

(đôi tượng, nghĩ rằng): ‘Ai rơi xuống sẽ chết’ phạm tội *dukkaṭ a*; loài người sau khi rơi xuống trong ấy và chết đi, (vị đào) phạm tội *pārājika*; Dạ-xoa hoặc ngạ quỷ hoặc loài thú dạng người sau khi rơi xuống trong ấy và chết đi, phạm tội *thullaccaya*; loài thú sau khi rơi xuống trong ấy và chết đi, phạm tội *pācittiya*. Vị trong khi cố ý đoạt lấy mạng sống sinh vật vi phạm bốn tội này.

2. Vị dầu biết nước có sinh vật trong khi sử dụng vi phạm hai tội: Vị sử dụng, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã sử dụng, phạm tội *pācittiya*.

3. Vị dầu biết sự tranh tụng đã được giải quyết đúng theo Pháp, trong khi khơi lại để làm hành sự lần nữa vi phạm hai tội: Vị khơi lại, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã khơi lại, phạm tội *pācittiya*.

4. Vị biết tội xấu xa của vị tỳ khuru (khác), trong khi che giấu vi phạm một tội *pācittiya*.

5. Vị dầu biết người chưa đủ hai mươi tuổi, trong khi cho tu lên bậc trên vi phạm hai tội: Vị cho tu lên bậc trên, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã cho tu lên bậc trên, phạm tội *pācittiya*.

6. Vị dầu biết rồi hẹn trước, trong khi đi chung đường xa với đám người đạo tặc vi phạm hai tội: Vị thực hiện, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã thực hiện, phạm tội *pācittiya*.

7. Vị sau khi hẹn trước, trong khi đi chung đường xa với người nữ vi phạm hai tội: Vị thực hiện, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã thực hiện, phạm tội *pācittiya*.

8. Vị trong khi được nhắc nhở đến lần thứ ba mà không dứt bỏ tà kiến ác vi phạm hai tội: Do lời đề nghị, phạm tội *dukkaṭ a*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự, phạm tội *pācittiya*.

9. Vị dẫu biết vị tỳ khưu là vị phát ngôn như thế, là vị không thực hành thuận pháp và không dứt bỏ tà kiến ấy, trong khi hưởng thụ chung vi phạm hai tội: Vị hưởng thụ chung, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã hưởng thụ chung, phạm tội *pācittiya*.

10. Vị dẫu biết vị sa di đã bị trục xuất như thế trong khi dụ dỗ vi phạm hai tội: Vị dụ dỗ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã dụ dỗ, phạm tội *pācittiya*.

Phẩm Có Sinh Vật là thứ bảy.

4. 8.

1. Vị tỳ khưu, trong khi được các tỳ khưu nhắc nhở theo Pháp, mà nói rằng: ‘Này các đại đức, tôi sẽ không thực hành điều học này cho đến khi nào tôi còn chưa hỏi vị tỳ khưu khác kinh nghiệm rành rẽ về Luật’ vi phạm

hai tội: Vị nói, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã nói, phạm tội *pācittiya*.

2. Vị trong khi chê bai Luật vi phạm hai tội: Vị chê bai, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã chê bai, phạm tội *pācittiya*.

3. Vị trong khi (giả vờ) ngu dốt vi phạm hai tội: Khi sự ngu dốt chưa được khẳng định, vị (giả vờ) ngu dốt phạm tội *dukkaṭ a*; khi sự ngu dốt đã được khẳng định, vị (giả vờ) ngu dốt phạm tội *pācittiya*.

4. Vị nổi giận bất bình trong khi tung cú đánh vào vị tỳ khuru vi phạm hai tội: Vị đánh, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã đánh, phạm tội *pācittiya*.

5. Vị nổi giận bất bình trong khi giơ tay dọa đánh vị tỳ khuru vi phạm hai tội: Vị giơ tay, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã giơ tay, phạm tội *pācittiya*.

6. Vị trong khi bôi nhọ vị tỳ khuru về tội *saṇ ghādisesa* không có nguyên có vi phạm hai tội: Vị bôi nhọ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã bôi nhọ, phạm tội *pācittiya*.

7. Vị trong khi cố ý gọi lên nổi nghi hoặc ở nơi vị tỳ khuru vi phạm hai tội: Vị gọi lên, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã gọi lên, phạm tội *pācittiya*.

8. Vị trong khi đứng lắng nghe các tỳ khưu đang xảy ra sự xung đột, đang xảy ra sự cãi cọ, đang có sự tranh luận vi phạm hai tội: Vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nghe’ rồi đi đến, phạm tội *dukkaṭ a*; nơi nào đứng lại rồi lắng nghe, phạm tội *pācittiya*.

9. Vị sau khi trao ra sự tùy thuận cho những hành sự đúng pháp, sau đó trong khi gây điều phê phán vi phạm hai tội: Vị phê phán, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã phê phán, phạm tội *pācittiya*.

10. Trong khi lời quyết định đang được tuyên bố ở hội chúng, vị sau khi không trao ra sự tùy thuận, rời từ chỗ ngồi đứng dậy, trong lúc bỏ đi vi phạm hai tội: Vị đang rời hội chúng xa một tầm tay phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã rời khỏi, phạm tội *pācittiya*.

11. Vị sau khi đã cùng với hội chúng hợp nhất cho y, sau đó trong khi gây ra điều phê phán vi phạm hai tội: Vị phê phán, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã phê phán, phạm tội *pācittiya*.

12. Vị dẫu biết lợi lộc đã được khẳng định là dâng đến hội chúng, trong khi thuyết phục dâng cho cá nhân vi phạm hai tội: Vị thuyết phục, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã thuyết phục, phạm tội *pācittiya*.

Phẩm Theo Pháp là thứ tám.

4. 9.

1. Vị trong khi đi vào hậu cung của đức vua chưa được báo tin trước vi phạm hai tội: Vị vượt qua ngưỡng cửa bước thứ nhất phạm tội *dukkaṭ a*; vượt qua bước thứ nhì phạm tội *pācittiya*.

2. Vị trong khi nhặt lên vật quý giá vi phạm hai tội: Vị nhặt lấy, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã nhặt lấy, phạm tội *pācittiya*.

3. Vị trong khi đi vào làng lúc sái thời không thông báo vị tỳ khưu hiện diện vi phạm hai tội: Vị vượt qua hàng rào bước thứ nhất phạm tội *dukkaṭ a*; vượt qua bước thứ nhì phạm tội *pācittiya*.

4. Vị trong khi bảo làm ống đựng kim bằng xương, hoặc bằng ngà, hoặc bằng sừng vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được làm xong, phạm tội *pācittiya*.

5. Vị trong khi bảo làm giường hoặc ghế vượt quá kích thước vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được làm xong, phạm tội *pācittiya*.

6. Vị trong khi bảo làm giường hoặc ghế có độn bông gòn vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được làm xong, phạm tội *pācittiya*.

7. Vị trong khi bảo làm vật lót ngồi vượt quá kích thước vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được làm xong, phạm tội *pācittiya*.

8. Vị trong khi bảo làm y đắp ghế vượt quá kích thước vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được làm xong, phạm tội *pācittiya*.

9. Vị trong khi bảo làm vải choàng tắm mưa vượt quá kích thước vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được làm xong, phạm tội *pācittiya*.

10. Vị trong khi bảo làm y bằng kích thước y của đức Thiện Thệ vi phạm bao nhiêu tội? – Vị trong khi bảo làm y bằng kích thước y của đức Thiện Thệ vi phạm hai tội: Vị bảo làm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được làm xong, phạm tội *pācittiya*. Vị trong khi bảo làm y bằng kích thước y của đức Thiện Thệ vi phạm hai tội này.

Phẩm Đức Vua là thứ chín.

Dứt chín mươi hai điều *pācittiya*.

2. 5. CHƯƠNG *PĀṬIDESANĪYA*

1. Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay tỳ khuru ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, trong khi thọ thực vi phạm bao nhiêu tội? – Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay tỳ khuru ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, trong khi thọ thực vi phạm hai tội: Vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh phạm tội *dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống phạm tội *pāṭidesanīya*. Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay tỳ khuru ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, trong khi thọ thực vi phạm hai tội này.

2. Vị sau khi không ngăn cản vị tỳ khuru ni đang hướng dẫn sự phục vụ, trong khi thọ thực vi phạm hai tội: Vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh phạm tội *dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống phạm tội *pāṭidesanīya*.

3. Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm ở các gia đình đã được công nhận là bậc Thánh hữu học, trong khi thọ thực vi phạm hai tội: Vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh phạm tội *dukkaṭa*; mỗi một lần nuốt xuống phạm tội *pāṭidesanīya*.

4. Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm chưa được báo tin trước trong khuôn viên tu viện ở những chỗ trú ngụ trong rừng, trong khi thọ thực vi phạm bao nhiêu tội? – Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật

thực cứng hoặc vật thực mềm chưa được báo tin trước trong khuôn viên tu viện ở những chỗ trú ngụ trong rừng, trong khi thọ thực vi phạm hai tội: Vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh phạm tội *dukkaṭ a*; mỗi một lần nuốt xuống phạm tội *pāṭ idesanīya*. Vị sau khi tự tay thọ lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm chưa được báo tin trước trong khuôn viên tu viện ở những chỗ trú ngụ trong rừng, trong khi thọ thực vi phạm hai tội này.

Dứt bốn điều *pāṭ idesanīya*.

2. 6. CÁC ĐIỀU *SEKHIYA*

6. 1.

1. Vị trong khi quán y (nội) để lòng thông phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng vi phạm bao nhiêu tội? – Vị trong khi quán y (nội) để lòng thông phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*. Vị trong khi quán y (nội) để lòng thông phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng vi phạm một tội này.

2. Vị trong khi trùm y (vai trái) để lòng thông phía trước hoặc phía sau do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

3. Vị để hở thân trong khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

4. Vị để hở thân trong khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

5. Vị múa máy tay hoặc chân trong khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

6. Vị múa máy tay hoặc chân trong khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

7. Vị nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

8. Vị nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

9. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

10. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với sự vén y lên do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

Phẩm Tròn Đều là thứ nhất.

6. 2.

1. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

2. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với tiếng cười vang do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

3. Vị gây tiếng động ồn tiếng động lớn trong khi đi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

4. Vị gây tiếng động ồn tiếng động lớn trong khi ngồi ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

5. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

6. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa thân do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

7. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

8. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với sự đung đưa cánh tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

9. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự đưng đưa đầu do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

10. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với sự đưng đưa đầu do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

Phẩm Cười Vang là thứ nhì.

6. 3.

1. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự chống nạnh do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

2. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với sự chống nạnh do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

3. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với đầu trùm lại do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

4. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà với đầu trùm lại do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

5. Vị trong khi đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

6. Vị trong khi ngồi ở nơi xóm nhà ôm đầu gối do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭ a*.

7. Vị trong khi thọ lãnh đồ khất thực không nghiêm trang do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

8. Vị nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi thọ lãnh đồ khất thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

9. Vị trong khi thọ lãnh quá nhiều súp do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

10. Vị trong khi thọ lãnh đồ khất thực được làm vun đầy lên do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

Phẩm Chống Nạn là thứ ba.

6. 4.

1. Vị trong khi thọ dụng đồ khất thực không nghiêm trang do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

2. Vị nhìn chỗ này chỗ nọ trong khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

3. Vị lựa chọn món này món nọ trong khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

4. Vị trong khi thọ dụng quá nhiều xúp do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a.*

5. Vị vun lên thành đồng trong khi thọ dụng đồ khất thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a.*

6. Vị trong khi dùng com che kín súp và thức ăn do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a.*

7. Vị không bị bệnh sau khi yêu cầu súp và com vì nhu cầu của bản thân, trong khi thọ thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a.*

8. Vị trong khi nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a.*

9. Vị trong khi làm vắt com lớn do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a.*

10. Vị trong khi làm vắt com dài do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a.*

Phẩm Đồ Ăn Khất Thực là thứ tư.

6. 5.

1. Vị trong khi há miệng ra khi vắt com chưa được đưa đến do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a.*

2. Vị trong khi đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

3. Vị trong khi nói bằng miệng có vất com do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

4. Vị trong khi thọ thực theo lối đưa thức ăn (vào miệng) một cách liên tục do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

5. Vị trong khi thọ thực theo lối cắn vất com từng chút một do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

6. Vị trong khi thọ thực theo lối làm phồng má do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

7. Vị trong khi thọ thực có sự vung rảy bàn tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

8. Vị trong khi thọ thực có sự làm rơi đổ com do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

9. Vị trong khi thọ thực có sự le lưỡi do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

10. Vị trong khi thọ thực có làm tiếng chép chép do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

Phẩm Vất Com là thứ năm.

6. 6.

1. Vị trong khi thọ thực có làm tiếng sột sột do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a.*

2. Vị trong khi thọ thực có sự liếm tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a.*

3. Vị trong khi thọ thực có sự nạo vét bình bát do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a.*

4. Vị trong khi thọ thực có sự liếm môi do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a.*

5. Vị trong khi thọ lãnh tô nước uống bằng bàn tay có đánh thức ăn do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a.*

6. Vị trong khi đổ bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a.*

7. Vị trong khi thuyết Pháp đến người có dù ở bàn tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a.*

8. Vị trong khi thuyết Pháp đến người có gậy ở bàn tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a.*

9. Vị trong khi thuyết Pháp đến người có dao ở bàn tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

10. Vị trong khi thuyết Pháp đến người có vũ khí ở bàn tay do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

Phẩm Tiếng Sột Sột là thứ sáu.

6. 7.

1. Vị trong khi thuyết Pháp đến người có mang giày do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

2. Vị trong khi thuyết Pháp đến người có mang dép do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

3. Vị trong khi thuyết Pháp đến người ở trên xe do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

4. Vị trong khi thuyết Pháp đến người đang nằm do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

5. Vị trong khi thuyết Pháp đến người ngồi ôm đầu gối do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

6. Vị trong khi thuyết Pháp đến người đội khăn ở đầu do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa a*.

7. Vị trong khi thuyết Pháp đến người có đầu được trùm lại do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa* a.

8. Vị ngồi ở nền đất trong khi thuyết Pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa* a.

9. Vị ngồi ở chỗ ngồi thấp trong khi thuyết Pháp đến người ngồi trên chỗ ngồi cao do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa* a.

10. Vị đứng trong khi thuyết Pháp đến người đang ngồi do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa* a.

11. Vị đang đi phía sau trong khi thuyết Pháp đến người đang đi ở phía trước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa* a.

12. Vị đang đi bên đường trong khi thuyết Pháp đến người đang đi giữa đường do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa* a.

13. Vị đứng trong khi đại tiện hoặc tiểu tiện do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa* a.

14. Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ trên cỏ cây xanh do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa* a.

15. Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm bao nhiêu tội? – Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkaṭa*. Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội này.

Phẩm Giày Dép là thứ bảy.

Dứt các điều *sekhiya*.

Dứt phần Bao Nhiêu Tội là thứ nhì.

--ooOoo--

3. PHẦN SỰ HƯ HỎNG

1. Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? – Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

—nt—

2. Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? – Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

Dứt phần Sự Hư Hỏng là thứ ba.

--ooOoo--

4. PHẦN ĐƯỢC TỔNG HỢP

1. Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? – Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa được tổng hợp vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pārājika*, có thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭa*.

—nt—

2. Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? – Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được tổng hợp vào một nhóm tội trong bảy nhóm tội là nhóm tội *dukkaṭa*.

Dứt phần Được Tổng Hợp là thứ tư.

--ooOoo--

5. PHẦN NGUỒN SANH TỘI

1. Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? – Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

—nt—

2. Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? – Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

Dứt phần Nguồn Sanh Tội là thứ năm.

--ooOoo--

6. PHẦN SỰ TRANH TỤNG

1. Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? – Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng.

—nt—

2. Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? – Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng.

Dứt phần Sự Tranh Tụng là thứ sáu.

--ooOoo--

7. PHẦN DÀN XẾP

1. Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? – Các tội vi phạm của vị thực hiện việc đôi lứa được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

—nt—

2. Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? – Tội vi phạm của vị đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần Dàn Xếp là thứ bảy.

--ooOoo--

8. PHẦN SỰ QUY TỰ

1. Vị trong khi thực hiện việc đôi lúa vi phạm bao nhiêu tội? – Vị trong khi thực hiện việc đôi lúa vi phạm ba tội: Vị thực hiện việc đôi lúa nơi thi thể chưa bị (thú) ăn phạm tội *pārājika*; vị thực hiện việc đôi lúa nơi thi thể đã bị (thú) ăn nhiều phần phạm tội *thullaccaya*; vị đưa dương vật vào miệng đã được mở ra nhưng không bị va chạm phạm tội *dukkaṭ a*. Vị trong khi thực hiện việc đôi lúa vi phạm ba tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pārājika*, có thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭ a*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

—nt—

2. Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm bao nhiêu tội? – Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkat a*. Vị trong khi đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội này.

Tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào một nhóm tội trong bảy nhóm tội là nhóm tội *dukkat a*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần Sự Quy Tụ là thứ tám.

Tám phần này được ghi lại theo đường lối học tập.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Điều quy định là ở nơi đâu, và có bao nhiêu, sự hư hỏng, và sự tổng hợp, nguồn sanh tội, và sự tranh tụng, cách dàn xếp, và với sự quy tụ.

--ooOoo--

9. PHẦN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU

9. 1. CHƯƠNG *PĀRĀJIKĀ*

Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *pārājika* do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? Về sự việc gì? —nt— Do ai truyền đạt lại?

1. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *pārājika* do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Vesāli. Liên quan đến ai? – Liên quan đến Sudinna Kalandaputta. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, Sudinna Kalandaputta đã thực hiện việc đôi lứa với người vợ cũ. Ở đấy, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra không? – Ở đấy, có một điều quy định, có hai điều quy định thêm, không có điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra. Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, (hay) là điều quy định cho khu vực? – Là điều quy định cho tất

cả mọi nơi. Là điều quy định chung (cho tỳ khuru và tỳ khuru ni), (hay) là điều quy định riêng? – Là điều quy định chung. Là điều quy định cho một (hội chúng), (hay) là điều quy định cho cả hai (hội chúng tỳ khuru và tỳ khuru ni)? – Là điều quy định cho cả hai. Được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong năm cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*? – Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu. Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? – Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ nhì. Là sự hư hỏng nào trong bốn điều hư hỏng? – Là sự hư hỏng về giới. Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? – Thuộc về nhóm tội *pārājika*. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? – Điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt— Do ai truyền đạt lại? – Được truyền đạt lại theo sự kế tục (của các vị trưởng lão).

Vị Upāli, luôn cả vị Dāsaka, vị Soṇaka, vị Siggava là tương tự, với vị Moggalliputta là thứ năm, các vị này là ở đảo Jambu huy hoàng.

—nt—

Những vị hàng đầu ấy có đại tuệ, là những vị thông Luật, rành rẽ về đường lối, đã phổ biến Tăng Luật ở hòn đảo Tambapaṇi.

2. Điều *pārājika* do duyên của việc lấy vật chưa được cho đã được đức Thế Tôn ấy —nt— quy định tại đâu? –

Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? – Liên quan đến Dhaniya, con trai người thợ gốm. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, Dhaniya con trai người thợ gốm đã lấy các vật chưa được cho là các cây gỗ của đức vua. – Có một điều quy định, có một điều quy định thêm. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

3. Điều *pārājika* do duyên của việc đoạt lấy mạng sống con người đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Vesālī. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru đã đoạt lấy mạng sống lẫn nhau. – Có một điều quy định, có một điều quy định thêm. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

4. Điều *pārājika* do duyên của việc khoác lác về pháp thượng nhân không có không thực chứng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Vesālī. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các vị tỳ khuru ở bờ sông Vaggumudā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các vị tỳ khuru ở bờ sông Vaggumudā đã khen ngợi về pháp thượng nhân của vị này vị nọ trước các cư sĩ. – Có một điều quy định, có một điều quy định thêm. – Trong sáu

nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội:
—nt—

Dứt bốn điều *pārājika*.

9. 2. PHẦN *SAṄGHĀDISESA*, v.v...

Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *saṅ ghādisesa* do duyên của việc sau khi đã gắng sức rồi làm xuất ra tinh dịch đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? Về sự việc gì? —nt— Do ai truyền đạt lại?

1. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *saṅ ghādisesa* do duyên của việc sau khi đã gắng sức rồi làm xuất ra tinh dịch đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Seyyasaka. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Seyyasaka đã gắng sức bằng tay và làm xuất ra tinh dịch. Ở đây, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra không? – Ở đây, có một điều quy định, có một điều quy định thêm, không có điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra. Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, (hay) là điều quy định cho khu vực? – Là điều quy định cho tất cả mọi nơi. Là điều quy định chung (cho tỳ khuru và tỳ khuru ni), (hay) là điều quy định riêng? – Là điều quy định riêng (cho tỳ khuru). Là điều quy định cho một (hội chúng), (hay) là điều quy định cho cả hai (hội chúng tỳ khuru và tỳ khuru ni)? – Là điều quy định cho một (hội chúng). (Điều ấy) được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong năm cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*? – Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu. Được

đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? – Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ ba. Là sự hư hỏng nào trong bốn điều hư hỏng? – Là sự hư hỏng về giới. Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? – Thuộc về nhóm tội *saṇ ghādisesa*. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? – Điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt— Do ai truyền đạt lại? – Được truyền đạt lại theo sự kế tục (của các vị trưởng lão).

Vị Upāli, luôn cả vị Dāsaka, vị Soṇ aka, vị Siggava là tương tự, với vị Moggalliputta là thứ năm, các vị này là ở đảo Jambu huy hoàng.

—nt—

Những vị hàng đầu ấy có đại tuệ, là những vị thông Luật, rành rẽ về đường lối, đã phổ biến Tăng Luật ở hòn đảo Tambapaṇ ñi.

2. Điều *saṇ ghādisesa* do duyên của việc xúc chạm thân thể với người nữ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Udāyi. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Udāyi đã thực hiện việc xúc chạm thân thể với người nữ. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

3. Điều *saṅ ghādisesa* do duyên của việc nói với người nữ bằng những lời thô tục đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Udāyi. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Udāyi đã nói với người nữ bằng những lời thô tục. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

4. Điều *saṅ ghādisesa* do duyên của việc nói lời ca ngợi sự hủ hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Udāyi. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Udāyi đã ca ngợi sự hủ hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

5. Điều *saṅ ghādisesa* do duyên của việc tiến hành sự mai mối đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Udāyi. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Udāyi đã tiến hành việc mai mối. – Có một điều quy định, có một điều quy định thêm. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: có thể

sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

6. Điều *saṇ ghādisesa* do duyên của việc bảo xây dựng cốc liêu do tự mình xin (vật liệu) đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Āḷ avī. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ở Āḷ avī. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ở Āḷ avī đã bảo xây dựng cốc liêu do tự mình xin (vật liệu). – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

7. Điều *saṇ ghādisesa* do duyên của việc bảo xây dựng trú xá lớn đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại Kosambi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Channa. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Channa trong khi cho dọn sạch khu đất của trú xá đã bảo người đốn ngã cội cây nọ vốn được dùng làm nơi thờ phượng. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

8. Điều *saṇ ghādisesa* do duyên của việc bôi nhọ vị tỳ khuru về tội *pārājika* không có nguyên cớ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các vị tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka. Về sự việc gì? – Trong sự việc

ấy, các vị tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta về tội *pārājika* không có nguyên cớ. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

9. Điều *saṅ ghādisesa* do duyên của việc bôi nhọ vị tỳ khuru về tội *pārājika* sau khi nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhất thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các vị tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các vị tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhất thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt rồi bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta về tội *pārājika*. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

10. Điều *saṅ ghādisesa* do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị tỳ khuru chia rẽ hội chúng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? – Liên quan đến Devadatta. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, Devadatta đã ra sức cho việc chia rẽ hội chúng hợp nhất. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

11. Điều *saṅ ghādisesa* do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của các tỳ khuru là

những kẻ xu hướng theo vị chia rẽ (hội chúng) đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru đã là những kẻ tuyên bố ly khai, những kẻ xu hướng theo Devadatta là người đang ra sức cho việc chia rẽ hội chúng. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

12. Điều *saṅ ghādisesa* do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị tỳ khuru khó dạy đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại Kosambi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến đại đức Channa. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, đại đức Channa trong khi được các vị tỳ khuru nói đúng theo Pháp đã tỏ ra ương ngạnh. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

13. Điều *saṅ ghādisesa* do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị tỳ khuru làm hư hỏng các gia đình đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka khi được hội chúng thực thi hành sự xua đuổi đã chê bai các tỳ khuru là có sự

thiên vị vì thương, có sự thiên vị vì ghét, có sự thiên vị vì si mê, có sự thiên vị vì sợ hãi. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

14. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *dukkat a* do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khạc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru nhóm Lục Sư đã đại tiện, tiểu tiện, và khạc nhổ vào trong nước. – Có một điều quy định, có một điều quy định thêm. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

Dứt phần Quy Định Tại Đâu là thứ nhất.

10. PHẦN BAO NHIÊU TỘI

10. 1. CHƯƠNG *PĀRĀJIKĀ*

1. Do duyên của sự thực hiện việc đôi lúa vi phạm bao nhiêu tội? – Do duyên của sự thực hiện việc đôi lúa vi phạm bốn tội: Vị thực hiện việc đôi lúa nơi thi thể chưa bị (thú) ăn phạm tội *pārājika*; vị thực hiện việc đôi lúa nơi thi thể đã bị (thú) ăn nhiều phần phạm tội *thullaccaya*; vị đưa dương vật vào miệng đã được mở ra nhưng không bị va chạm phạm tội *dukkaṭa*; trong (trường hợp) gây ngấn bằng nhựa cây phạm tội *pācittiya*.¹ Do duyên của sự thực hiện việc đôi lúa vi phạm bốn tội này.

2. Do duyên của việc lấy vật chưa được cho vi phạm bao nhiêu tội? – Do duyên của việc lấy vật chưa được cho vi phạm ba tội: Vị lấy theo lối trộm cắp vật chưa được cho trị giá năm *māsaka* hoặc hơn năm *māsaka* phạm tội *pārājika*; vị lấy theo lối trộm cắp vật chưa được cho trị giá hơn một *māsaka* hoặc kém năm *māsaka* phạm tội *thullaccaya*; vị lấy theo lối trộm cắp vật chưa được cho trị giá một *māsaka* hoặc kém một *māsaka* phạm tội *dukkaṭa*. Do duyên của việc lấy vật chưa được cho vi phạm ba tội này.

¹ Đây là phần thuộc về tỳ khuru, không rõ vì sao lại đề cập các điều học của tỳ khuru ni? (ND).

3. Do duyên của việc đoạt lấy mạng sống con người vi phạm bao nhiêu tội? – Do duyên của việc đoạt lấy mạng sống con người vi phạm ba tội: Vị đào hố để bắt người (nghĩ rằng): ‘Người rơi xuống sẽ chết’ phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã bị rơi xuống, cảm thọ khổ sanh khởi (ở nạn nhân) thì phạm tội *thullaccaya*; (nạn nhân) chết đi thì phạm tội *pārājika*. Do duyên của sự đoạt lấy mạng sống con người vi phạm ba tội này.

4. Do duyên của việc khoác lác về pháp thượng nhân không có không thực chứng vi phạm bao nhiêu tội? – Do duyên của việc khoác lác về pháp thượng nhân không có không thực chứng vi phạm ba tội: Vị có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có không thực chứng phạm tội *pārājika*; vị nói rằng: ‘Vị (tỳ khuru) nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị tỳ khuru ấy là bậc A-la-hán,’ (người nghe) hiểu được thì phạm tội *thullaccaya*; (người nghe) không hiểu được thì phạm tội *dukkaṭ a*. Do duyên của sự khoác lác về pháp thượng nhân không có không thực chứng vi phạm ba tội này.

Dứt bốn điều *pārājika*.

10. 2. CHƯƠNG SAṄGHĀDISESA, v.v...

1. Do duyên của việc làm xuất ra tinh dịch sau khi đã gắng sức vi phạm bao nhiêu tội? – Do duyên của việc

làm xuất ra tinh dịch sau khi đã gắng sức vi phạm ba tội: Vị có ý định, gắng sức, bị xuất ra phạm tội *saṅ ghādisesa*; vị có ý định, gắng sức, không bị xuất ra phạm tội *thullaccaya*; lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*. Do duyên của việc làm xuất ra tinh dịch sau khi đã gắng sức vi phạm ba tội này.

2. Do duyên của việc xúc chạm thân thể vi phạm bao nhiêu tội? – Do duyên của việc xúc chạm thân thể vi phạm năm tội: Vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng ung thuận sự nắm lấy từ xương đòn (ở cổ) trở xuống từ đầu gối trở lên của người nam nhiễm dục vọng phạm tội *pārājika*; vị tỳ khuru sờ vào thân (người nữ) bằng thân (vị ấy) phạm tội *saṅ ghādisesa*; vị sờ vào vật được gắn liền với thân (người nữ) bằng thân (vị ấy) phạm tội *thullaccaya*; vị sờ vào vật được gắn liền với thân (người nữ) bằng vật được gắn liền với thân (vị ấy) phạm tội *dukkaṭ a*; khi thọc lét bằng ngón tay phạm tội *pācittiya*. Do duyên của việc xúc chạm thân thể vi phạm năm tội này.

3. Do duyên của việc nói với người nữ bằng những lời thô tục vi phạm ba tội: Vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai đề cập đến đường tiêu, đường tiểu phạm tội *saṅ ghādisesa*; vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai đề cập đến (phần cơ thể) từ xương đòn (ở cổ) trở xuống và từ đầu gối trở lên trừ ra đường tiêu và đường tiểu phạm tội *thullaccaya*; vị nói lời ca ngợi, nói lời chê bai đề cập đến vật gắn liền với thân phạm tội *dukkaṭ a*.

4. Do duyên của việc nói lời ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân vi phạm ba tội: Vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người nữ phạm tội *sañ ghādisesa*; vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của người vô căn phạm tội *thullaccaya*; vị ca ngợi sự hầu hạ tình dục cho bản thân trong sự hiện diện của loài thú phạm tội *dukkaṭ a*.

5. Do duyên của việc tiến hành sự mai mối vi phạm ba tội: Vị nhận lời, thông báo, đem lại (hồi báo) phạm tội *sañ ghādisesa*; vị nhận lời, thông báo, không đem lại (hồi báo) phạm tội *thullaccaya*; vị nhận lời, không thông báo, không đem lại (hồi báo) phạm tội *dukkaṭ a*.

6. Do duyên của việc bảo xây dựng cốc liêu do tự mình xin (vật liệu) vi phạm ba tội: Vị bảo xây dựng, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; còn cục (vữa tô) cuối cùng, phạm tội *thullaccaya*; khi cục (vữa tô) ấy đã được đặt vào, phạm tội *sañ ghādisesa*.

7. Do duyên của việc bảo xây dựng trú xá lớn vi phạm ba tội: Vị bảo xây dựng, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; còn cục (vữa tô) cuối cùng, phạm tội *thullaccaya*; khi cục (vữa tô) ấy đã được đặt vào, phạm tội *sañ ghādisesa*.

8. Do duyên của việc bôi nhọ vị tỳ khưu về tội *pārājika* không có nguyên có vi phạm ba tội: Vị khi chưa thành ý (để buộc tội), có ý định loại trừ, rồi nói lời (buộc tội) phạm tội *dukkaṭ a* và tội *sañ ghādisesa*; vị sau khi đã

thỉnh ý (để buộc tội), có ý định mắng nhiếc, rồi nói lời (mắng nhiếc) thì phạm tội nói lời mắng nhiếc.

9. Do duyên của việc bôi nhọ vị tỳ khuru về tội *pārājika* sau khi nắm lấy sự kiện nào đó chỉ là nhỏ nhất thuộc về cuộc tranh tụng có quan hệ khác biệt vi phạm ba tội: Vị khi chưa thỉnh ý (để buộc tội), có ý định loại trừ, rồi nói lời (buộc tội) phạm tội *dukkaṭa* và tội *saṅghādisesa*; vị sau khi đã thỉnh ý (để buộc tội), có ý định mắng nhiếc, rồi nói lời (mắng nhiếc) thì phạm tội nói lời mắng nhiếc.

10. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, vị tỳ khuru là người chia rẽ hội chúng vi phạm ba tội: Do lời đề nghị phạm tội *dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự, phạm tội *saṅghādisesa*.

11. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, các vị tỳ khuru là những kẻ xu hướng theo vị chia rẽ (hội chúng) vi phạm ba tội: Do lời đề nghị phạm tội *dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự, phạm tội *saṅghādisesa*.

12. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, vị tỳ khuru khó dạy vi phạm ba tội: Do lời đề nghị phạm tội *dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn

của hành sự phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự, phạm tội *saṇ ghādisesa*.

13. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, vị tỳ khưu là người làm hư hỏng các gia đình vì phạm ba tội: Do lời đề nghị phạm tội *dukkat a*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự, phạm tội *saṇ ghādisesa*.

—nt—

14. Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vì phạm bao nhiêu tội? – Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vì phạm một tội *dukkat a*. Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vì phạm một tội này.

Dứt phần Bao Nhiêu Tội là thứ nhì.

11. PHẦN SỰ HƯ HỎNG

1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? – Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

—nt—

2. Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? – Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

Dứt phần Sự Hư Hỏng là thứ ba.

12. PHẦN ĐƯỢC TỔNG HỢP

1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? – Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được tổng hợp vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pārājika*, có thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭa*.

—nt—

2. Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? – Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được tổng hợp vào một nhóm tội trong bảy nhóm tội là nhóm tội *dukkaṭa*.

Dứt phần Được Tổng Hợp là thứ tư.

13. PHẦN NGUỒN SANH TỘI

1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? – Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

—nt—

2. Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? – Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

Dứt phần Nguồn Sanh Tội là thứ năm.

14. PHẦN SỰ TRANH TỤNG

1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? – Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng.

—nt—

2. Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? – Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng.

Dứt phần Sự Tranh Tụng là thứ sáu.

15. PHẦN DÀN XẾP

1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? – Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

—nt—

2. Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? – Tội vi phạm do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần Dàn Xếp là thứ bảy.

16. PHẦN SỰ QUY TỰ

1. Các tội vi phạm do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa vi phạm bốn tội: Vi thực hiện việc đôi lứa nơi thi thể chưa bị (thú) ăn phạm tội *pārājika*; vi thực hiện việc đôi lứa nơi thi thể đã bị (thú) ăn nhiều phần phạm tội *thullaccaya*; vi đưa dương vật vào miệng đã được mở ra nhưng không bị va chạm phạm tội *dukkaṭa*; trong (trường hợp) gây ngấn bằng nhựa cây phạm tội *pācittiya*. Do duyên của sự thực hiện việc đôi lứa vi phạm bốn tội này.

2. Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pārājika*, có thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn

xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cớ che lấp.

—nt—

3. Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm bao nhiêu tội? – Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội *dukkat a*. Do duyên của hành động đại tiện, hoặc tiểu tiện, hoặc khắc nhổ vào trong nước do không có sự tôn trọng vi phạm một tội này.

4. Tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào một nhóm tội trong bảy nhóm tội là nhóm tội *dukkat a*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc

phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cớ che lấp.

Dứt phần Sự Quy Tụ là thứ tám.

Dứt tám phần về Nguyên Nhân.

**DỨT MƯỜI SÁU PHẦN CHÍNH THUỘC BỘ ĐẠI
PHÂN TÍCH.**

VÀ BỘ ĐẠI PHÂN TÍCH ĐƯỢC CHẤM DỨT.

--ooOoo--

PHÂN TÍCH GIỚI TỖ KHUU NI

1. PHẦN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU

1. 1. CHƯƠNG *PĀRĀJIKĀ*

Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *pārājika* thứ năm cho các tỳ khưu ni đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? Về sự việc gì? Ở đây, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra không? Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, (hay) là điều quy định cho khu vực? Là điều quy định chung (cho tỳ khưu và tỳ khưu ni), (hay) là điều quy định riêng? Là điều quy định cho một (hội chúng), (hay) là điều quy định cho cả hai (hội chúng tỳ khưu và tỳ khưu ni)? (Điều ấy) được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong bốn cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*?¹ Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? Sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Thuộc về sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp (sự tranh tụng)? Ở đây, điều gì gọi là Luật? Ở đây, điều

¹ Tỳ khưu ni không có giới *aniyata* nên chỉ có bốn cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*, còn tỳ khưu có năm cách (Xem *Mahāvagga* - Đại Phẩm, TTPV tập 04, chương II; TTVN tập 04, chương II).

gì gọi là Thăng Luật? Ở đây, điều gì gọi là giới bốn *Pātimokkha*? Ở đây, điều gì gọi là Tăng thượng giới bốn *Pātimokkha*? Điều gì là sự phạm tội? Điều gì là sự thành tựu? Điều gì là sự thực hành? Điều *pārājika* thứ năm cho các tỳ khuru ni đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích? Những vị ni nào học tập (điều ấy)? Những vị ni nào có việc học tập đã học tập xong? (Điều ấy) được tồn tại ở đâu? Những vị ni nào duy trì? Là lời dạy của ai? Do ai truyền đạt lại?

1. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *pārājika* thứ năm cho các tỳ khuru ni đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Sundarīnandā.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng đã ưng thuận việc xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng.

Ở đây, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra không? – Ở đây, có một điều quy định, không có điều quy định thêm và điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra.

Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, (hay) là điều quy định cho khu vực? – Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung (cho tỳ khuru và tỳ khuru ni), (hay) là điều quy định riêng? – Là điều quy định riêng (cho tỳ khuru ni).

Là điều quy định cho một (hội chúng), (hay) là điều quy định cho cả hai (hội chúng tỳ khuru và tỳ khuru ni)? – Là điều quy định cho một (hội chúng).

Được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong bốn cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*? – Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? – Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ nhì.

Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? – Là sự hư hỏng về giới.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? – Thuộc về nhóm tội *pārājika*.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? – Điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? – Là sự tranh tụng liên quan đến tội.

Trong bảy cách dàn xếp (sự tranh tụng), điều ấy được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Điều

ấy được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

Ở đây điều gì gọi là Luật? Ở đây điều gì gọi là Thắng Luật? – Sự quy định gọi là Luật. Sự phân tích gọi là Thắng Luật.

Ở đây điều gì gọi là giới bốn *Pātimokkha*? Ở đây điều gì gọi là Tăng thượng giới bốn *Pātimokkha*? – Sự quy định gọi là giới bốn *Pātimokkha*. Sự phân tích gọi là Tăng thượng giới bốn *Pātimokkha*.

Điều gì là sự phạm tội? – Việc không tự kiểm chế là sự phạm tội.

Điều gì là sự thành tựu? – Việc tự kiểm chế là sự thành tựu.

Điều gì là sự thực hành? – ‘Tôi sẽ không làm việc có hình thức như thế,’ sau khi thọ trì vị ấy học tập về các điều học cho đến trọn đời, tận hơi thở vào cuối cùng.

Điều *pārājika* thứ năm cho các tỳ khuru ni đã được đức Thế Tôn quy định vì bao nhiêu lợi ích? – Điều *pārājika* thứ năm cho các tỳ khuru ni đã được đức Thế Tôn quy định vì mười lợi ích: Nhằm sự tốt đẹp cho hội chúng, nhằm sự an lạc cho hội chúng, nhằm việc kiểm chế những tỳ khuru ni ác xấu, nhằm sự lạc trú của các tỳ khuru ni hiền thiện, nhằm ngăn ngừa các lậu hoặc trong

hiện tại, nhằm sự trừ diệt các lậu hoặc trong tương lai, nhằm đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, nhằm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin, nhằm sự tồn tại của Chánh Pháp, (và) nhằm sự hỗ trợ Luật.

Những vị ni nào học tập (điều ấy)? – Các bậc nữ Thánh hữu học và các nữ thiện nhân phạm phu học tập (điều ấy).

Những vị ni nào có việc học tập đã học tập xong? – Các vị ni là bậc A-la-hán có việc học tập đã học tập xong.

(Điều ấy) được tồn tại ở đâu? – Được tồn tại ở các vị ni có sự ưa thích việc học tập.

Những vị ni nào duy trì (điều ấy)? – Những vị ni nào rành rẽ, những vị ni ấy duy trì.

Là lời dạy của ai? – Là lời dạy của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

Do ai truyền đạt lại? – Được truyền đạt lại theo sự kế tục (của các vị trưởng lão).

i. *Vị Upāli, luôn cả vị Dāsaka, vị Soṇaka, vị Siggava là tương tự, với vị Moggalliputta là thứ năm, các vị này là ở đảo Jambu huy hoàng.*

ii. Từ nơi ấy, vị Mahinda, và vị It̐hiya, vị Uttiya, luôn cả vị Sambala, và bậc thông thái tên Bhadda, các vị hàng đầu ấy có tuệ vĩ đại từ hòn đảo Jambu đã đi đến nơi đây.

iii. Các vị ấy đã giảng dạy Tạng Luật ở Tambapaṇṇi. Các vị ấy đã giảng dạy năm bộ Nikāya và bảy bộ Vi Diệu Pháp.

iv. Sau đó, vị Ariṭṭha thông minh, và vị Tissadatta thông thái, vị Kāḷāsumana có lòng tự tin, và vị trưởng lão tên Dīgha, và vị Dīghasumana thông thái.

v. Thêm nữa, là vị Kāḷāsumana, trưởng lão Nāga và vị Buddhārakkhita, và vị trưởng lão Tissa thông minh, và vị trưởng lão Deva thông thái.

vi. Thêm nữa là vị Sumana thông minh và nắm vững về Luật, vị Cūḷānāga nghe nhiều học rộng, khó công kích giống như con voi vậy.

vii. Và vị tên Dhammapālita ở xứ Rohaṇa đã được tôn vinh trọng thể. Đệ tử của người có tên Khema là vị đại tuệ, là bậc thông Tam Tạng đã sáng ngời ở trên đảo như chúa của các vì sao nhờ vào trí tuệ.

viii. Và vị Upatissa thông minh, vị Phussadeva là đại Pháp sư, thêm nữa là vị Sumana thông minh, vị có tên Puppha nghe nhiều học rộng.

ix. Vị Mahāsīva là đại Pháp sư, rành rẽ về mọi vấn đề trong Tam Tạng. Thêm nữa là vị Upāli thông minh và nắm vững về Luật.

x. Vị Mahānāga là bậc đại tuệ, rành rẽ về truyền thống của Chánh Pháp. Thêm nữa là vị Abhaya thông minh, rành rẽ về mọi vấn đề trong Tam Tạng.

xi. Và trưởng lão Tissa thông minh, và nắm vững về Luật. Độ tử của người có tên Puppha là bậc đại tuệ, nghe nhiều học rộng, trong khi hộ trì Giáo Pháp đã thiết lập vũng vàng ở hòn đảo Jambu.

xii. Và vị Cūḷābhaya thông minh, nắm vững về Luật. Và vị trưởng lão Tissa thông minh, rành rẽ về truyền thống của Chánh Pháp.

xiii. Và vị Phussadeva thông minh, và nắm vững về Luật. Và vị trưởng lão Sīva thông minh, rành rẽ về mọi vấn đề về Luật.

xiv. Những vị hàng đầu ấy có đại tuệ, là những vị thông Luật, rành rẽ về đường lối, đã phổ biến Tạng Luật ở hòn đảo Tambapaṇṇī.

2. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *pārājika* thứ sáu cho các tỳ khuru ni đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đầu biết vị tỳ khuru ni vi phạm tội *pārājika* đã không tự chính mình khiển trách cũng không thông báo cho nhóm. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do

một nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

3. Điều *pārājika* thứ bảy cho các tỳ khuru ni đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā xu hướng theo tỳ khuru Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (là vị) đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm¹ —nt—

4. Điều *pārājika* thứ tám cho các tỳ khuru ni đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã làm đủ sự việc thứ tám. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

Dứt tám điều *pārājika*.

¹ Là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý (ND).

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Việc đôi lứa, và việc lấy vật chưa được cho, việc đoạt mạng người, (pháp) thượng nhân, việc xúc chạm thân thể, vị ni che giấu (tội), các vị bị án treo, vị ni làm đủ tám việc, đấng Đại Hùng đã quy định, các sự việc nên được phân tích, không còn sự hoài nghi.

--ooOoo--

1. 2. CHƯƠNG SAṄGHĀDISESA

Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *saṅ ghādisesa* đến vị tỳ khuru ni là người nói lời tranh chấp thực hiện việc thừa kiện đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? Về sự việc gì? —nt— Do ai truyền đạt lại?

1. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *saṅ ghādisesa* đến vị tỳ khuru ni là người nói lời tranh chấp thực hiện việc thừa kiện đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi.

Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã sống là người nói lời tranh chấp.

Ở đây, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra không? – Ở đây, có một điều quy định, không có điều quy định thêm và điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra.

Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, (hay) là điều quy định cho khu vực? – Là điều quy định cho tất cả mọi nơi.

Là điều quy định chung (cho tỳ khuru và tỳ khuru ni), (hay) là điều quy định riêng? – Là điều quy định riêng (cho tỳ khuru ni).

Là điều quy định cho một (hội chúng), (hay) là điều quy định cho cả hai (hội chúng tỳ khuru và tỳ khuru ni)? – Là điều quy định cho một (hội chúng).

Được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong bốn cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*? – Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu.

Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? – Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ ba.

Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? – Là sự hư hỏng về giới.

Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? – Thuộc về nhóm tội *saṅghādisesa*.

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? – Điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

—nt—

Do ai truyền đạt lại? – Được truyền đạt lại theo sự kế tục (của các vị trưởng lão).

Vị *Upāli*, luôn cả vị *Dāsaka*, —nt— *Tạng Luật ở Tambapaṇṇī*.

2. Điều *saṅ ghādisesa* đến vị ni tiếp độ nữ đạo tặc đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khưu ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khưu ni Thullanandā đã tiếp độ nữ đạo tặc. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

3. Điều *saṅ ghādisesa* đến vị ni một mình đi vào trong làng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khưu ni nọ. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khưu ni nọ chỉ một mình đã đi vào làng. – Có một điều quy định, ba điều quy định thêm. – Trong sáu nguồn sanh

tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều *pārājika* thứ nhất.¹ —nt—

4. Điều *saṅghādisesa* đến vị ni khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm rồi phục hồi cho vị tỳ khuru ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp theo Luật theo lời dạy của bậc Đạo Sư đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm đã phục hồi cho vị tỳ khuru ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp theo Luật theo lời dạy của bậc Đạo Sư. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

5. Điều *saṅghādisesa* đến vị ni nhiễm dục vọng sau khi tự tay thọ nhận vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Sundarīnandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni tỳ khuru ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng đã tự tay thọ nhận vật thực từ tay của người nam nhiễm dục

¹ Là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu (ND).

vọng. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều *pārājika* thứ nhất. —nt—

6. Điều *saṅghādisesa* đến vị ni xúi giục rằng: ‘Này ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì ni sư khi ni sư không nhiễm dục vọng? Này ni sư, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào đến ni sư, ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn đi’ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru ni nọ. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru ni nọ đã xúi giục rằng: ‘Này ni sư, cá nhân người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì ni sư khi ni sư không nhiễm dục vọng? Này ni sư, cá nhân người đàn ông ấy dâng vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào đến ni sư, ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn đi.’ – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

7. Điều *saṅghādisesa* đến vị tỳ khuru ni nổi giận, bất bình, không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Caṇḍakālī. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Caṇḍakālī nổi giận, bất bình đã nói như vậy: ‘Tôi lia bỏ

đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo Pháp, tôi lìa bỏ Hội Chúng, tôi lìa bỏ việc học tập.’ – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

8. Điều *saṇ ghādisesa* đến vị tỳ khuru ni đã bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó lại không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Caṇḍakālī. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Caṇḍakālī đã bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó nên nổi giận, bất bình rồi đã nói như vậy: ‘Các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì thương, các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì ghét, các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì si mê, các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì sợ hãi.’ – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

9. Điều *saṇ ghādisesa* đến các tỳ khuru ni sống thân cận (với thế tục) và không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã sống thân cận (với thế tục). – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều

ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

10. Điều *saṅghādisesa* đến vị ni xúi giục rằng: ‘Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chó có sống cách khác’ và không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã xúi giục rằng: ‘Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chó có sống cách khác.’ – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

Dứt mười điều *saṅghādisesa*.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Sự tranh chấp, nữ đạo tặc, vào trong làng, (phục hồi) vị ni bị án treo, và vật thực loại cứng, ‘sẽ làm gì ni sư,’ vị ni nổi giận, (cuộc tranh tụng) nào đó, sống thân cận (thế tục), được biết là mười điều.

--ooOoo--

1. 3. CHƯƠNG NISSAGGIYA

1. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *nissaggiya pācittiya* đến vị ni thực hiện việc tích trữ bình bát đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã thực hiện việc tích trữ bình bát. – Có một điều quy định. – Điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở phần *Kaṭṭhina*.¹ —nt—

2. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị ni sau khi xác định y ngoài hạn kỳ là: ‘Y trong thời hạn’ rồi bảo phân chia đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā sau khi xác định y ngoài hạn kỳ là: ‘Y trong thời hạn’ rồi đã bảo phân chia. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

3. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị ni sau khi trao đổi y với vị tỳ khuru ni rồi giặt lại đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā sau khi trao

¹ Có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý (ND).

đổi y với vị tỳ khuru ni rồi đã giặt lại. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

4. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị ni sau khi yêu cầu vật này lại yêu cầu vật khác đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā sau khi yêu cầu vật này đã yêu cầu vật khác. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

5. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị ni sau khi bảo sắm vật này lại bảo sắm vật khác đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā sau khi bảo sắm vật này đã bảo sắm vật khác. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

6. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị ni bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của

việc khác. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

7. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị ni bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

8. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị ni bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã bảo sắm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

9. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị ni bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định

tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

10. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị ni bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã bảo sắm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

11. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị ni bảo sắm tấm choàng loại dày vượt quá bốn *kaṃsa* đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã yêu cầu đức vua tấm choàng len. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

12. Điều *nissaggiya pācittiya* đến vị ni bảo sắm tấm choàng loại nhẹ vượt quá hai *kaṃsa* rưỡi đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã yêu cầu đức vua tấm choàng sợi lanh. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

Dứt mười hai điều *nissaggiya pācittiya*.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Bình bát (tích trữ), ngoại thời và trong thời, khi đã được trao đổi, và vị yêu cầu, sau khi bảo sắm, lợi ích khác, và thuộc hội chúng, thuộc nhóm, tự mình xin, thuộc cá nhân, (áo choàng) bốn kaṃsa, và hai kaṃsa rưỡi.

--ooOoo--

1. 4. CHƯƠNG PĀCITTĪYA

4. 1.

1. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *pācittiya* đến vị ni nhai tỏi đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy,

tỳ khuru ni Thullanandā đã không biết chừng mực và bảo mang đi (nhiều) tội. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu.¹ —nt—

2. Điều *pācittiya* đến vị ni cạo lông ở chỗ kín đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã cạo lông ở chỗ kín. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: —nt—

3. Điều *pācittiya* về việc đập vỡ bằng lòng bàn tay đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến hai tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, hai tỳ khuru ni đã thực hiện việc đập vỡ bằng lòng bàn tay. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều *pārājika* thứ nhất. —nt—

4. Điều *pācittiya* về việc gậy ngấn bằng nhựa cây đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru ni nọ. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru ni nọ

¹ Có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu (ND).

đã áp dụng gậy ngăn bằng nhựa cây. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều *pārājika* thứ nhất. —nt—

5. Điều *pācittiya* đến vị ni áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước tối đa hai lông tay đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại xứ Sakka. Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru ni nọ. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru ni nọ đã áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước quá sâu. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều *pārājika* thứ nhất. —nt—

6. Điều *pācittiya* đến vị ni với nước uống hoặc với quạt đứng gần vị tỳ khuru đang thọ thực đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru ni nọ. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru ni nọ với nước uống và với quạt đã đứng gần vị tỳ khuru đang thọ thực. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở phần lông cừu. —nt—

7. Điều *pācittiya* đến vị ni sau khi yêu cầu lúa còn nguyên hạt rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã yêu cầu lúa còn nguyên hạt rồi thọ dụng. – Có một điều quy định. –

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: —nt—

8. Điều *pācittiya* đến vị ni đổ bỏ phân, hoặc nước tiểu, hoặc rác rưởi, hoặc thức ăn thừa ở phía bên kia bức tường hoặc phía bên kia hàng rào đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru ni nọ. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru ni nọ đã đổ bỏ phân ở phía bên kia bức tường, ở phía bên kia hàng rào. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

9. Điều *pācittiya* đến vị ni đổ bỏ phân, hoặc nước tiểu, hoặc rác rưởi, hoặc thức ăn thừa lên cỏ cây xanh đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã đổ bỏ phân, nước tiểu, rác rưởi, và thức ăn thừa lên cỏ cây xanh. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

10. Điều *pācittiya* đến vị ni đi để xem vũ, hoặc ca, hoặc tấu nhạc đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã đi để xem vũ ca tấu nhạc. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

Phẩm Tỏi là thứ nhất.

4. 2.

1. Điều *pācittiya* đến vị ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở trong bóng tối ban đêm không có đèn đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattihi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru ni nọ. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru ni nọ đã cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở trong bóng tối ban đêm không có đèn. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều đám người đạo tặc.¹ —nt—

2. Điều *pācittiya* đến vị ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở chỗ được che khuất đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattihi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru ni nọ. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru ni nọ đã cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở chỗ được che khuất. – Có một điều quy định. – Trong sáu

¹ Có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều đám người đạo tặc. —nt—

3. Điều *pācittiya* đến vị ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở khoảng trống đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru ni nọ. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru ni nọ đã cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở khoảng trống. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều đám người đạo tặc. —nt—

4. Điều *pācittiya* đến vị ni cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở đường có xe cộ, hoặc ở ngõ cụt, hoặc ở giao lộ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở đường có xe cộ, ở ngõ cụt, ở giao lộ. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều đám người đạo tặc. —nt—

5. Điều *pācittiya* đến vị ni sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi rồi ra đi không thông báo chủ nhân đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? –

Liên quan đến vị tỳ khuru ni nọ. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru ni nọ sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi rồi đã ra đi không thông báo chủ nhân. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều *Kaṭ hīna*. —nt—

6. Điều *pācittiya* đến vị ni sau khi đi đến các gia đình sau bữa ăn không hỏi ý chủ nhân rồi ngồi xuống trên chỗ ngồi đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā sau khi đi đến các gia đình sau bữa ăn không hỏi ý chủ nhân đã ngồi xuống trên chỗ ngồi. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều *Kaṭ hīna*. —nt—

7. Điều *pācittiya* đến vị ni sau khi đi đến các gia đình vào lúc trời tối không hỏi ý chủ nhân lại trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni sau khi đi đến các gia đình vào lúc trời tối không hỏi ý chủ nhân đã trải ra chỗ nằm rồi ngồi xuống. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều *Kaṭ hīna*. —nt—

8. Điều *pācittiya* đến vị ni do hiểu sai do xét đoán sai rồi phàn nàn với vị khác đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru ni nọ. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru ni nọ do hiểu sai do xét đoán sai đã phàn nàn với vị khác. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

9. Điều *pācittiya* đến vị ni nguyên rửa bản thân hoặc người khác về địa ngục hoặc về Phạm hạnh đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Caṇḍakālī. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Caṇḍakālī đã nguyên rửa bản thân luôn cả người khác về địa ngục và cả Phạm hạnh nữa. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

10. Điều *pācittiya* đến vị ni tự đánh đập chính mình rồi khóc lóc đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Caṇḍakālī. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Caṇḍakālī đã tự đánh đập chính mình rồi khóc lóc. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

Phẩm Bóng Tối là thứ nhì.

4. 3.

1. Điều *pācittiya* đến vị ni lõa thể tắm đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã lõa thể tắm. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

2. Điều *pācittiya* đến vị ni bảo thực hiện vải choàng tắm vượt quá kích thước đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã mặc những vải choàng tắm không đúng kích thước. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

3. Điều *pācittiya* đến vị ni sau khi tháo rời hoặc bảo tháo rời y của vị tỳ khuru ni rồi không khâu lại cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) khâu lại đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā sau khi bảo tháo rời y của vị tỳ khuru ni rồi đã không khâu lại cũng không nỗ lực trong việc bảo

(người khác) khâu lại. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

4. Điều *pācittiya* đến vị ni vượt quá năm ngày thiếu vắng y hai lớp đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni sau khi trao y tận tay của các tỳ khuru ni đã ra đi du hành trong xứ sở với y nội và thượng y. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều *Kaṭ hina*. —nt—

5. Điều *pācittiya* đến vị ni sử dụng y thiết thân (của vị ni khác) đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru ni nọ. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru ni nọ đã trộm y của vị tỳ khuru ni khác mà không hỏi ý. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều *Kaṭ hina*. —nt—

6. Điều *pācittiya* đến vị ni cản trở lợi lộc về y của nhóm đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã cản trở lợi lộc về y của nhóm.

– Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

7. Điều *pācittiya* đến vị ni ngăn cản sự phân chia y đúng Pháp đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã ngăn cản sự phân chia y đúng Pháp. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

8. Điều *pācittiya* đến vị ni cho y của Sa-môn đến người nam tại gia hoặc nam du sĩ ngoại đạo hoặc nữ du sĩ ngoại đạo đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã cho y của Sa-môn đến người nam tại gia. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do sáu nguồn sanh tội: —nt—

9. Điều *pācittiya* đến vị ni để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn. – Có một điều quy

định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

10. Điều *pācittiya* đến vị ni ngăn cản sự thu hồi *Kaṭ hina* đúng Pháp đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã ngăn cản sự thu hồi *Kaṭ hina* đúng Pháp. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

Phẩm Tám là thứ ba.

4. 4.

1. Điều *pācittiya* đến hai vị tỳ khuru ni nằm chung trên một chiếc giường đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã nằm chung hai (người) trên một chiếc giường. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

2. Điều *pācittiya* đến hai vị tỳ khuru ni nằm chung một tấm trải tấm đắp đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên

quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni hai (người) đã nằm chung một tấm trải tấm đắp. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

3. Điều *pācittiya* đến vị ni cố ý quấy rầy vị tỳ khuru ni (khác) đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã cố ý quấy rầy vị tỳ khuru ni (khác). – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

4. Điều *pācittiya* đến vị ni không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

5. Điều *pācittiya* đến vị ni sau khi đã cho vị tỳ khuru ni chỗ trú ngụ lại nổi giận bất bình rồi lôi kéo ra ngoài đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni

Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā sau khi đã cho vị tỳ khuru ni chỗ trú ngụ lại nổi giận bất bình rồi đã lôi kéo ra ngoài. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

6. Điều *pācittiya* đến vị ni sống thân cận (với thế tục) và không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Caṇḍakālī. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Caṇḍakālī đã sống thân cận (với thế tục). – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

7. Điều *pācittiya* đến vị ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm có sự kinh hoàng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm có sự kinh hoàng. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

8. Điều *pācittiya* đến vị ni đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ (tại nơi) được xác định là có

sự nguy hiểm có sự kinh hoàng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ (tại nơi) được xác định là có sự nguy hiểm có sự kinh hoàng. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

9. Điều *pācittiya* đến vị ni đi du hành trong mùa (an cư) mưa đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã đi du hành trong mùa (an cư) mưa. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

10. Điều *pācittiya* đến vị ni khi đã trải qua mùa (an cư) mưa mà không ra đi du hành đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni khi đã trải qua mùa (an cư) mưa đã không ra đi du hành. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều *pārājika* thứ nhất. —nt—

Phẩm Năm Chung là thứ tư.

4. 5.

1. Điều *pācittiya* đến vị ni đi để xem hí viện của đức vua, hoặc nhà triển lãm tranh, hoặc khu vườn, hoặc công viên, hoặc hồ sen đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattihi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã đi để xem hí viện của đức vua và nhà triển lãm tranh. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

2. Điều *pācittiya* đến vị ni sử dụng ghế trường kỷ hoặc ghế nệm lông thú đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattihi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã sử dụng ghế trường kỷ và ghế nệm lông thú. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

3. Điều *pācittiya* đến vị ni xe chỉ sợi đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattihi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã xe chỉ sợi. – Có một điều quy định. –

Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

4. Điều *pācittiya* đến vị ni phục vụ người tại gia đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã phục vụ người tại gia. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

5. Điều *pācittiya* đến vị ni khi được vị tỳ khuru ni nói rằng: ‘Thưa ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này’ đã trả lời rằng: ‘Tốt thôi!’ rồi không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā khi được vị tỳ khuru ni nói rằng: ‘Thưa ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này,’ sau khi trả lời rằng: ‘Tốt thôi!’ rồi đã không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

6. Điều *pācittiya* đến vị ni tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm đến người nam tại gia hoặc nam du sĩ ngoại đạo hoặc nữ du sĩ ngoại đạo đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã tự tay cho vật thực cứng và vật thực mềm đến người nam tại gia. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

7. Điều *pācittiya* đến vị ni sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã sử dụng y nội trợ không chịu xả bỏ. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều *Kaṭ hīna*. —nt—

8. Điều *pācittiya* đến vị ni ra đi du hành khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ đã ra đi du hành. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều *Kaṭ hīna*. —nt—

9. Điều *pācittiya* đến vị ni học tập kiến thức nhằm nhĩ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã học tập kiến thức nhằm nhĩ. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều

ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều Pháp theo từng câu. —nt—

10. Điều *pācittiya* đến vị ni dạy kiến thức nhằm nhĩ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư đã dạy kiến thức nhằm nhĩ. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều Pháp theo từng câu. —nt—

Phẩm Nhà Triễn Lãm Tranh là thứ năm.

4. 6.

1. Điều *pācittiya* đến vị ni trong khi biết tu viện có tỳ khưu chưa hỏi ý lại đi vào đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khưu ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khưu ni khi chưa hỏi ý mà đã đi vào tu viện. – Có một điều quy định, có hai điều quy định thêm. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

2. Điều *pācittiya* đến vị ni mắng nhiếc gièm pha vị tỳ khưu đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Vesālī. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy,

các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã mắng nhiếc đại đức Upāli. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

3. Điều *pācittiya* đến vị ni bị kích động rồi gièm pha nhóm đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā bị kích động đã gièm pha nhóm. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

4. Điều *pācittiya* đến vị ni đã được thỉnh mời hoặc đã từ chối (vật thực dâng thêm) lại thọ dụng vật thực cứng hoặc vật thực mềm ở nơi khác đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni thọ thực xong và từ chối (vật thực dâng thêm) đã thọ thực ở nơi khác. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: —nt—

5. Điều *pācittiya* đến vị ni bỏn xén về gia đình đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru ni nọ. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru ni nọ đã bỏn xén về gia đình. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

6. Điều *pācittiya* đến vị ni sống mùa (an cư) mưa tại trú xứ không có tỳ khuru đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã sống mùa (an cư) mưa tại trú xứ không có tỳ khuru. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

7. Điều *pācittiya* đến vị ni khi đã trải qua mùa (an cư) mưa không thỉnh cầu (không hành lễ *Pavāraṇā*) ở cả hai hội chúng dựa trên ba tình huống đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni khi đã trải qua mùa (an cư) mưa đã không thỉnh cầu (không hành lễ *Pavāraṇā*) nơi hội chúng tỳ khuru ni. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

8. Điều *pācittiya* đến vị ni không đi vì việc giáo giới hoặc vì việc đồng cộng trú đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại xứ Sakka. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã không đi vì việc giáo giới. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều *pārājika* thứ nhất. —nt—

9. Điều *pācittiya* đến vị ni không hỏi về lễ *Uposatha* cũng không thỉnh cầu sự giáo giới đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành *Sāvatthi*. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã không hỏi về lễ *Uposatha*, cũng đã không thỉnh cầu sự giáo giới. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

10. Điều *pācittiya* đến vị ni khi chưa xin phép hội chúng hoặc nhóm lại cùng người nam, một nữ với một nam xẻ nặn ung nhọt hoặc vết loét phát sanh ở phần dưới thân đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành *Sāvatthi*. Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru ni nọ. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru ni nọ đã cùng với người nam, một nữ với một nam xẻ nặn ung nhọt phát sanh ở phần dưới thân. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều *Kaṭ hīna*. —nt—

Phẩm Tu Viện là thứ sáu.

4. 7.

1. Điều *pācittiya* đến vị ni tiếp độ người nữ mang thai đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành

Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã tiếp độ người nữ mang thai. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

2. Điều *pācittiya* đến vị ni tiếp độ người nữ còn cho con bú đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã tiếp độ người nữ còn cho con bú. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

3. Điều *pācittiya* đến vị ni tiếp độ cô ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã tiếp độ cô ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

4. Điều *pācittiya* đến vị ni tiếp độ cô ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni.

Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã tiếp độ cô ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

5. Điều *pācittiya* đến vị ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi chưa đủ mười hai tuổi đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã tiếp độ người nữ đã kết hôn khi chưa đủ mười hai tuổi. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

6. Điều *pācittiya* đến vị ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

7. Điều *pācittiya* đến vị ni tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng

chấp thuận đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

8. Điều *pācittiya* đến vị ni sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không dạy dỗ cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử đã không dạy dỗ cũng đã không bảo người dạy dỗ trong hai năm. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

9. Điều *pācittiya* đến vị ni không hầu cận ni sư tể độ đã tiếp độ cho trong hai năm đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã không hầu cận ni sư tể độ đã tiếp độ cho trong hai năm. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều *pārājika* thứ nhất. —nt—

10. Điều *pācittiya* đến vị ni sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không cách ly (vị ni ấy) cũng không làm cho (vị ni ấy) được cách ly đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không cách ly (vị ni ấy) cũng không làm cho (vị ni ấy) được cách ly. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

Phẩm Sản Phụ là thứ bảy.

4. 8.

1. Điều *pācittiya* đến vị ni tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

2. Điều *pācittiya* đến vị ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai

mười tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

3. Điều *pācittiya* đến vị ni tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

4. Điều *pācittiya* đến vị ni tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm (thâm niên) đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã tiếp độ khi chưa đủ mười hai năm (thâm niên). – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

5. Điều *pācittiya* đến vị ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên) tiếp độ khi chưa được hội chúng đồng ý đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ

khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên) đã tiếp độ khi chưa được hội chúng đồng ý. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

6. Điều *pācittiya* đến vị ni khi được nói rằng: ‘Này ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ’ đã trả lời rằng: ‘Tốt thôi!’ sau đó lại tiến hành việc phê phán đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Caṇḍakālī. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Caṇḍakālī khi được nói rằng: ‘Này ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ’ đã trả lời rằng: ‘Tốt thôi!’ sau đó đã tiến hành việc phê phán. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

7. Điều *pācittiya* đến vị ni sau khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: ‘Này cô ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô’ rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā sau khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: ‘Này cô ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô’ rồi đã không tiếp độ cũng đã không ra sức cho việc tiếp độ. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên

do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

8. Điều *pācittiya* đến vị ni sau khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: ‘Này cô ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô’ rồi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā sau khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: ‘Này cô ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô’ rồi đã không tiếp độ cũng đã không ra sức cho việc tiếp độ. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

9. Điều *pācittiya* đến vị ni tiếp độ cô ni tu tập sự là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẵn tâm, là nguồn gây sầu khổ (cho người khác) đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã tiếp độ cô ni tu tập sự là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẵn tâm, là nguồn gây sầu khổ (cho người khác). – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

10. Điều *pācittiya* đến vị ni tiếp độ cô ni tu tập sự không được cha mẹ hoặc người chồng cho phép đã được

quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã tiếp độ cô ni tu tập sự không được cha mẹ và người chồng cho phép. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

11. Điều *pācittiya* đến vị ni tiếp độ cô ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị (tỳ khuru) đang chịu hình phạt *parivāsa* đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Rājagaha. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã tiếp độ cô ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị (tỳ khuru) đang chịu hình phạt *parivāsa*. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

12. Điều *pācittiya* đến vị ni tiếp độ hàng năm đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã tiếp độ hàng năm. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

13. Điều *pācittiya* đến vị ni tiếp độ hai người trong một năm đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã tiếp độ hai người trong một năm. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

Phẩm Thiếu Nữ là thứ tám.

4. 9.

1. Điều *pācittiya* đến vị ni sử dụng dù dép đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã sử dụng dù dép. – Có một điều quy định, có một điều quy định thêm. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

2. Điều *pācittiya* đến vị ni di chuyển bằng xe đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã di chuyển bằng xe. – Có một điều quy định, có một điều quy định thêm. – Trong sáu nguồn

sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

3. Điều *pācittiya* đến vị ni mang vật trang sức ở hông đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru ni nọ. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru ni nọ đã mang vật trang sức ở hông. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

4. Điều *pācittiya* đến vị ni đeo đồ trang sức của phụ nữ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã đeo đồ trang sức của phụ nữ. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

5. Điều *pācittiya* đến vị ni tắm bằng vật thơm có màu sắc đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã tắm bằng vật thơm có màu sắc. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

6. Điều *pācittiya* đến vị ni tắm bằng bã dầu mè có tấm hương đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã tắm bằng bã dầu mè có tấm hương. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

7. Điều *pācittiya* đến vị ni bảo tỳ khuru ni xoa bóp và chà xát (cơ thể) đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã bảo tỳ khuru ni xoa bóp và chà xát (cơ thể). – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

8. Điều *pācittiya* đến vị ni bảo cô ni tu tập sự xoa bóp và chà xát (cơ thể) đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã bảo cô ni tu tập sự xoa bóp và chà xát (cơ thể). – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

9. Điều *pācittiya* đến vị ni bảo sa di ni xoa bóp và chà xát (cơ thể) đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattihi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã bảo sa di ni xoa bóp và chà xát (cơ thể). – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

10. Điều *pācittiya* đến vị ni bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát (cơ thể) đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattihi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát (cơ thể). – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều lông cừu. —nt—

11. Điều *pācittiya* đến vị ni ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị tỳ khuru khi chưa có sự hỏi ý đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattihi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị tỳ khuru khi chưa có sự hỏi ý. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều *Kaṭ hīna*. —nt—

12. Điều *pācittiya* đến vị ni hỏi câu hỏi ở vị tỳ khuru chưa được thỉnh ý trước đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã hỏi câu hỏi ở vị tỳ khuru chưa được thỉnh ý trước. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: (như) ở điều Pháp theo từng câu. —nt—

13. Điều *pācittiya* đến vị ni không mặc áo lót đi vào làng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru ni nọ. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru ni nọ không mặc áo lót đã đi vào làng. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt—

Phẩm Dù Dẹp là thứ chín.

Dứt các Điều Nhỏ Nhặt thuộc chín Phẩm.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

1. Tôi, về việc cạo nhổ lông, lòng bàn tay (đập vỗ), và gây ngứa, việc làm sạch sẽ, (đứng gần) vị đang ăn, các thóc lúa còn nguyên hạt, hai điều với vật dơ, việc xem (ca vũ nhạc).

2. Trong bóng tối, ở chỗ bị che khuất, ở khoảng trống, và ở nơi xa lộ, trước và sau (bữa ăn), lúc trời tối, vị đã hiểu sai, (nguyên rửa) về địa ngục, vị đánh đấm (bản thân).

3. Lỗa thế, (choàng tắm) nước, sau khi tháo rời (y), (quá) năm ngày, y thiết thân, (của) nhóm, sự phân chia, (y của) Sa-môn, không chắc chắn, và (thân hồi) Kaṭ hina.

4. Chung một giường, với tấm trải, cố ý (quấy rầy), vị nữ đệ tử, sau khi cho (chỗ ngụ), (sống) thân cận, bên trong, và bên ngoài (quốc độ), (du hành) mùa mưa, không ra đi.

5. Đức vua, ghé trường kỷ, và (xe) chỉ sợi, (phục vụ) người tại gia, và với sự giải quyết (tranh tụng), vị cho (vật thực), y nội trợ, chỗ trú ngụ, học tập, và chỉ dạy (điều nhảm nhí).

6. Tu viện, sự mắng nhiếc, và sự kích động, vị thọ thực, bỏn xẻn về gia đình, việc cư ngụ (mùa mưa), lễ Pavāraṇā, sự giáo giới, (không hỏi về) hai pháp, và với phần dưới thân.

7. Người nữ mang thai, người nữ còn cho con bú, (học tập) về sáu pháp, chưa được chấp thuận, chưa đủ mười hai

tuổi, và đã được tròn đủ, với hội chúng, người nữ đệ tử, đã được tiếp độ, và (cách ly) năm sáu (do-tuần).

8. Hai điều về thiếu nữ, và (chưa được chấp thuận) bởi hội chúng, mười hai năm (thâm niên), và do vị đã được chấp thuận, thôi đi (chưa phải lúc), và nếu (dâng y), hai năm (hầu cận), vị ni thân cận, và (chưa cho phép) bởi chông.

9. Các vị đang chịu hình phạt parivāsa, hàng năm, và với việc tiếp độ hai người, với dù, và xe, vật trang sức ở hông, đồ nữ trang, vật (thơm) có màu sắc.

10. Bã dẫu mè, luôn cả vị tỳ khưu ni (xoa bóp), cô ni tu tập sự, và vị sa di ni, người nữ tại gia, phía trước vị tỳ khưu, việc chưa thỉnh ý trước, vị không mặc áo lót.

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM ẤY

Tỏi, bóng tối, việc tắm, và việc nằm chung, (nhà) triển lãm, tu viện, và luôn cả người nữ có thai, thiếu nữ, dù và dép.

--ooOoo--

1. 5. CHƯƠNG *PĀṬIDESANĪYA*

1. Điều *pāṭ idesanīya* đến vị ni yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng. – Có một điều quy định, có một điều quy định thêm. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: —nt—

2. Điều *pāṭ idesanīya* đến vị ni yêu cầu dầu ăn rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu dầu ăn rồi thọ dụng. —nt—

3. Điều *pāṭ idesanīya* đến vị ni yêu cầu mật ong rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? —nt— – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu mật ong rồi thọ dụng. —nt—

4. Điều *pāṭ idesanīya* đến vị ni yêu cầu đường mía rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? —nt— – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu đường mía rồi thọ dụng. —nt—

5. Điều *pāṭ idesanīya* đến vị ni yêu cầu cá rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? —nt— – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu cá rồi thọ dụng. —nt—

6. Điều *pāṭ idesanīya* đến vị ni yêu cầu thịt rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? —nt— – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu thịt rồi thọ dụng. —nt—

7. Điều *pāṭ idesanīya* đến vị ni yêu cầu sữa tươi rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? —nt— – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu sữa tươi rồi thọ dụng. —nt—

8. Điều *pāṭ idesanīya* đến vị ni yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng. – Có một điều quy định, có một điều quy định thêm.

– Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

Dứt tám điều *pāṭ idesanīya*.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Sau khi yêu cầu bơ lỏng, dầu ăn, và mật ong, đường mía, và luôn cả cá nữa, thịt, sữa tươi, và cả sữa đông, vị tỳ khuru ni (thọ dụng). Tám điều pāṭidesanīya đã được giảng giải bởi đấng Toàn Giác.

Những điều học nào đã được giải thích chi tiết ở Phân Tích Giới Tỳ khuru, những điều ấy được rút gọn lại ở Phân Tích Giới Tỳ khuru Ni.

Dứt Phần Quy Định Tại Đây là thứ nhất.

--ooOoo--

2. PHẦN BAO NHIÊU TỘI

2. 1. CHƯƠNG *PĀRĀJIKĀ*

1. Vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm bao nhiêu tội? – Vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm ba tội: Vị ni ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn (ở cổ) trở xuống từ đầu gối trở lên phạm tội *pārājika*; vị ni ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn (ở cổ) trở lên từ đầu gối trở xuống phạm tội *thullaccaya*; vị ni ưng thuận sự nắm lấy vật được gắn liền với thân phạm tội *dukkaṭa a*. Vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm ba tội này.

2. Vị tỳ khuru ni là người che giấu lỗi lầm trong khi che giấu lỗi lầm vi phạm bao nhiêu tội? – Vị tỳ khuru ni là người che giấu lỗi lầm trong khi che giấu lỗi lầm vi phạm ba tội: Vị ni biết rồi che giấu tội *pārājika* (của vị tỳ khuru ni khác) phạm tội *pārājika*; vị ni có sự hoài nghi rồi che giấu phạm tội *thullaccaya*; vị ni che giấu sự hư hỏng về hạnh kiểm phạm tội *dukkaṭa a*. Vị tỳ khuru ni là người che giấu lỗi lầm trong khi che giấu lỗi lầm vi phạm ba tội này.

3. Vị tỳ khuru ni là người xu hướng theo vị (tỳ khuru) bị phạt án treo trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc

nhỏ đến lần thứ ba vi phạm bao nhiêu tội? – Vị tỳ khuru ni là người xu hướng theo vị (tỳ khuru) bị phạt án treo trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm ba tội: Do lời đề nghị, phạm tội *dukkaṭ a*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự, phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự, phạm tội *pārājika*. Vị tỳ khuru ni là người xu hướng theo vị (tỳ khuru) bị phạt án treo trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm ba tội này.

4. Vị ni trong khi làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm bao nhiêu tội? – Vị ni trong khi làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm ba tội: Khi được người nam nói rằng: ‘Hãy đi đến chỗ tên như vậy,’ vị ni đi đến (nơi hẹn) phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã vào ở trong tầm tay của người nam, phạm tội *thullaccaya*; vị ni làm đầy đủ sự việc thứ tám phạm tội *pārājika*. Vị ni trong khi làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm ba tội này.

Dứt các điều *pārājika*.

2. 2. CHƯƠNG SAṄGHĀDISESA

1. Vị tỳ khuru ni là người nói lời tranh chấp lúc tiến hành việc thừa kiện vi phạm ba tội: Nói với người thứ nhất phạm tội *dukkaṭ a*, nói với người thứ nhì phạm tội *thullaccaya*; vào lúc kết thúc vụ xử án phạm tội *saṅghādisesa*.

2. Vị ni trong khi tiếp độ nữ đạo tặc vi phạm ba tội: Do lời đề nghị phạm tội *dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự phạm tội *saṅghādisesa*.

3. Vị ni một mình trong khi đi vào trong làng vi phạm ba tội: Vị ni đi, phạm tội *dukkaṭa*; vượt qua hàng rào bước thứ nhất, phạm tội *thullaccaya*; vượt qua bước thứ nhì, phạm tội *saṅghādisesa*.

4. Vị ni trong khi phục hồi cho vị tỳ khưu ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp theo Luật theo lời dạy của bậc Đạo Sư khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm vi phạm ba tội: Do lời đề nghị phạm tội *dukkaṭa*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự phạm tội *saṅghādisesa*.

5. Vị ni nhiễm dục vọng, sau khi tự tay thọ nhận vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng, trong khi thọ thực vi phạm ba tội: Vị ni (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn’ rồi thọ nhận phạm tội *thullaccaya*; mỗi một lần nuốt xuống, phạm tội *saṅghādisesa*; vị ni thọ nhận nước và tắm xía răng phạm tội *dukkaṭa*.

6. Vị ni trong khi xúi giục rằng: ‘Này ni sư, người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì ni sư khi ni sư không nhiễm dục vọng? Này ni sư, người đàn ông ấy dâng vật thực cứng hoặc vật thực

mềm nào đến ni sư, ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn đi vì phạm ba tội: Do lời nói của vị ni ấy, vị ni kia (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn’ rồi thọ nhận, (vị ni xúi giục) phạm tội *dukkaṭ a*; mỗi lần (vị ni kia) nuốt xuống, (vị ni xúi giục) phạm tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt bữa ăn, (vị ni xúi giục) phạm tội *saṅ ghādisesa*.

7. Vị tỳ khuru ni nổi giận trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vì phạm ba tội: Do lời đề nghị phạm tội *dukkaṭ a*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự phạm tội *saṅ ghādisesa*.

8. Vị tỳ khuru ni khi bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vì phạm ba tội: Do lời đề nghị phạm tội *dukkaṭ a*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự phạm tội *saṅ ghādisesa*.

9. Các tỳ khuru ni thân cận (với thế tục) trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vì phạm ba tội: Do lời đề nghị phạm tội *dukkaṭ a*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự phạm tội *saṅ ghādisesa*.

10. Vị ni xúi giục rằng: ‘Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác,’ trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vì phạm ba tội: Do lời đề nghị phạm tội *dukkaṭ a*; do hai lời tuyên

ngôn của hành sự phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự phạm tội *saṅghādisesa*.

Dứt các điều *saṅghādisesa*.

2. 3. CHƯƠNG NISSAGGIYA

1. Vị ni trong lúc thực hiện việc tích trữ bình bát vi phạm một tội *nissaggiya pācittiya*.

2. Vị ni sau khi xác định y ngoài hạn kỳ là: ‘Y trong thời hạn,’ trong lúc bảo phân chia vi phạm hai tội: Vị ni bảo phân chia, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa a*; khi đã được phân chia, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

3. Vị ni sau khi trao đổi y với vị tỳ khuru ni, trong khi giặt lại vi phạm hai tội: Vị ni giặt lại, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa a*; khi đã giặt lại, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

4. Vị ni sau khi đã yêu cầu vật khác, trong khi yêu cầu vật khác nữa vi phạm hai tội: Vị ni yêu cầu, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa a*; khi đã được (vật) yêu cầu, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

5. Vị ni sau khi đã bảo sắm vật khác, trong khi bảo sắm vật khác nữa vi phạm hai tội: Vị ni bảo sắm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa a*; khi đã được (vật) bảo sắm, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

6. Vị ni trong khi bảo sấm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vi phạm hai tội: Vị ni bảo sấm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được (vật) bảo sấm, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

7. Vị ni trong khi bảo sấm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về hội chúng đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vi phạm hai tội: Vị ni bảo sấm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được (vật) bảo sấm, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

8. Vị ni trong khi bảo sấm vật khác nữa bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vi phạm hai tội: Vị ni bảo sấm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được (vật) bảo sấm, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

9. Vị ni trong khi bảo sấm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về nhóm đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vi phạm hai tội: Vị ni bảo sấm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được (vật) bảo sấm, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

10. Vị ni trong khi bảo sấm vật khác nữa do tự mình yêu cầu bằng phần tài vật thuộc về cá nhân đã được chỉ định về việc khác cho nhu cầu của việc khác vi phạm hai

tội: Vị ni bảo sấm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa a*; khi đã được (vật) bảo sấm, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

11. Vị ni trong khi bảo sấm tám choàng loại dày vượt quá tối đa bốn *kaṃsa* vi phạm hai tội: Vị ni bảo sấm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa a*; khi đã được (vật) bảo sấm, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

12. Vị ni trong khi bảo sấm tám choàng loại nhẹ vượt quá tối đa hai *kaṃsa* ruỗi vi phạm hai tội: Vị ni bảo sấm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa a*; khi đã được (vật) bảo sấm, phạm tội *nissaggiya pācittiya*.

Dứt các điều *nissaggiya pācittiya*.

2. 4. CHƯƠNG *PĀCITTIYA*

4. 1.

1. Vị ni trong khi nhai tòi vi phạm hai tội: Vị ni (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai’ rồi thọ lãnh phạm tội *dukkaṭa a*; mỗi một lần nuốt xuống, phạm tội *pācittiya*.

2. Vị ni trong khi cạo (nhô) lông ở chỗ kín vi phạm hai tội: Vị ni cạo (nhô), lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa a*; khi đã cạo (nhô), phạm tội *pācittiya*.

3. Vị ni trong khi đập vỡ bằng lòng bàn tay vi phạm hai tội: Vị ni hành động, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã hành động, phạm tội *pācittiya*.

4. Vị ni trong khi áp dụng gậy ngăn bằng nhựa cây vi phạm hai tội: Vị ni áp dụng, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã áp dụng, phạm tội *pācittiya*.

5. Vị ni trong khi áp dụng việc làm sạch sẽ bằng nước vượt quá tối đa hai lòng tay vi phạm hai tội: Vị ni áp dụng, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã áp dụng, phạm tội *pācittiya*.

6. Vị ni với nước uống hoặc với quạt, trong khi đứng gần vị tỳ khuru đang thọ thực vi phạm hai tội: Vị ni đứng trong khoảng tầm tay phạm tội *pācittiya*. Sau khi rời xa khỏi tầm tay rồi đứng, phạm tội *dukkaṭ a*.

7. Vị ni sau khi yêu cầu lúa còn nguyên hạt, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị ni (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ thọ dụng’ rồi thọ nhận phạm tội *dukkaṭ a*; mỗi một lần nuốt xuống, phạm tội *pācittiya*.

8. Vị ni trong khi đổ bỏ phân, hoặc nước tiểu, hoặc rác rưởi, hoặc thức ăn thừa phía bên kia bức tường hoặc phía bên kia hàng rào vi phạm hai tội: Vị ni đổ bỏ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã đổ bỏ, phạm tội *pācittiya*.

9. Vị ni trong khi đổ bỏ phân, hoặc nước tiểu, hoặc rác rưởi, hoặc thức ăn thừa lên cỏ cây xanh vi phạm hai tội: Vị ni đổ bỏ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã đổ bỏ, phạm tội *pācittiya*.

10. Vị ni trong khi đi để xem vũ, hoặc ca, hoặc tấu nhạc vi phạm hai tội: Vị ni đi, phạm tội *dukkaṭ a*; nơi nào đứng lại rồi nhìn hoặc lắng nghe, phạm tội *pācittiya*.

Phẩm Tỏi là thứ nhất.

4. 2.

1. Vị ni trong khi cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở trong bóng tối ban đêm không có đèn vi phạm hai tội: Vị ni đứng trong tầm tay phạm tội *pācittiya*; sau khi ra khỏi tầm tay rồi đứng, phạm tội *dukkaṭ a*.

2. Vị ni trong khi cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở chỗ được che khuất vi phạm hai tội: Vị ni đứng trong tầm tay phạm tội *pācittiya*; sau khi ra khỏi tầm tay rồi đứng, phạm tội *dukkaṭ a*.

3. Vị ni trong khi cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở khoảng trống vi phạm hai tội: Vị ni đứng trong tầm tay phạm tội *pācittiya*; sau khi ra khỏi tầm tay rồi đứng, phạm tội *dukkaṭ a*.

4. Vị ni trong khi cùng người nam, một nữ với một nam đứng chung ở đường có xe cộ, hoặc ở ngõ cụt, hoặc ở giao lộ vi phạm hai tội: Vị ni đứng trong tầm tay phạm tội *pācittiya*; sau khi ra khỏi tầm tay rồi đứng, phạm tội *dukkaṭa* a.

5. Vị ni sau khi đi đến các gia đình trước bữa ăn và ngồi xuống trên chỗ ngồi, trong khi ra đi không thông báo chủ nhân vi phạm hai tội: Vị ni vượt qua mái hiên che mưa bước thứ nhất, phạm tội *dukkaṭa* a; vượt qua bước thứ nhì, phạm tội *pācittiya*.

6. Vị ni sau khi đi đến các gia đình sau bữa ăn, trong khi ngồi xuống trên chỗ ngồi không hỏi ý chủ nhân vi phạm hai tội: Vị ni ngồi xuống, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* a; khi đã ngồi xuống, phạm tội *pācittiya*.

7. Vị ni sau khi đi đến các gia đình vào lúc trời tối, không hỏi ý chủ nhân lại trải ra hoặc bảo trải ra chỗ nằm, trong khi ngồi xuống vi phạm hai tội: Vị ni ngồi xuống, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* a; khi đã ngồi xuống, phạm tội *pācittiya*.

8. Vị ni do hiểu sai do xét đoán sai, trong khi phàn nàn với vị khác vi phạm hai tội: Vị ni phàn nàn, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* a; khi đã phàn nàn, phạm tội *pācittiya*.

9. Vị ni trong khi nguyên rửa bản thân hoặc người khác về địa ngục hoặc về Phạm hạnh vi phạm hai tội: Vị ni nguyên rửa, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã nguyên rửa, phạm tội *pācittiya*.

10. Vị ni trong khi tự đánh đấm chính mình rồi khóc lóc vi phạm hai tội: Vị ni đánh và khóc lóc phạm tội *pācittiya*; vị ni đánh không khóc lóc phạm tội *dukkaṭ a*.

Phẩm Bóng Tối là thứ nhì.

4. 3.

1. Vị ni lỏa thể trong khi tắm vi phạm hai tội: Vị ni tắm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; vào lúc hoàn tất việc tắm, phạm tội *pācittiya*.

2. Vị ni trong khi bảo thực hiện vài choàng tắm vượt quá kích thước vi phạm hai tội: Vị ni bảo làm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được làm xong, phạm tội *pācittiya*.

3. Vị ni sau khi tháo rời hoặc bảo tháo rời y của vị tỳ khưu ni, trong khi không may lại cũng không nỗ lực trong việc bảo (người khác) may lại vi phạm một tội *pācittiya*.

4. Vị ni trong khi vượt quá năm ngày thiếu vắng y hai lớp vi phạm một tội *pācittiya*.

5. Vị ni trong khi mặc y thiết thân (của vị ni khác) vi phạm hai tội: Vị ni mặc, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa a*; khi đã mặc, phạm tội *pācittiya*.

6. Vị ni trong khi cản trở lợi lộc về y của nhóm vi phạm hai tội: Vị ni hành động, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa a*; khi đã hành động, phạm tội *pācittiya*.

7. Vị ni trong khi ngăn cản sự phân chia y đúng Pháp vi phạm hai tội: Vị ni ngăn cản, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa a*; khi đã ngăn cản, phạm tội *pācittiya*.

8. Vị ni trong khi cho y của Sa-môn đến người nam tại gia, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo vi phạm hai tội: Vị ni cho, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa a*; khi đã cho, phạm tội *pācittiya*.

9. Vị ni trong khi để cho vượt quá thời hạn về y khi niềm hy vọng về y không chắc chắn vi phạm hai tội: Vị ni để cho vượt quá, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa a*; khi đã để cho vượt quá, phạm tội *pācittiya*.

10. Vị ni trong khi ngăn cản sự thâu hồi *Kaṭa hīna* đúng Pháp vi phạm hai tội: Vị ni ngăn cản, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa a*; khi đã ngăn cản, phạm tội *pācittiya*.

Phẩm Tám là thứ ba.

4. 4.

1. Hai vị tỳ khuru ni trong khi nằm chung ở một chiếc giường vi phạm hai tội: (Cả hai) nằm xuống, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã nằm xuống, phạm tội *pācittiya*.

2. Hai vị tỳ khuru ni trong khi nằm chung một tấm trải tấm đắp vi phạm hai tội: (Cả hai) nằm xuống, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã nằm xuống, phạm tội *pācittiya*.

3. Vị ni trong khi cố ý quấy rầy các vị tỳ khuru ni (khác) vi phạm hai tội: Vị ni hành động, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã hành động, phạm tội *pācittiya*.

4. Vị ni trong khi không chăm sóc người nữ đệ tử bị ốm đau cũng không nỗ lực kiếm người chăm sóc vi phạm một tội *pācittiya*.

5. Vị ni sau khi đã cho vị tỳ khuru ni (khác) chỗ trú ngụ lại nổi giận bất bình, trong khi lôi kéo ra vi phạm hai tội: Vị ni lôi kéo ra, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã lôi kéo ra, phạm tội *pācittiya*.

6. Vị ni sống thân cận (thế tục), trong khi không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm hai tội: Do lời đề nghị, phạm tội *dukkaṭ a*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự, phạm tội *pācittiya*.

7. Vị ni trong khi đi du hành không cùng với đoàn xe ở trong quốc độ được xác định là có sự nguy hiểm có sự kinh hoàng vi phạm hai tội: Vị ni thực hiện, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã thực hiện, phạm tội *pācittiya*.

8. Vị ni trong khi đi du hành không cùng với đoàn xe ở bên ngoài quốc độ (tại nơi) được xác định là có sự nguy hiểm có sự kinh hoàng vi phạm hai tội: Vị ni thực hiện, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã thực hiện, phạm tội *pācittiya*.

9. Vị ni trong khi đi du hành vào mùa (an cư) mưa vi phạm hai tội: Vị ni thực hiện, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã thực hiện, phạm tội *pācittiya*.

10. Vị ni đã trải qua mùa (an cư) mưa, trong khi không ra đi du hành vi phạm một tội *pācittiya*.

Phẩm Nằm Chung là thứ tư.

4. 5.

1. Vị ni trong khi đi để xem hí viện của đức vua, hoặc nhà triển lãm tranh, hoặc khu vườn, hoặc công viên, hoặc hồ sen vi phạm hai tội: Vị ni đi, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; nơi nào đứng lại rồi nhìn, phạm tội *pācittiya*.

2. Vị ni trong khi sử dụng ghế trường kỷ hoặc ghế nệm lông thú vi phạm hai tội: Vị ni sử dụng, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã sử dụng, phạm tội *pācittiya*.

3. Vị ni trong khi xe chỉ vi phạm hai tội: Vị ni xe (chỉ), lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; theo mỗi một vòng quay, phạm tội *pācittiya*.

4. Vị ni trong khi phục vụ người tại gia vi phạm hai tội: Vị ni phục vụ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã phục vụ, phạm tội *pācittiya*.

5. Vị ni khi được vị tỳ khuru ni nói rằng: ‘Thưa ni sư, hãy đến. Hãy giải quyết sự tranh tụng này’ đã trả lời rằng: ‘Tốt thôi!’ trong khi không giải quyết cũng không nỗ lực cho việc giải quyết vi phạm một tội *pācittiya*.

6. Vị ni trong khi tự tay cho vật thực cứng hoặc vật thực mềm đến người nam tại gia, hoặc nam du sĩ ngoại đạo, hoặc nữ du sĩ ngoại đạo vi phạm hai tội: Vị ni cho, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã cho, phạm tội *pācittiya*.

7. Vị ni sau khi không chịu xả bỏ y nội trợ, trong khi sử dụng vi phạm hai tội: Vị ni sử dụng, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã sử dụng, phạm tội *pācittiya*.

8. Vị ni khi chưa xả bỏ chỗ trú ngụ, trong khi ra đi du hành vi phạm hai tội: Vị ni vượt qua hàng rào bước thứ

nhất, phạm tội *dukkaṭ a*; vượt qua bước thứ nhì, phạm tội *pācittiya*.

9. Vị ni trong khi học tập kiến thức nhằm nhĩ vi phạm hai tội: Vị ni học tập, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; theo mỗi một câu, phạm tội *pācittiya*.

10. Vị ni trong khi dạy kiến thức nhằm nhĩ vi phạm hai tội: Vị ni dạy, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; theo mỗi một câu, phạm tội *pācittiya*.

Phẩm Nhà Triễn Lãm Tranh là thứ năm.

4. 6.

1. Vị ni biết tu viện có tỳ khuru, trong khi đi vào chùa có sự hỏi ý vi phạm hai tội: Vị ni vượt qua hàng rào bước thứ nhất, phạm tội *dukkaṭ a*; vượt qua bước thứ nhì, phạm tội *pācittiya*.

2. Vị ni trong khi mắng nhiếc gièm pha vị tỳ khuru vi phạm hai tội: Vị ni mắng nhiếc, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã mắng nhiếc, phạm tội *pācittiya*.

3. Vị ni bị kích động trong khi gièm pha nhóm vi phạm hai tội: Vị ni chửi rủa, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã gièm pha, phạm tội *pācittiya*.

4. Vị ni đã được thỉnh mời hoặc đã từ chối (vật thực dâng thêm), trong khi nhai hoặc ăn vật thực cứng hoặc vật thực mềm vi phạm hai tội: Vị ni (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn’ rồi thọ lãnh phạm tội *dukkaṭa* a; mỗi một lần nuốt xuống, phạm tội *pācittiya*.

5. Vị ni trong khi bỏn xén về gia đình vi phạm hai tội: Vị ni bỏn xén, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* a; khi đã bỏn xén, phạm tội *pācittiya*.

6. Vị ni trong khi sống mùa (an cư) mưa tại trú xứ không có tỳ khưu vi phạm hai tội: Vị ni (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ sống mùa (an cư) mưa’ rồi sắp xếp chỗ trú ngụ, hoặc đem lại nước uống nước rửa, hoặc quét phòng, phạm tội *dukkaṭa* a; với sự mọc lên của mặt trời, phạm tội *pācittiya*.

7. Vị ni đã trải qua mùa (an cư) mưa trong khi không thỉnh cầu (hành lễ *Pavāraṇā*) ở cả hai hội chúng dựa trên ba tình huống vi phạm một tội *pācittiya*.

8. Vị ni trong khi không đi vì việc giáo giới hoặc vì việc đồng cộng trú vi phạm một tội *pācittiya*.

9. Vị ni trong khi không hỏi về lễ *Uposatha* cũng không thỉnh cầu sự giáo giới vi phạm một tội *pācittiya*.

10. Vị ni khi chưa hỏi ý hội chúng hoặc nhóm lại cùng người nam, một nữ với một nam, trong khi xẻ nặn ung nhọt hoặc vết loét phát sanh ở phần dưới thân vi

phạm hai tội: Vị ni xẻ nặn, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã xẻ nặn, phạm tội *pācittiya*.

Phẩm Tu Viện là thứ sáu.

4. 7.

1. Vị ni trong khi tiếp độ người nữ mang thai vi phạm hai tội: Vị ni tiếp độ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã tiếp độ, phạm tội *pācittiya*.

2. Vị ni trong khi tiếp độ người nữ còn cho con bú vi phạm hai tội: Vị ni tiếp độ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã tiếp độ, phạm tội *pācittiya*.

3. Vị ni trong khi tiếp độ cô ni tu tập sự chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vi phạm hai tội: Vị ni tiếp độ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã tiếp độ, phạm tội *pācittiya*.

4. Vị ni trong khi tiếp độ cô ni tu tập sự đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận vi phạm hai tội: Vị ni tiếp độ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã tiếp độ, phạm tội *pācittiya*.

5. Vị ni trong khi tiếp độ người nữ đã kết hôn khi chưa đủ mười hai tuổi vi phạm hai tội: Vị ni tiếp độ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* a; khi đã tiếp độ, phạm tội *pācittiya*.

6. Vị ni trong khi tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vi phạm hai tội: Vị ni tiếp độ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* a; khi đã tiếp độ, phạm tội *pācittiya*.

7. Vị ni trong khi tiếp độ người nữ đã kết hôn khi tròn đủ mười hai tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận vi phạm hai tội: Vị ni tiếp độ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* a; khi đã tiếp độ, phạm tội *pācittiya*.

8. Vị ni sau khi tiếp độ người nữ đệ tử, trong khi không dạy dỗ cũng không bảo người dạy dỗ trong hai năm vi phạm một tội *pācittiya*.

9. Vị ni trong khi không hầu cận ni sư tế độ đã tiếp độ cho trong hai năm vi phạm một tội *pācittiya*.

10. Vị ni sau khi tiếp độ người nữ đệ tử, trong khi không cách ly (vị ni ấy) cũng không làm cho (vị ni ấy) được cách ly vi phạm một tội *pācittiya*.

Phẩm Sản Phụ là thứ bảy.

4. 8.

1. Vị ni trong khi tiếp độ thiếu nữ chưa đủ hai mươi tuổi vi phạm hai tội: Vị ni tiếp độ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã tiếp độ, phạm tội *pācittiya*.

2. Vị ni trong khi tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi chưa thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm vi phạm hai tội: Vị ni tiếp độ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã tiếp độ, phạm tội *pācittiya*.

3. Vị ni trong khi tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành việc học tập về sáu pháp trong hai năm (nhưng) chưa được hội chúng chấp thuận vi phạm hai tội: Vị ni tiếp độ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã tiếp độ, phạm tội *pācittiya*.

4. Vị ni chưa đủ mười hai năm (thâm niên), trong khi tiếp độ vi phạm hai tội: Vị ni tiếp độ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã tiếp độ, phạm tội *pācittiya*.

5. Vị ni tròn đủ mười hai năm (thâm niên) chưa được hội chúng đồng ý, trong khi tiếp độ vi phạm hai tội: Vị ni tiếp độ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã tiếp độ, phạm tội *pācittiya*.

6. Vị ni khi được nói rằng: ‘Này ni sư, vẫn chưa phải lúc cho cô được ban phép tiếp độ’ đã trả lời rằng: ‘Tốt thôi!’ sau đó trong khi tiến hành việc phê phán vi phạm hai tội: Vị ni phê phán, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã phê phán, phạm tội *pācittiya*.

7. Vị ni sau khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: ‘Này cô ni, nếu cô sẽ dâng y cho ta, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô,’ trong khi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ vi phạm một tội *pācittiya*.

8. Vị ni sau khi đã nói với cô ni tu tập sự rằng: ‘Này cô ni, nếu cô sẽ hầu cận ta hai năm, như thế thì ta sẽ tiếp độ cho cô,’ trong khi không tiếp độ cũng không ra sức cho việc tiếp độ vi phạm một tội *pācittiya*.

9. Vị ni trong khi tiếp độ cô ni tu tập sự là người thân cận với đàn ông, thân cận với thanh niên, là kẻ nhẵn tâm, là nguồn gây sầu khổ (cho người khác) vi phạm hai tội: Vị ni tiếp độ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa a*; khi đã tiếp độ, phạm tội *pācittiya*.

10. Vị ni trong khi tiếp độ cô ni tu tập sự không được cha mẹ hoặc người chồng cho phép vi phạm hai tội: Vị ni tiếp độ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa a*; khi đã tiếp độ, phạm tội *pācittiya*.

11. Vị ni trong khi tiếp độ cô ni tu tập sự với việc ban cho sự thỏa thuận từ các vị (tỳ khuru) đang chịu hình phạt *parivāsa* vi phạm hai tội: Vị ni tiếp độ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa a*; khi đã tiếp độ, phạm tội *pācittiya*.

12. Vị ni trong khi tiếp độ hàng năm vi phạm hai tội: Vị ni tiếp độ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa a*; khi đã tiếp độ, phạm tội *pācittiya*.

13. Vị ni trong khi tiếp độ hai người trong một năm vi phạm hai tội: Vị ni tiếp độ, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã tiếp độ, phạm tội *pācittiya*.

Phẩm Thiếu Nữ là thứ tám.

4. 9.

1. Vị ni trong khi sử dụng dù dèp vi phạm hai tội: Vị ni sử dụng, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã sử dụng, phạm tội *pācittiya*.

2. Vị ni trong khi di chuyển bằng xe vi phạm hai tội: Vị ni di chuyển (bằng xe), lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã di chuyển (bằng xe), phạm tội *pācittiya*.

3. Vị ni trong khi mang vật trang sức ở hông vi phạm hai tội: Vị ni mang, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã mang, phạm tội *pācittiya*.

4. Vị ni trong khi đeo đồ trang sức của phụ nữ vi phạm hai tội: Vị ni đeo, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã đeo, phạm tội *pācittiya*.

5. Vị ni trong khi tắm bằng vật thơm có màu sắc vi phạm hai tội: Vị ni tắm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; vào lúc hoàn tất việc tắm, phạm tội *pācittiya*.

6. Vị ni trong khi tắm bằng bã dầu mè có tắm hương vi phạm hai tội: Vị ni tắm, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; vào lúc hoàn tất việc tắm, phạm tội *pācittiya*.

7. Vị ni trong khi bảo tỳ khuru ni xoa bóp và chà xát (cơ thể) vi phạm hai tội: Vị ni bảo xoa bóp, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được xoa bóp, phạm tội *pācittiya*.

8. Vị ni trong khi bảo cô ni tu tập sự xoa bóp và chà xát (cơ thể) vi phạm hai tội: Vị ni bảo xoa bóp, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được xoa bóp, phạm tội *pācittiya*.

9. Vị ni trong khi bảo sa di ni xoa bóp và chà xát (cơ thể) vi phạm hai tội: Vị ni bảo xoa bóp, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được xoa bóp, phạm tội *pācittiya*.

10. Vị ni trong khi bảo người nữ tại gia xoa bóp và chà xát (cơ thể) vi phạm hai tội: Vị ni bảo xoa bóp, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã được xoa bóp, phạm tội *pācittiya*.

11. Vị ni trong khi ngồi xuống trên chỗ ngồi ở phía trước vị tỳ khuru khi chưa có sự hỏi ý vi phạm hai tội: Vị ni ngồi xuống, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; khi đã ngồi xuống, phạm tội *pācittiya*.

12. Vị ni trong khi hỏi câu hỏi ở vị tỳ khưu chưa được thỉnh ý trước vi phạm hai tội: Vị ni hỏi, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa* a; khi đã hỏi, phạm tội *pācittiya*.

13. Vị ni không mặc áo lót, trong khi đi vào làng vi phạm hai tội: Vị ni vượt qua hàng rào bước thứ nhất, phạm tội *dukkaṭa* a; vượt qua bước thứ nhì, phạm tội *pācittiya*.

Phẩm Dù Dép là thứ chín.

Dứt các điều nhỏ nhất thuộc chín phẩm.

2. 5. CHƯƠNG PĀṬIDESANĪYA

1. Vị ni sau khi yêu cầu bơ lỏng, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị ni (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ thọ dụng’ rồi nhận lãnh phạm tội *dukkaṭa* a; mỗi một lần nuốt xuống, phạm tội *pāṭidesanīya*.

2. Vị ni sau khi yêu cầu dầu ăn, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị ni (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ thọ dụng’ rồi nhận lãnh phạm tội *dukkaṭa* a; mỗi một lần nuốt xuống, phạm tội *pāṭidesanīya*.

3. Vị ni sau khi yêu cầu mật ong, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị ni (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ thọ dụng’ rồi nhận lãnh phạm tội *dukkaṭa* a; mỗi một lần nuốt xuống, phạm tội *pāṭidesanīya*.

4. Vị ni sau khi yêu cầu đường mía, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị ni (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ thọ dụng’ rồi nhận lãnh phạm tội *dukkaṭa* a; mỗi một lần nuốt xuống, phạm tội *pāṭidesanīya*.

5. Vị ni sau khi yêu cầu cá, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị ni (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ thọ dụng’ rồi nhận lãnh phạm tội *dukkaṭa* a; mỗi một lần nuốt xuống, phạm tội *pāṭidesanīya*.

6. Vị ni sau khi yêu cầu thịt, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị ni (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ thọ dụng’ rồi nhận lãnh phạm tội *dukkaṭa* *a*; mỗi một lần nuốt xuống, phạm tội *pāṭidesanīya*.

7. Vị ni sau khi yêu cầu sữa tươi, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị ni (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ thọ dụng’ rồi nhận lãnh phạm tội *dukkaṭa* *a*; mỗi một lần nuốt xuống, phạm tội *pāṭidesanīya*.

8. Vị ni sau khi yêu cầu sữa đông, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị ni (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ thọ dụng’ rồi nhận lãnh phạm tội *dukkaṭa* *a*; mỗi một lần nuốt xuống, phạm tội *pāṭidesanīya*.

Dứt tám điều *pāṭidesanīya*.

Dứt phần Bao Nhiêu Tội là thứ nhì.

3. PHẦN SỰ HƯ HỎNG

1. Các tội vi phạm của vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? – Các tội vi phạm của vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

—nt—

2. Các tội vi phạm của vị ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? – Các tội vi phạm của vị ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

Dứt phần Sự Hư Hỏng là thứ ba.

4. PHẦN SỰ TỔNG HỢP

1. Các tội vi phạm của vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? – Các tội vi phạm của vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng được tổng hợp vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pārājika*, có thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭa*.

—nt—

2. Các tội vi phạm của vị ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? – Các tội vi phạm của vị ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng được tổng hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pāṭidesanīya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭa*.

Dứt phần Sự Tổng Hợp là thứ tư.

5. PHẦN NGUỒN SANH TỘI

1. Các tội vi phạm của vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? – Các tội vi phạm của vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: được sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

—nt—

2. Các tội vi phạm của vị ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? – Các tội vi phạm của vị ni sau khi yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng được sanh lên do bốn nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

Dứt phần Nguồn Sanh Tội là thứ năm.

6. PHẦN SỰ TRANH TỤNG

1. Các tội vi phạm của vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? – Các tội vi phạm của vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng.

—nt—

2. Các tội vi phạm của vị ni sau khi yêu cầu sửa đông rồi thọ dụng là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? – Các tội vi phạm của vị ni sau khi yêu cầu sửa đông rồi thọ dụng là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng.

Dứt phần Sự Tranh Tụng là thứ sáu.

7. PHẦN SỰ DÀN XẾP

1. Các tội vi phạm của vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? – Các tội vi phạm của vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

—nt—

2. Các tội vi phạm của vị ni sau khi yêu cầu sửa đông rồi thọ dụng được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? – Các tội vi phạm của vị ni sau khi yêu cầu sửa đông rồi thọ dụng được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần Sự Dàn Xếp là thứ bảy.

8. PHẦN SỰ QUY TỰ

1. Vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm bao nhiêu tội? – Vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm ba tội: Vị ni ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn (ở cổ) trở xuống từ đầu gối trở lên phạm tội *pārājika*; vị ni ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn (ở cổ) trở lên từ đầu gối trở xuống phạm tội *thullaccaya*; vị ni ưng thuận sự nắm lấy vật được gắn liền với thân phạm tội *dukkaṭa* a. Vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng trong khi ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng vi phạm ba tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pārājika*, có thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭa* a. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh

tội: được sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

—nt—

2. Vị ni sau khi yêu cầu sửa đông, trong khi thọ dụng vi phạm bao nhiêu tội? – Vị ni sau khi yêu cầu sửa đông, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội: Vị ni (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ thọ dụng’ rồi nhận lãnh phạm tội *dukkat a*; mỗi một lần nuốt xuống, phạm tội *pāṭ idesanīya*. Vị ni sau khi yêu cầu sửa đông, trong khi thọ dụng vi phạm hai tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

3. – Các tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pāṭ idesanīya*, có thể là nhóm tội *dukkat a*. Được sanh lên do bốn nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên

do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần Sự Quy Tụ là thứ tám.

--ooOoo--

9. PHẦN QUY ĐỊNH TẠI ĐÂU

9. 1. CHƯƠNG *PĀRĀJIKĀ*

Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *pārājika* do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? Về sự việc gì? —nt— Do ai truyền đạt lại?

1. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *pārājika* do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Sundarīnandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni

Sundarīnandā nhiễm dục vọng đã ưng thuận sự xúc chạm thân thể của người nam nhiễm dục vọng. Ở đây, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra không? – Ở đây, có một điều quy định, không có điều quy định thêm và điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra. Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, (hay) là điều quy định cho khu vực? – Là điều quy định cho tất cả mọi nơi. Là điều quy định chung (cho tỳ khuru và tỳ khuru ni), (hay) là điều quy định riêng? – Là điều quy định riêng (cho tỳ khuru ni). Là điều quy định cho một (hội chúng), (hay) là điều quy định cho cả hai (hội chúng tỳ khuru và tỳ khuru ni)? – Là điều quy định cho một (hội chúng).

Được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong bốn cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*? – Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần mở đầu. Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? – Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ nhì. Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? – Là sự hư hỏng về giới. Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? – Thuộc về nhóm tội *pārājika*. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? – Điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. —nt— Do ai truyền đặt lại? – Được truyền đặt lại theo sự kế tục (của các vị trưởng lão).

Vị *Upāli*, luôn cả vị *Dāsaka*, —nt— *Tạng Luật ở Tambapaṇi*.

2. Điều *pārājika* do duyên của việc che giấu lỗi lầm đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành *Sāvatthi*. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni *Thullanandā*. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni *Thullanandā* dẫu biết vị tỳ khuru ni vi phạm tội *pārājika* đã không tự chính mình khiển trách cũng đã không thông báo cho nhóm. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

3. Điều *pārājika* do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành *Sāvatthi*. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni *Thullanandā*. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni *Thullanandā* đã xu hướng theo tỳ khuru *Ariṭṭha* trước đây là người huấn luyện chim ưng (là vị) đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

4. Điều *pārājika* do duyên của việc làm đủ sự việc thứ tám đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành *Sāvatthi*. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ

khưu ni nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khưu ni nhóm Lục Sư đã làm đủ sự việc thứ tám. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

Dứt các điều *pārājika*.

9. 2. CHƯƠNG SAṄGHĀDISESA

1. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *saṅ ghādisesa* do duyên của việc thực hiện sự thừa kiện của vị tỳ khuru ni là người nói lời tranh chấp đã được quy định tại đâu? Liên quan đến ai? Về sự việc gì? —nt— Do ai truyền đạt lại?

2. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *saṅ ghādisesa* do duyên của việc thực hiện sự thừa kiện của vị tỳ khuru ni là người nói lời tranh chấp đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã sống là người nói lời tranh chấp. Ở đây, có điều quy định, có điều quy định thêm, có điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra không? – Ở đây, có một điều quy định, không có điều quy định thêm và điều quy định khi (sự việc) chưa xảy ra. Là điều quy định cho tất cả mọi nơi, (hay) là điều quy định cho khu vực? – Là điều quy định cho tất cả mọi nơi. Là điều quy định chung (cho tỳ khuru và tỳ khuru ni), (hay) là điều quy định riêng? – Là điều quy định riêng (cho tỳ khuru ni). Là điều quy định cho một (hội chúng), (hay) là điều quy định cho cả hai (hội chúng tỳ khuru và tỳ khuru ni)? – Là điều quy định cho một (hội chúng). Được gồm chung vào phần nào, được tính vào phần nào trong bốn cách đọc tụng giới bốn *Pātimokkha*? – Được gồm chung vào phần mở đầu, được tính vào phần

mở đầu. Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng nào? – Được đưa ra đọc tụng với phần đọc tụng thứ ba. Là sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng? – Là sự hư hỏng về giới. Thuộc về nhóm tội nào trong bảy nhóm tội? – Thuộc về nhóm tội *saṇ ghādisesa*. Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội? – Điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt— Do ai truyền đạt lại? – Được truyền đạt lại theo sự kế tục (của các vị trưởng lão).

Vị *Upāli*, luôn cả vị *Dāsaka*, vị *Soṇ aka*, vị *Siggava* là tương tự, với vị *Moggalliputta* là thứ năm, các vị này là ở đảo *Jambu huy hoàng*.

—nt—

Những vị hàng đầu ấy có đại tuệ, là những vị thông Luật, rành rẽ về đường lối, đã phổ biến *Tạng Luật* ở hòn đảo *Tambapaṇ ị*.

3. Do đức Thế Tôn bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy trong khi biết trong khi thấy, điều *saṇ ghādisesa* do duyên của việc tiếp độ nữ đạo tặc đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành *Sāvatthi*. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni *Thullanandā*. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni *Thullanandā* đã tiếp độ nữ đạo tặc. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do hai nguồn sanh tội: có thể

sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. —nt—

4. Điều *sañ ghādisesa* do duyên của việc đi vào trong làng một mình đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru ni nọ. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru ni nọ một mình đã đi vào trong làng. – Có một điều quy định, ba điều quy định thêm. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều *pārājika* thứ nhất. —nt—

5. Điều *sañ ghādisesa* do duyên của việc phục hồi cho vị tỳ khuru ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp theo Luật theo lời dạy của bậc Đạo Sư khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã phục hồi cho vị tỳ khuru ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp theo Luật theo lời dạy của bậc Đạo Sư khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

6. Điều *saṅ ghādisesa* do duyên của việc thọ thực của vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng sau khi tự tay thọ nhận vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Sundarīnandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Sundarīnandā nhiễm dục vọng đã tự tay thọ nhận vật thực từ tay của người nam nhiễm dục vọng. – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều *pārājika* thứ nhất. —nt—

7. Điều *saṅ ghādisesa* do duyên của việc xúi giục rằng: ‘Này ni sư, người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì ni sư khi ni sư không nhiễm dục vọng? Này ni sư, người đàn ông ấy dâng vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào đến ni sư, ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn đi’ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến vị tỳ khuru ni nọ. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, vị tỳ khuru ni nọ đã xúi giục rằng: ‘Này ni sư, người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì ni sư khi ni sư không nhiễm dục vọng? Này ni sư, người đàn ông ấy dâng vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào đến ni sư, ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn đi.’ – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do ba nguồn sanh tội: —nt—

8. Điều *saṅ ghādisesa* do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị tỳ khuru ni nổi giận, bất bình đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Caṇḍakālī. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Caṇḍakālī nổi giận, bất bình đã nói như vậy: ‘Tôi lìa bỏ đức Phật, tôi lìa bỏ Giáo Pháp, tôi lìa bỏ Hội Chúng, tôi lìa bỏ việc học tập.’ – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

9. Điều *saṅ ghādisesa* do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị tỳ khuru ni bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvattthi. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Caṇḍakālī. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Caṇḍakālī khi bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó rồi nổi giận, bất bình và đã nói như vậy: ‘Các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì thương, các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì ghét, các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì si mê, các tỳ khuru ni có sự thiên vị vì sợ hãi.’ – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

10. Điều *saṅ ghādisesa* do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của các tỳ khuru ni

sống thân cận (với thế tục) đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến nhiều vị tỳ khuru ni. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, nhiều vị tỳ khuru ni đã sống thân cận (với thế tục). – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

11. Điều *saṅghādisesa* do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba của vị ni xúi giục rằng: ‘Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác’ đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến tỳ khuru ni Thullanandā. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, tỳ khuru ni Thullanandā đã xúi giục rằng: ‘Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác.’ – Có một điều quy định. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do một nguồn sanh tội: (như) ở điều buông bỏ trách nhiệm. —nt—

12. Điều *pāṭidesanīya* do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu đã được quy định tại đâu? – Đã được quy định tại thành Sāvatti. Liên quan đến ai? – Liên quan đến các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư. Về sự việc gì? – Trong sự việc ấy, các tỳ khuru ni nhóm Lục Sư đã yêu cầu sữa đông rồi thọ dụng. – Có một điều quy định, có một điều quy định thêm. – Trong sáu nguồn sanh tội, điều ấy sanh lên do bốn nguồn sanh tội: —nt—

Dứt phần Quy Định Tại Đâu là thứ nhất.

10. PHẦN BAO NHIÊU TỘI

10. 1. CHƯƠNG *PĀRĀJIKĀ*

1. Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm bao nhiêu tội? – Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm năm tội: Vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn (ở cổ) trở xuống từ đầu gối trở lên của người nam nhiễm dục vọng phạm tội *pārājika*; vị tỳ khuru sò vào thân (người nữ) bằng thân (vị ấy) phạm tội *saṅghādisesa*; vị (ni) dùng thân sò vào vật được gắn liền với thân (người nam) phạm *thullaccaya*; vị (ni) dùng vật được gắn liền với thân sò vào vật được gắn liền với thân (người nam) phạm tội *dukkaṭṭa*; khi thọc lét bằng ngón tay phạm tội *pācittiya*.¹ Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm năm tội này.

2. Do duyên của việc che giấu lỗi lầm vi phạm bao nhiêu tội? – Do duyên của việc che giấu lỗi lầm vi phạm bốn tội: Vị tỳ khuru ni biết (vị tỳ khuru ni khác) vi phạm tội *pārājika* rồi che giấu phạm tội *pārājika*; vị (ni) có sự

¹ Chương này được đề cập riêng cho tỳ khuru ni: Tội thứ nhất là tội dành riêng cho tỳ khuru ni, tội thứ ba và thứ tư có tính cách tương tự giữa tỳ khuru và tỳ khuru ni đều được quy định vào hai điều học khác nhau, tội thứ năm được đề cập ở giới bốn *Pātimokkha* của tỳ khuru nhưng là điều học được quy định chung cho cả hai hội chúng, riêng tội thứ nhì được xếp vào đây xét ra có tính cách gương ép vì chỉ dành riêng cho tỳ khuru (ND).

hoài nghi rồi che giấu phạm tội *thullaccaya*; vị tỳ khuru che giấu tội *saṅ ghādisesa* phạm tội *pācittiya*;¹ vị (ni) che giấu sự hư hỏng về hạnh kiểm phạm tội *dukkat a*. Do duyên của việc che giấu lỗi lầm vi phạm bốn tội này.

3. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm bao nhiêu tội? – Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm năm tội: Vị tỳ khuru ni là người xu hướng theo kẻ bị phạt án treo không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, do lời đề nghị phạm tội *dukkat a*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự phạm tội *pārājika*; vị tỳ khuru ni là người xu hướng theo kẻ chia rẽ (hội chúng) không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba phạm tội *saṅ ghādisesa*; vị không chịu dứt bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở đến lần thứ ba phạm tội *pācittiya*. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba vi phạm năm tội này.

4. Do duyên của việc làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm bao nhiêu tội? – Do duyên của việc làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm ba tội: Khi được người nam nói rằng: ‘Hãy đi đến chỗ tên như vậy,’ vị ni đi đến (noi hện) phạm tội *dukkat a*; khi đã vào ở trong tầm tay của người nam, phạm tội *thullaccaya*; vị ni làm đầy đủ sự việc thứ

¹ Đúng ra phải ghi là ‘vị tỳ khuru ni’ thay vì ‘vị tỳ khuru’ (ND).

tám phạm tội *pārājika*. Do duyên của việc làm đầy đủ sự việc thứ tám vi phạm ba tội này.

Dứt các điều *pārājika*.

10. 2. CHƯƠNG SAṄGHĀDISESA

1. Do duyên của việc thực hiện sự thừa kiện, vị tỳ khuru ni là người nói lời tranh chấp vi phạm ba tội: Nói với người thứ nhất phạm tội *dukkat a*; nói với người thứ nhì phạm tội *thullaccaya*; vào lúc kết thúc vụ xử án, phạm tội *saṇ ghādisesa*.

2. Do duyên của việc tiếp độ nữ đạo tặc vi phạm ba tội: Do lời đề nghị, phạm tội *dukkat a*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự, phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự, phạm tội *saṇ ghādisesa*.

3. Do duyên của việc đi vào trong làng một mình vi phạm ba tội: Vị ni đi, phạm tội *dukkat a*; vượt qua hàng rào bước thứ nhất, phạm tội *thullaccaya*; vượt qua bước thứ nhì, phạm tội *saṇ ghādisesa*.

4. Do duyên của việc phục hồi cho vị tỳ khuru ni đã bị hội chúng hợp nhất phạt án treo theo Pháp theo Luật theo lời dạy của bậc Đạo Sư, khi chưa xin phép hội chúng thực hiện hành sự và không quan tâm đến ước muốn của nhóm vi phạm ba tội: Do lời đề nghị, phạm tội *dukkat a*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự, phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự, phạm tội *saṇ ghādisesa*.

5. Do duyên của việc thọ thực, vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng sau khi tự tay thọ nhận vật thực cứng hoặc vật

thực mềm từ tay của người nam nhiễm dục vọng vi phạm ba tội: Vị ni (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn’ rồi thọ nhận phạm tội *thullaccaya*; mỗi một lần nuốt xuống, phạm tội *saṅ ghādisesa*; vị ni thọ nhận nước và tắm xía rằng phạm tội *dukkaṭ a*.

6. Do duyên của việc xúi giục rằng: ‘Này ni sư, người đàn ông ấy nhiễm dục vọng hay không nhiễm dục vọng thì sẽ làm gì ni sư khi ni sư không nhiễm dục vọng? Này ni sư, người đàn ông ấy dâng vật thực cứng hoặc vật thực mềm nào đến ni sư, ni sư cứ tự tay thọ nhận vật ấy rồi nhai hoặc ăn đi’ vi phạm ba tội: Do lời nói của vị ni ấy, vị ni kia (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn’ rồi thọ nhận, (vị ni xúi giục) phạm tội *dukkaṭ a*; mỗi một lần (vị ni kia) nuốt xuống, (vị ni xúi giục) phạm tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt bữa ăn, (vị ni xúi giục) phạm tội *saṅ ghādisesa*.

7. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, vị tỳ khuru ni nổi giận vi phạm ba tội: Do lời đề nghị, phạm tội *dukkaṭ a*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự, phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự, phạm tội *saṅ ghādisesa*.

8. Khi bị xử thua trong cuộc tranh tụng nào đó, do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, vị tỳ khuru ni vi phạm ba tội: Do lời đề nghị, phạm tội *dukkaṭ a*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự,

phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự, phạm tội *sañ ghādisesa*.

9. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, các tỳ khuru ni thân cận (với thế tục) vi phạm ba tội: Do lời đề nghị, phạm tội *dukkat a*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự, phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự, phạm tội *sañ ghādisesa*.

10. Do duyên của việc không chịu dứt bỏ với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, vị ni xúi giục rằng: ‘Này các ni sư, các vị hãy sống thân cận, các vị chớ có sống cách khác’ vi phạm ba tội: Do lời đề nghị, phạm tội *dukkat a*; do hai lời tuyên ngôn của hành sự, phạm các tội *thullaccaya*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự, phạm tội *sañ ghādisesa*. —nt—

Dứt mười điều *sañ ghādisesa*.

Nên được phân tích chi tiết theo như phần dưới,¹

riêng phần nguyên nhân là có sự khác biệt.

¹ Có lẽ vào thời ấy, các phần đã đọc xong được đặt ở dưới thấp nên mới ghi là ‘theo như phần dưới;’ còn theo cách đọc hiện nay, thì phải ghi là ‘theo như phần trên’ mới hợp lý (ND).

11. Do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu vi phạm bao nhiêu tội? – Do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu vi phạm hai tội: Vị ni (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ nhai, ta sẽ ăn’ rồi nhận lãnh phạm tội *dukkatā*; mỗi một lần nuốt xuống, phạm tội *pāṭidesanīya*. Do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu vi phạm hai tội này.

Dứt phần Bao Nhiêu Tội là thứ nhì.

--ooOoo--

11. PHẦN SỰ HƯ HỎNG

1. Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? – Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

—nt—

2. Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? – Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm.

Dứt phần Sự Hư Hỏng là thứ ba.

--ooOoo--

12. PHẦN SỰ TỔNG HỢP

1. Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? – Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được tổng hợp vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pārājika*, có thể là nhóm tội *saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭa*.

—nt—

2. Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? – Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu được tổng hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pāṭidesanīya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭa*.

Dứt phần Sự Tổng Hợp là thứ tư.

--ooOoo--

13. PHẦN NGUỒN SANH TỘI

1. Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? – Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: được sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

—nt—

2. Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? – Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu được sanh lên do bốn nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý.

Dứt phần Nguồn Sanh Tội là thứ năm.

--ooOoo--

14. PHẦN SỰ TRANH TỤNG

1. Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? – Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng.

—nt—

2. Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? – Tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng.

Dứt phần Sự Tranh Tụng là thứ sáu.

--ooOoo--

15. PHẦN SỰ DÀN XẾP

1. Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? – Các tội vi phạm do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

—nt—

2. Các tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp? – Tội vi phạm do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần Sự Dàn Xếp là thứ bảy.

--ooOoo--

16. PHẦN SỰ QUY TỤ

1. Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm bao nhiêu tội? – Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm năm tội: Vị tỳ khuru ni nhiễm dục vọng ưng thuận sự nắm lấy từ xương đòn (ở cổ) trở xuống từ đầu gối trở lên của người nam nhiễm dục vọng phạm tội *pārājika*; vị tỳ khuru sờ vào thân (người nữ) bằng thân (vị ấy) phạm tội *saṅghādisesa*; dùng thân sờ vào vật được gắn liền với thân phạm *thullaccaya*; dùng vật được gắn liền với thân sờ vào vật được gắn liền với thân phạm tội *dukkaṭa*; khi thọc lét bằng ngón tay phạm tội *pācittiya*. Do duyên của việc ưng thuận sự xúc chạm thân thể vi phạm năm tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pārājika*, có thể là nhóm tội *saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: được sanh lên do thân và do ý, không do khẩu.

Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

—nt—

2. Do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu vi phạm bao nhiêu tội? – Do duyên của việc thọ dụng sữa đông sau khi đã yêu cầu vi phạm hai tội: Vị ni (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ thọ dụng’ rồi nhận lãnh phạm tội *dukkat a*; mỗi một lần nuốt xuống, phạm tội *pāṭ idesanīya*. Vị ni sau khi yêu cầu sữa đông trong khi thọ dụng vi phạm hai tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pāṭ idesanīya*, có thể là nhóm tội *dukkat a*. Được sanh lên do bốn nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do thân và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do thân,

do khẩu, và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần Sự Quy Tụ là thứ tám.

Dứt Tám Phần về Do Duyên.

TÓM LƯỢC CÁC PHẦN NÀY

Phần bao nhiêu (tội), phần sự hư hỏng, và phần sự tổng hợp, luôn cả phần về nguồn sanh tội, và phần sự tranh tụng, phần sự dàn xếp, và phần sự quy tụ, đây là bảy phần. Được bắt đầu bằng phần sự quy định là tám phần.

Dứt Mười Sáu Phần Chính thuộc Phân Tích Giới Tỳ Khuru Ni.

Và Phân Tích Giới Tỳ Khuru Ni được chấm dứt.

--ooOoo--

TÓM TẮT

CÁC ĐẦU ĐỀ CỦA NGUỒN SANH TỘI

TÓM LƯỢC VỀ NGUỒN SANH TỘI

1. Tất cả các hành là vô thường, khổ và vô ngã được tạo hợp (do duyên). Và chính Niết Bàn là điều khái niệm, được khẳng định là ‘vô ngã.’

2. Khi đức Phật, ví như mặt trăng, còn chưa xuất hiện, khi đức Phật, ví tựa mặt trời, còn chưa hiện khởi, vấn đề tên gọi của các Pháp có tính chất chung ấy không được biết đến.

3. Sau khi đã thực hành khổ hạnh nhiều loại, sau khi làm đủ đầy các pháp toàn hảo, các đấng Đại Hùng chứng thực Pháp nhãn xuất hiện ở cõi có các Phạm Thiên.

4. Các vị giảng giải Chánh Pháp có sự chấm dứt khổ, đem lại an lạc. Bạc Hiên Trí dòng Sakya, hiệu An gīrasa, là bậc thương tưởng tất cả chúng sanh.

5. Đấng sư tử, bậc Tối Thượng của tất cả các loài đã thuyết giảng Tam Tạng gồm có Kinh, Vi Diệu Pháp, và Luật có đức tính vĩ đại.

6. Như vậy Chánh Pháp được lưu truyền nếu Luật còn tồn tại, và cả hai bộ Phân Tích, bộ Hợp Phân, và các tiêu đề.

7. Vòng hoa được kết lại chính là nhờ vào sợi chỉ, tức là bộ Tập Yếu. Về chính bộ Tập Yếu ấy, nguồn sanh tội được xác định.

8. Phân phân tích và phân duyên khởi được trình bày lỗi khác trong giới bốn ở trên; bởi thế vị thuận thiện mến Pháp nên học tập bộ Tập Yếu này.

MƯỜI BA NGUỒN SANH TỘI

9. Vào lễ Uposatha, các vị đọc tụng điều quy định ở hai bốn Phân Tích, còn tôi sẽ nói về nguồn sanh tội đúng theo hệ thống, xin hãy lắng nghe tôi:

10. Điều pārajika thứ nhất, và điều thứ nhì là khác với điều ấy, việc làm mai mối, và sự nhắc nhở, và phân y phụ trội.

11. Các lông cừu, Pháp theo từng câu, sự thực chứng, và với sự hẹn trước, đạo tặc, sự thuyết giảng, và nữ đạo tặc, và với sự không cho phép là mười ba.¹

¹ Do ba cửa thân khẩu ý có được sáu nguồn sanh tội. Các điều học có nguồn sanh tội giống nhau đã được phân loại thành 13 nhóm. Chúng tôi đã thêm từ trong ngoặc đơn ở bài kệ để dễ nhận ra điều học có liên quan. Về việc này, Chú Giải Sư Buddhaghosa có giải

12. Mười ba phương thức về nguồn sanh tội này đã được suy nghĩ bởi các bậc hiểu biết, về mỗi một nguồn sanh tội được trình bày ở đây là như nhau.

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU *PĀRĀJIKĀ* THỨ NHẤT

13. Việc đôi lứa, tình dục, việc xúc chạm, điều *aniyata* thứ nhất, (tỳ khuru) đến ngụ trước, được môi giới, chỗ kín đáo cùng với tỳ khuru ni.

14. Có hai vợ chồng, và luôn cả chỗ kín đáo, ngón tay (thọc lét), giỡn trong nước, và hai điều về cú đánh, về dứ tay (dọa đánh), và năm mươi ba học pháp.

15. Dưới xương đòn (ở cổ), (vào) làng, từ người nam nhiễm dục, và lòng bàn tay, gây ngăn, làm sạch sẽ (bằng nước), đã trải qua mùa (an cư) mưa, và việc giáo giới, vị không hầu cận ni sư tế độ.

16. Bảy mươi sáu điều học này được làm do thân và do ý, tất cả có một nguồn sanh tội giống như điều *Pārājika* Thứ Nhất.

Dứt Nguồn Sanh Tội của điều *Pārājika* Thứ Nhất.

thích rõ hơn về các điều học và ở bản dịch tiếng Anh cô I.B. Horner có ghi tên điều học và số thứ tự (ND).

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU PĀRĀJIKĀ THỨ NHÌ

17. Vật chưa cho, đoạt mạng, pháp thượng nhân, nói thô tục, tình dục cho bản thân, (cáo tội) không nguyên có, có quan hệ khác biệt, điều bất định thứ nhì.

18. Giật lại (y đã cho), thuyết phục dân (bản thân), nói dối, lời mắng nhiếc, đâm thọc, (nói) tội xấu, đào đất, (hại) thảo mộc, nói tránh né, vị phàn nàn.

19. Lôi kéo ra, và việc tưới nước, vì nguyên nhân lợi lộc, (mời) vị đã ăn xong, 'hãy đến,' xem thường, gây sợ hãi, thu giấu, và (hại) mạng sống.

20. Trong khi biết nước có sinh vật, (khơi lại) hành sự, chưa đủ (hai mươi tuổi), việc cộng trú (vị án treo), việc (sa di) trực xuất, theo Pháp, luôn cả sự chê bai (Luật), (giả vờ) ngu dốt, và (bôi nhọ) không nguyên có.

21. (Gây) nổi nghi hoặc, (chê hành sự) đúng Pháp, (thuận cho) y (rồi phê phán), thuyết phục dân cá nhân, làm gì được (ni sư), (y) ngoại thời, giật lại (y), (phàn nàn) vì hiểu sai, và (nguyên rửa vế) địa ngục.

22. (Cản trở y) của nhóm, (ngăn cản) việc phân chia, (mong mỏi) không chắc chắn, (thâu hồi) Kaṭṭhina, (vị cố ý) quấy rầy, (lôi ra khỏi) ni viện, mắng nhiếc (vị tỳ khưu), bị kích động (mắng nhiếc), bỏn xẻn (gia đình), người sản phụ, và vị còn cho bú.

23. (Chưa thực hành) hai năm, việc học tập, do hội chúng, luôn cả ba điều về người nữ đã kết hôn, và thiếu nữ có ba điều, chưa đủ mười hai năm, chưa được sự chấp thuận.

24. Chưa phải lúc (tiếp độ), (nhấn tâm) gây sâu khổ, sự thỏa thuận, và hai vị một năm. Bảy mươi điều học này được thực hiện do ba nguồn:

25. Do thân và ý không do khẩu, khẩu và ý không liên quan thân, được sanh từ ba cửa, giống như điều Pārājika Thứ Nhì.

Dứt Nguồn Sanh Tội của điều Pārājika Thứ Nhì.

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU LÀM MAI MỐI

26. Mai mối, (làm) cốc liêu, trú xá, và giặt y, nhận lãnh (y của tỳ khưu ni), thọ nhận vượt quá yêu cầu, của hai điều (căn dặn), và bởi sự giả.

27. Tơ tằm, thuần (màu đen), hai phần, sáu năm, vật lót ngồi, các vị xao lãng, và luôn cả vàng bạc, hai điều về trao đổi theo nhiều cách.

28. (Bình bát) chưa đủ năm mảnh vá, choàng tắm mưa, chỉ sợi, và dẫn dò (việc dệt y), (cho đến khung) cửa lớn, cho y (tỳ khưu ni), và may y, bánh ngọt, nhân duyên (bốn tháng), và (đốt) ngọn lửa.

29. Vật quý, (ống đựng) kim, và giường, (độn) bông gòn, vật lót ngồi, và y đắp ghế, luôn cả vải tắm mưa, với (y) đức Thiện Thệ, sự yêu cầu, việc sắm vật khác.

30. Hai điều thuộc về hội chúng, hai điều thuộc về nhóm, các cá nhân, (tắm choàng) nhẹ, dày, hai điều đồ đồ thừa, choàng tắm (tỳ khuru ni), và với y của Sa-môn.

31. Cả năm mươi pháp này được sanh lên từ sáu chỗ: do thân không do khẩu và ý, do khẩu không do thân và ý.

32. Do thân và khẩu không do ý, do thân và ý không do khẩu, do khẩu và ý không do thân, được sanh lên từ ba cửa, và sáu nguồn sanh tội này là tương tự như điều Mai Mối.

Dứt Nguồn Sanh Tội của điều Làm Mai Mối.

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU NÓI NHẮC NHỞ

33. Chia rẽ, xu hướng theo, khó dạy, làm hư hỏng, (giấu) tội xấu, và tà kiến, (không trao) sự tùy thuận, và hai điều cười lớn tiếng, và hai điều về tiếng động, (miệng có cơm) không nên nói.

34. Ngồi đất, chỗ thấp, đứng, đi sau, và một bên (đường), (vị tỳ khuru ni che giấu) tội, xu hướng theo, việc nắm lấy,¹ vị ni phục hồi, việc nói lìa bỏ.

¹ *Pārājika* 4 của tỳ khuru ni về việc thực hiện đầy đủ tám sự việc (ND).

35. (Trong cuộc tranh tụng) nào đó, hai điều sống thân cận, vị đánh đấm (khóc lóc), vị tháo y, và người nữ (đệ tử) bị bệnh, lại điều sống thân cận, không dần xếp, và tu viện, (không hành) lễ Pavāraṇā.

36. Mỗi nửa tháng (không hỏi), (không dạy) nữ đệ tử, hai điều (về tiếp độ), (nếu dâng) y, việc hầu hạ. Ba mươi bảy pháp này do thân, khẩu, và ý, tất cả có một nguồn giống như điều Nói Nhắc Nhỏ.

Dứt Nguồn Sanh Tội của điều Nói Nhắc Nhỏ.

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU KAṬHINA

37. Ba điều Kaṭhina không còn hiệu lực, điều thứ nhất về bình bát, được phẩm, và y đặc biệt nữa, (ở rừng) có nguy hiểm, hoặc là hai điều vị ra đi.¹

38. (Giáo giới) ở ni viện, (vật thực) được thỉnh sau, không phải thức ăn thừa, việc thỉnh mời, việc chú nguyện để dùng chung, (hậu cung) của đức vua, (vào làng) lúc sái thời, hướng dẫn sự phục vụ, và với vị ở rừng.

39. Việc tranh chấp, và tích trữ, trước, sau, và lúc sái thời, thời hạn năm ngày, y thiết thân, hai điều (không nguyện xả), và với y nội trợ.

¹ Pācittiya 14 và 15 của tỳ khưu về việc ra đi chưa thu dọn lại giường ghế đã bày ra (ND).

40. Phần dưới thân, và luôn cả việc ngồi (trước tỳ khuru). Tất cả hai mươi chín điều này có hai nguồn sanh tội: do thân và khẩu không do ý, (hoặc) được sanh lên từ ba cửa, tương tự như điều Kaṭ hina.

Dứt Nguồn Sanh Tội của điều Kaṭ hina.

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU LÔNG CỪU

41. Việc (mang vác) lông cừu, hai điều về nằm chung, chân (giường) tháo rời được, bữa ăn ở phước xá, (vật thực) dâng chung nhóm, lúc sai thời, việc tích trữ, với nước và tắm rửa răng, các đạo sĩ lỏa thể.

42. Động binh, (ngụ) ở binh đội, nơi tập trận, (uống) rượu, việc tắm khi chưa đủ (nửa tháng), hoại sắc, hai điều pāṭ idesanīya, tội, về việc đứng gần (phục vụ), (xem) vũ.

43. Việc tắm (lỏa thể), nằm chung tắm trái, chung giường, trong quốc độ, bên ngoài là tương tự, (du hành) trong mùa mưa, nhà triển lãm tranh vẽ, ghế trường kỷ, việc xe chỉ sợi.

44. Phục vụ (người tại gia), và tự tay (cho vật thực), và chỗ ngụ không tỳ khuru, dù che, và xe, vật trang sức ở hông, đồ trang sức (phụ nữ), vật thơm, được tắm hương.

45. Tỳ khuru ni, cô ni tu tập sự, và vị sa di ni, với người nữ tại gia, tội không mặc áo lót, là bốn mươi thêm bốn điều.

46. Tất cả có hai nguồn sanh tội: do thân, không do khẩu và ý, do thân và ý, không do khẩu, tương tự như điều Long Cừu.

Dứt Nguồn Sanh Tội của điều Long Cừu.

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU PHÁP THEO TỪNG CÂU

47. (Dạy đọc Pháp) theo từng câu, ngoại trừ (có người nam), (giáo giới) chưa được chỉ định, và khi mặt trời đã lặn, hai điều về kiến thức nhằm nhĩ đã được nói đến, khi chưa thỉnh ý, và việc đặt câu hỏi.

48. Bảy điều học này, tất cả có hai nguồn sanh tội: do khẩu không do thân và ý, sanh lên do khẩu và ý nhưng không được sanh lên do thân, tương tự như điều Pháp Theo Từng Câu.

Dứt Nguồn Sanh Tội của điều Pháp Theo Từng Câu.

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU ĐƯỜNG XA

49. (Đi) đường xa, chung thuyền, (vật thực) hảo hạng, (đi chung) với người nữ, vị ni cạo nhố (lông), lúa nguyên hạt, và luôn cả vị ni được thỉnh mời, và tám điều pāṭ idesanīya.

50. Mười lăm điều học này: do thân không do khẩu không do ý, chúng sanh lên do thân và khẩu không sanh lên do ý.

51. Chúng sanh lên do thân và ý không sanh lên do khẩu, do thân khẩu và do ý, là bốn nguồn sanh tội đã được quy định do trí của đức Phật, tương tự như điều Đường Xa.

Dứt Nguồn Sanh Tội của điều Đường Xa.

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU ĐÁM NGƯỜI ĐẠO TẶC

52. Đám người đạo tặc, việc nghe lén, và với việc yêu cầu súp, bóng đêm, và được che khuất, khoảng trống, các điều này với giao lộ là bảy điều.

53. Các điều này có hai nguồn sanh tội: chúng sanh lên do thân và ý không sanh lên do khẩu, sanh lên do ba cửa, các nguồn sanh tội của điều Đám Người Đạo Tặc đã được thuyết giảng bởi vị thân quyến mặt trời.

Dứt Nguồn Sanh Tội của điều Đám Người Đạo Tặc.

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU

THUYẾT GIẢNG PHÁP

54. Các đức Như Lai không thuyết giảng Chánh Pháp đến kẻ tay cầm dù, tương tự y như thế đến kẻ tay cầm gậy, tay cầm dao, và vũ khí.

55. Có (mang) giày dép, (trên) xe, nằm, và ngồi ôm đầu gối, đội khăn, và luôn cả trùm đầu, là mười một điều không thiếu sót.

56. Tất cả có một nguồn sanh tội: chúng sanh lên do khẩu và ý không sanh lên do thân, tương tự như điều Thuyết Giảng Pháp.

Dứt Nguồn Sanh Tội của điều

Thuyết Giảng Pháp.

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU

TUYÊN BỐ SỰ THỰC CHỨNG

57. Sự thực chứng (pháp thượng nhân) được sanh lên do thân không do khẩu không do ý, và sanh lên do khẩu không do thân và không do ý.

58. (Và còn) được sanh lên do thân do khẩu và không sanh lên do ý. Điều gọi là Tuyên bố sự Thực Chứng sanh lên từ ba nền tảng.

Dứt Nguồn Sanh Tội của điều

Tuyên Bố sự Thực Chứng.

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU

TIẾP ĐỘ NỮ ĐẠO TẶC

59. *(Tiếp độ) nữ đạo tặc sanh lên do khẩu do ý nhưng không do thân, điều tiếp độ nữ tặc này được sanh từ ba cửa, hai nguồn sanh tội không bị làm lẫn lộn đã được đăng Pháp Vương đề cập đến.*

Dứt Nguồn Sanh Tội của điều

Tiếp Độ Nữ Đạo Tặc.

NGUỒN SANH TỘI CỦA ĐIỀU

CHƯA ĐƯỢC CHO PHÉP

60. *Điều về người chưa được cho phép¹ (sanh lên) do khẩu không do thân và không do ý, điều ấy sanh lên do thân và khẩu không sanh lên do ý.*

¹ *Pācittiya* 80 của tỳ khuru ni về việc tiếp độ cô ni tu tập sự không được cha mẹ và người chồng cho phép (ND).

61. Điều ấy sanh lên do khẩu và ý không sanh lên do thân, sanh lên từ ba cửa, là bốn nên tảng không bị làm lẫn lộn.

Dứt Nguồn Sanh Tội của điều

Chưa Được Cho Phép.

62. Bởi vì phân tóm tắt về nguồn sanh tội gồm mười ba phần đã khéo được thuyết giảng, là việc làm không bị lầm lẫn, là nền tảng phù hợp với Pháp và Luật, trong khi nắm vững điều này, người có sự hiểu biết không bị lầm lẫn về nguồn sanh tội.

Dứt phân tóm tắt các Đầu Đề của Nguồn Sanh Tội.

--ooOoo--

SỰ TRÙNG LẬP LIÊN TỤC

PHẦN CÂU HỎI BAO NHIÊU

Bao nhiêu loại tội vi phạm? Bao nhiêu nhóm tội? Bao nhiêu sự việc đã được rèn luyện? Bao nhiêu sự không kính trọng? Bao nhiêu sự kính trọng? Bao nhiêu sự việc đã được rèn luyện? Bao nhiêu sự hư hỏng? Bao nhiêu nguồn sanh tội? Bao nhiêu nguyên nhân tranh cãi? Bao nhiêu nguyên nhân khiển trách? Bao nhiêu pháp cần được ghi nhớ? Bao nhiêu sự việc gây ra chia rẽ? Bao nhiêu sự tranh tụng? Bao nhiêu cách dàn xếp?

Năm loại tội. Năm nhóm tội. Năm sự việc đã được rèn luyện. Bảy loại tội. Bảy nhóm tội. Bảy sự việc đã được rèn luyện. Sáu sự không kính trọng. Sáu sự kính trọng. Sáu sự việc đã được rèn luyện. Bốn sự hư hỏng. Sáu nguồn sanh tội. Sáu nguyên nhân tranh cãi. Sáu nguyên nhân khiển trách. Sáu pháp cần được ghi nhớ. Mười tám sự việc gây ra chia rẽ. Bốn sự tranh tụng. Bảy cách dàn xếp.

1. Ở đây, năm loại tội là gì? – Tội *pārājika*, tội *saṅghādisesa*, tội *pācittiya*, tội *pāṭidesanīya*, tội *dukkaṭa*. Đây là năm loại tội.

2. Ở đây, năm nhóm tội là gì? – Nhóm tội *pārājika*, nhóm tội *saṅghādisesa*, nhóm tội *pācittiya*, nhóm tội *pāṭidesanīya*, nhóm tội *dukkaṭa*. Đây là năm nhóm tội.

3. Ở đây, năm sự việc đã được rèn luyện là gì? – Sự hạn chế, sự không chế, sự kềm chế, sự tránh xa, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lần ranh, sự cắt đứt mối liên hệ với năm nhóm tội. Đây là năm sự việc đã được rèn luyện.

4. Ở đây, bảy loại tội là gì? – Tội *pārājika*, tội *saṅghādisesa*, tội *thullaccaya*, tội *pācittiya*, tội *pāṭidesanīya*, tội *dukkaṭa*, tội *dubbhāsita*. Đây là bảy loại tội.

5. Ở đây, bảy nhóm tội là gì? – Nhóm tội *pārājika*, nhóm tội *saṅghādisesa*, nhóm tội *thullaccaya*, nhóm tội *pācittiya*, nhóm tội *pāṭidesanīya*, nhóm tội *dukkaṭa*, nhóm tội *dubbhāsita*. Đây là bảy nhóm tội.

6. Ở đây, bảy sự việc đã được rèn luyện là gì? – Sự hạn chế, sự không chế, sự kềm chế, sự tránh xa, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lần ranh, sự cắt đứt mối liên hệ với bảy nhóm tội. Đây là bảy sự việc đã được rèn luyện.

7. Ở đây, sáu sự không kính trọng là gì? – Sự không kính trọng đức Phật, sự không kính trọng Giáo Pháp, sự không kính trọng hội chúng, sự không kính trọng việc học tập, sự không kính trọng việc không xao lãng, sự không kính trọng trong việc tiếp nhận. Đây là sáu sự không kính trọng.

8. Ở đây, sáu sự kính trọng là gì? – Sự kính trọng đức Phật, sự kính trọng Giáo Pháp, sự kính trọng hội chúng, sự kính trọng việc học tập, sự kính trọng việc không xao lãng, sự kính trọng trong việc tiếp nhận. Đây là sáu sự kính trọng.

9. Ở đây, sáu sự việc đã được rèn luyện là gì? – Sự hạn chế, sự khống chế, sự kiềm chế, sự tránh xa, sự không làm, sự không hành động, sự không vi phạm, sự không vượt qua lần ranh, sự cắt đứt mối liên hệ với sáu sự không kính trọng. Đây là sáu sự việc đã được rèn luyện.

10. Ở đây, bốn sự hư hỏng là gì? – Sự hư hỏng về giới, sự hư hỏng về hạnh kiểm, sự hư hỏng về tri kiến, sự hư hỏng về nuôi mạng. Đây là bốn sự hư hỏng.

11. Ở đây, sáu nguồn sanh tội là gì? – Có tội sanh lên do thân, không do khẩu không do ý. Có tội sanh lên do khẩu, không do thân không do ý. Có tội sanh lên do thân và do khẩu, không do ý. Có tội sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Có tội sanh lên do khẩu và do ý, không do thân. Có tội sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. Đây là sáu nguồn sanh tội.

12. Ở đây, sáu nguyên nhân tranh cãi là gì? – Ở đây, vị tỳ khưu trở nên giận dữ, có sự hằn học. Vị tỳ khưu nào trở nên giận dữ, có sự hằn học, vị ấy sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo Sư, sống không tôn kính

không phục tùng Giáo Pháp, sống không tôn kính không phục tùng hội chúng, có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Vị tỳ khuru nào sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo Sư, —nt— Giáo Pháp, —nt— hội chúng, —nt—, không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự tranh cãi trong hội chúng. Đó là sự tranh cãi đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Nếu các người nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các người nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Nếu các người không nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các người nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai.

Còn có điều khác nữa, vị tỳ khuru trở nên đạo đức giả dối trá, —nt— trở nên đồ kỵ bỏn xẻn, —nt— trở nên mưu mẹo xảo trá, —nt— trở nên ác độc tà kiến, —nt— trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi. Vị tỳ khuru nào trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi, vị ấy sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo Sư, sống không tôn kính

không phục tùng Giáo Pháp, sống không tôn kính không phục tùng hội chúng, không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập. Vị tỳ khuru nào sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo Sư, —nt— Giáo Pháp, —nt— hội chúng, —nt—, không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự tranh cãi trong hội chúng. Đó là sự tranh cãi đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Nếu các người nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các người nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Nếu các người không nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các người nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. Đây là sáu nguyên nhân tranh cãi.

13. Ở đây, sáu nguyên nhân khiển trách là gì? – Ở đây, vị tỳ khuru trở nên giận dữ có sự hằn học. Vị tỳ khuru nào trở nên giận dữ, có sự hằn học, vị ấy sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo Sư, sống không tôn kính không phục tùng Giáo Pháp, sống không tôn kính không phục tùng hội chúng, không có sự thực

hành trọn vẹn việc học tập. Vị tỳ khuru nào sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo Sư, —nt— Giáo Pháp, —nt— hội chúng, —nt—, không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự khiển trách trong hội chúng. Đó là sự khiển trách đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Nếu các người nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các người nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Nếu các người không nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các người nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai.

Còn có điều khác nữa, vị tỳ khuru trở nên đạo đức giả dối trá, —nt— trở nên đồ kỵ bỏn xẻn, —nt— trở nên mưu mẹo xảo trá, —nt— trở nên ác độc tà kiến, —nt— trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi. Vị tỳ khuru nào trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi, vị ấy sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo Sư, sống không tôn kính không phục tùng Giáo Pháp, sống không tôn kính không phục tùng hội chúng, không có sự thực hành trọn vẹn

việc học tập. Vị tỳ khuru nào sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo Sư, —nt— Giáo Pháp, —nt— hội chúng, —nt—, không có sự thực hành trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự khiển trách trong hội chúng. Đó là sự khiển trách đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Nếu các người nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các người nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Nếu các người không nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, tại đó các người nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. Đây là sáu nguyên nhân khiển trách.

14. Ở đây, sáu pháp cần được ghi nhớ là gì? – Ở đây, sự thân thiện của vị tỳ khuru qua thân nghiệp đối với các vị đồng Phạm hạnh được thể hiện một cách công khai và luôn cả kín đáo; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mến, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể.

Còn có điều khác nữa, sự thân thiện của vị tỳ khuru qua khẩu nghiệp đối với các vị đồng Phạm hạnh được thể hiện một cách công khai và luôn cả kín đáo; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mến, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể.

Còn có điều khác nữa, sự thân thiện của vị tỳ khuru qua ý nghiệp đối với các vị đồng Phạm hạnh được thể hiện một cách công khai và luôn cả kín đáo; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mến, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể.

Còn có điều khác nữa, những lợi lộc nào đúng pháp, đạt được hợp pháp, ngay cả vật được đặt vào trong bình bát, vị tỳ khuru có sự thọ hưởng đồng đều các lợi lộc có hình thức như thế, có sự thọ hưởng chung với các vị đồng Phạm hạnh có giới đức; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mến, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể.

Còn có điều khác nữa, những giới nào không bị bế vỡ, không bị sút mẻ, không lấm nhơ, không khuyết điểm, được tự tại, được các bậc trí ngợi khen, không hoen ố, đưa đến thiền định, vị tỳ khuru cùng với các vị đồng Phạm hạnh sống thực hành về giới theo các giới có hình thức như thế một cách công khai và luôn cả kín đáo; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương

mến, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể.

Còn có điều khác nữa, tri kiến nào thuộc bậc Thánh, đưa đến giải thoát, đưa đến sự hoàn toàn diệt tận khổ đau cho người thực hành theo điều ấy, vị tỳ khuru cùng với các vị đồng Phạm hạnh sống thực hành về tri kiến theo tri kiến có hình thức như thế một cách công khai và luôn cả kín đáo; đây cũng là pháp cần được ghi nhớ, tạo sự thương mến, tạo sự kính trọng, đưa đến sự gắn bó, đến sự không tranh cãi, đến sự hòa hợp, đến sự nhất thể. Đây là sáu pháp cần được ghi nhớ.

15. Ở đây, mười tám sự việc gây ra chia rẽ là gì? – Trường hợp vị tỳ khuru tuyên bố phi Pháp là ‘*Pháp*,’ tuyên bố Pháp là: ‘*Phi Pháp*,’ tuyên bố phi Luật là: ‘*Luật*,’ tuyên bố Luật là: ‘*Phi Luật*,’ tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố điều không được thực hành bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã được thực hành bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố điều được thực hành bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã được quy định bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố điều được quy định bởi đức Như Lai là: ‘*Điều đã không được quy định bởi đức Như Lai*,’ tuyên bố phạm tội là: ‘*Vô tội*,’ tuyên bố vô tội là: ‘*Phạm tội*,’ tuyên

bố tội nhẹ là: *‘Tội nặng,’* tuyên bố tội nặng là: *‘Tội nhẹ,’* tuyên bố tội còn dư sót là: *‘Tội không còn dư sót,’* tuyên bố tội không còn dư sót là: *‘Tội còn dư sót,’* tuyên bố tội xấu xa là: *‘Tội không xấu xa,’* tuyên bố tội không xấu xa là: *‘Tội xấu xa.’* Đây là mười tám sự việc gây ra chia rẽ.

16. Ở đây, bốn sự tranh tụng là gì? – Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Đây là bốn sự tranh tụng.

17. Ở đây, bảy cách dàn xếp là gì? – Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, thuận theo số đông, theo tội của vị ấy, cách dùng cớ che lấp. Đây là bảy cách dàn xếp.

Dứt phần Câu Hỏi Bao Nhiêu.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

1. *Tội vi phạm, nhóm tội, (các sự việc) đã được rèn luyện, lại nhóm bảy (về tội), việc đã được rèn luyện, và luôn cả sự không kính trọng, sự kính trọng, và luôn cả nguyên nhân.*

2. *Lại nữa (các sự việc) được rèn luyện, sự hư hỏng, nguồn sanh tội, sự tranh cãi, sự khiển trách, cần được ghi nhớ, sự chia rẽ, và sự tranh tụng, bảy cách dàn xếp đã được nói đến; đây là mười bảy đoạn.*

--ooOoo--

1. PHẦN SÁU NGUỒN SANH TỘI

1. Do nguồn sanh tội thứ nhất,¹ có thể phạm tội *pārājika*? – Nên nói rằng: ‘Không thể.’ Có thể phạm tội *saṅ ghādisesa*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *thullaccaya*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *pācittiya*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *pāṭ idesaṇīya*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *dukkaṭ a*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *dubbhāsita*? – Nên nói rằng: ‘Không thể.’

2. Do nguồn sanh tội thứ nhì, có thể phạm tội *pārājika*? – Nên nói rằng: ‘Không thể.’ Có thể phạm tội *saṅ ghādisesa*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *thullaccaya*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *pācittiya*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *pāṭ idesaṇīya*? – Nên nói rằng: ‘Không thể.’ Có thể phạm tội *dukkaṭ a*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *dubbhāsita*? – Nên nói rằng: ‘Không thể.’

3. Do nguồn sanh tội thứ ba, có thể phạm tội *pārājika*? – Nên nói rằng: ‘Không thể.’ Có thể phạm tội *saṅ ghādisesa*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *thullaccaya*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *pācittiya*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *pāṭ idesaṇīya*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *dukkaṭ a*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *dubbhāsita*? – Nên nói rằng: ‘Không thể.’

¹ Là sanh lên do thân, không do khẩu không do ý (ND).

4. Do nguồn sanh tội thứ tư, có thể phạm tội *pārājika*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *saṅ ghādisesa*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *thullaccaya*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *pācittiya*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *pāṭ idesanīya*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *dukkat a*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *dubbhāsita*? – Nên nói rằng: ‘Không thể.’

5. Do nguồn sanh tội thứ năm, có thể phạm tội *pārājika*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *saṅ ghādisesa*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *thullaccaya*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *pācittiya*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *pāṭ idesanīya*? – Nên nói rằng: ‘Không thể.’ Có thể phạm tội *dukkat a*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *dubbhāsita*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’

6. Do nguồn sanh tội thứ sáu, có thể phạm tội *pārājika*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *saṅ ghādisesa*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *thullaccaya*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *pācittiya*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *pāṭ idesanīya*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *dukkat a*? – Nên nói rằng: ‘Có thể.’ Có thể phạm tội *dubbhāsita*? – Nên nói rằng: ‘Không thể.’

Dứt phần Sáu Nguồn Sanh Tội là thứ nhất.

2. PHẦN BAO NHIÊU TỘI

1. Do nguồn sanh tội thứ nhất vi phạm bao nhiêu loại tội? – Do nguồn sanh tội thứ nhất vi phạm năm loại tội: Vị tỳ khuru nghĩ rằng được phép, rồi tự xin (vật liệu) và xây dựng cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh, lúc tiến hành phạm tội *dukkat a*; còn cục (vũ a tô) cuối cùng phạm tội *thullaccaya*; khi cục (vũ a tô) ấy đã được đặt vào phạm tội *sañ ghādisesa*; vị tỳ khuru nghĩ rằng được phép, rồi thọ dụng vật thực vào lúc sai thời phạm tội *pācittiya*; vị tỳ khuru nghĩ rằng được phép, tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay tỳ khuru ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, rồi thọ dụng phạm tội *pāṭ idesanīya*. Do nguồn sanh tội thứ nhất vi phạm năm loại tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *sañ ghādisesa*, có

thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *pāṭ idesanīya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭ a*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, không do khẩu không do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

2. Do nguồn sanh tội thứ nhì vi phạm bao nhiêu loại tội? – Do nguồn sanh tội thứ nhì vi phạm bốn loại tội: Vị tỳ khuru nghĩ rằng được phép, rồi chỉ thị rằng: ‘Các người hãy xây dựng cốc liêu cho tôi.’ Họ xây dựng cốc liêu cho vị ấy ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh, lúc tiến hành (vị tỳ khuru) phạm tội *dukkaṭ a*; còn cục (vũra tô) cuối cùng phạm tội *thullaccaya*; khi cục (vũra tô) ấy đã được đặt vào phạm tội *saṅ ghādisesa*; vị tỳ khuru nghĩ rằng được phép, rồi dạy người chưa tu lên bậc trên đọc Pháp theo từng câu phạm tội *pācittiya*. Do nguồn sanh tội thứ nhì vi phạm bốn loại tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? —nt— Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào bốn nhóm tội trong 7 nhóm tội: có thể là nhóm tội *saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do khẩu, không do thân không do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

3. Do nguồn sanh tội thứ ba vi phạm bao nhiêu loại tội? – Do nguồn sanh tội thứ ba vi phạm năm loại tội: Vị tỳ khuru nghĩ rằng được phép, rồi sắp xếp và xây dựng cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa*; còn cục (vũ tô) cuối cùng phạm tội *thullaccaya*; khi cục (vũ tô) ấy đã được đặt vào phạm tội *saṅghādisesa*; vị tỳ khuru nghĩ rằng được phép, yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân, rồi thọ dụng phạm tội *pācittiya*; vị tỳ khuru nghĩ rằng được phép, không ngăn cản vị tỳ khuru ni đang hướng dẫn sự phục vụ, rồi thọ thực phạm tội *pāṭidesanīya*. Do nguồn sanh tội thứ ba vi phạm năm loại tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? —nt— Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *saṇ ghādisesa*, có thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *pāṭ idesanīya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭ a*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do khẩu, không do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

4. Do nguồn sanh tội thứ tư vi phạm bao nhiêu loại tội? – Do nguồn sanh tội thứ tư vi phạm sáu loại tội: Vị tỳ khuru thực hiện việc đôi lứa phạm tội *pārājika*; vị tỳ khuru nghĩ rằng không được phép, rồi tự xin (vật liệu) và xây dựng cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭ a*; còn cục (vữa tô) cuối cùng phạm tội *thullaccaya*; khi cục (vữa tô) ấy đã được đặt vào phạm tội *saṇ ghādisesa*; vị tỳ khuru nghĩ rằng không được phép, rồi thọ dụng vật thực lúc

sái thời phạm tội *pācittiya*; vị tỳ khuru nghĩ rằng không được phép, tự tay nhận lãnh vật thực cứng hoặc vật thực mềm từ tay tỳ khuru ni không phải là thân quyến đã đi vào xóm nhà, rồi thọ dụng phạm tội *pāṭ idesanīya*. Do nguồn sanh tội thứ tư vi phạm sáu loại tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? —nt— Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sáu nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pārājika*, có thể là nhóm tội *saṅ ghādisesa*, có thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *pāṭ idesanīya*, có thể là nhóm tội *dukkat a*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

5. Do nguồn sanh tội thứ năm vi phạm bao nhiêu loại tội? – Do nguồn sanh tội thứ năm vi phạm sáu loại tội: Vị tỳ khuru có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước

muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có không thực chứng phạm tội *pārājika*; vị tỳ khuru nghĩ rằng không được phép, rồi chỉ thị rằng: ‘Các người hãy xây dựng cốc liêu cho tôi,’ họ xây dựng cốc liêu cho vị ấy ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh, lúc tiến hành (vị tỳ khuru) phạm tội *dukkaṭa*; còn cục (vũra tô) cuối cùng phạm tội *thullaccaya*; khi cục (vũra tô) ấy đã được đặt vào phạm tội *saṅghādisesa*; vị tỳ khuru nghĩ rằng không được phép, rồi dạy người chưa tu lên bậc trên đọc Pháp theo từng câu phạm tội *pācittiya*; vị không có ý định chửi rửa, không có ý định khinh bỉ, không có ý định hạ nhục, có ý muốn đùa giỡn rồi nói vị thấp kém theo sự thấp kém phạm tội *dubbhāsita*. Do nguồn sanh tội thứ năm vi phạm sáu loại tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? —nt— Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sáu nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pārājika*, có thể là nhóm tội *saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭa*, có thể là nhóm tội *dubbhāsita*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do khẩu và

do ý, không do thân. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

6. Do nguồn sanh tội thứ sáu vi phạm bao nhiêu loại tội? – Do nguồn sanh tội thứ sáu vi phạm sáu loại tội: Vị tỳ khuru tính toán rồi lấy trộm gói đồ phạm tội *pārājika*; vị tỳ khuru nghĩ rằng không được phép, rồi sắp xếp và xây dựng cốc liêu ở khu đất không được xác định, vượt quá kích thước, có điều chướng ngại, không có khoảng trống xung quanh, lúc tiến hành phạm tội *dukkaṭa*; còn cục (vũu tô) cuối cùng phạm tội *thullaccaya*; khi cục (vũu tô) ấy đã được đặt vào phạm tội *saṅghādisesa*; vị tỳ khuru nghĩ rằng không được phép, rồi yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân, và thọ dụng phạm tội *pācittiya*; vị tỳ khuru nghĩ rằng không được phép, rồi không ngăn cản vị tỳ khuru ni đang hướng dẫn sự phục vụ, và thọ thực phạm tội *pāṭidesanīya*. Do nguồn sanh tội thứ sáu vi phạm sáu loại tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào

trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sáu nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pārājika*, có thể là nhóm tội *saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *pāṭidesanīya*, có thể là nhóm tội *dukkatā*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần Bao Nhiêu Tội thuộc Sáu Nguồn Sanh Tội là thứ nhì.

3. BÀI KỆ VỀ NGUỒN SANH TỘI

1. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân đã được bậc có sự hiểu biết vô biên, đáng Phúc Lợi của thế gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì điều

ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân Tích, tôi hỏi, xin ngài hãy nói về điều ấy.

2. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân đã được bậc có sự hiểu biết vô biên, đấng Phúc Lợi của thế gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có năm tội được sanh lên vì điều ấy. Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân Tích, tôi trả lời câu này cho ngài.

3. Các nguồn sanh tội có liên quan đến khẩu đã được bậc có sự hiểu biết vô biên, đấng Phúc Lợi của thế gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì nhân ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân Tích, tôi hỏi, xin ngài hãy nói về điều ấy.

4. Các nguồn sanh tội có liên quan đến khẩu đã được bậc có sự hiểu biết vô biên, đấng Phúc Lợi của thế gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bốn tội được sanh lên vì điều ấy. Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân Tích, tôi trả lời câu này cho ngài.

5. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân có liên quan đến khẩu đã được bậc có sự hiểu biết vô biên, đấng Phúc Lợi của thế gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì nhân ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân Tích, tôi hỏi, xin ngài hãy nói về điều ấy.

6. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân có liên quan đến khẩu đã được bậc có sự hiểu biết vô biên, đấng Phúc Lợi của thế gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có năm tội

được sanh lên vì điều ấy. Hỏi vị rành rẽ về bộ Phân Tích, tôi trả lời câu này cho ngài.

7. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân có liên quan đến ý đã được bậc có sự hiểu biết vô biên, đấng Phúc Lợi của thế gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì nhân ấy? Hỏi vị rành rẽ về bộ Phân Tích, tôi hỏi, xin ngài hãy nói về điều ấy.

8. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân có liên quan đến ý đã được bậc có sự hiểu biết vô biên, đấng Phúc Lợi của thế gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có sáu tội được sanh lên vì nhân ấy. Hỏi vị rành rẽ về bộ Phân Tích, tôi trả lời câu này cho ngài.

9. Các nguồn sanh tội có liên quan đến khẩu có liên quan đến ý đã được bậc có sự hiểu biết vô biên, đấng Phúc Lợi của thế gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì điều ấy? Hỏi vị rành rẽ về bộ Phân Tích, tôi hỏi, xin ngài hãy nói về điều ấy.

10. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân có liên quan đến ý đã được bậc có sự hiểu biết vô biên, đấng Phúc Lợi của thế gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có sáu tội được sanh lên vì điều ấy. Hỏi vị rành rẽ về bộ Phân Tích, tôi trả lời câu này cho ngài.

11. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân có liên quan đến khẩu có liên quan đến ý đã được bậc có sự hiểu biết vô biên, đáng Phúc Lợi của thế gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có bao nhiêu tội được sanh lên vì điều ấy? Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân Tích, tôi hỏi, xin ngài hãy nói về điều ấy.

12. Các nguồn sanh tội có liên quan đến thân có liên quan đến khẩu có liên quan đến ý đã được bậc có sự hiểu biết vô biên, đáng Phúc Lợi của thế gian, có sự hiểu biết về xuất ly nói đến. Có sáu tội được sanh lên vì điều ấy. Hỡi vị rành rẽ về bộ Phân Tích, tôi trả lời câu này cho ngài.

Dứt Bài Kệ về Nguồn Sanh Tội là thứ ba.

4. PHẦN DO DUYÊN HƯ HỎNG

1. Do duyên hư hỏng về giới vi phạm bao nhiêu loại tội? – Do duyên hư hỏng về giới vi phạm bốn loại tội: Vị tỳ khuru ni biết mà che giấu tội *pārājika* (của tỳ khuru ni khác) phạm tội *pārājika*; có sự hoài nghi rồi che giấu phạm tội *thullaccaya*; vị tỳ khuru che giấu tội *saṅghādisesa* phạm tội *pācittiya*; vị che giấu tội xấu của bản thân phạm tội *dukkatā*. Do duyên hư hỏng về giới vi phạm bốn loại tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? —nt— Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào bốn nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pārājika*, có thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *dukkatā*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể

là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

2. Do duyên hư hỏng về hạnh kiểm vi phạm bao nhiêu loại tội? – Do duyên hư hỏng về hạnh kiểm vi phạm một loại tội: Vị che giấu sự hư hỏng về hạnh kiểm phạm tội *dukkat a*. Do duyên hư hỏng về hạnh kiểm vi phạm một loại tội này.

Tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? —nt— Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào một nhóm tội trong bảy nhóm tội là nhóm tội *dukkat a*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

3. Do duyên hư hỏng về tri kiến vi phạm bao nhiêu loại tội? – Do duyên hư hỏng về tri kiến vi phạm hai loại tội: Vị không dứt bỏ tà kiến ác với sự nhắc nhở đến lần thứ ba, do lời đề nghị phạm tội *dukkat a*; do hai lời tuyên

ngôn của hành sự phạm các tội *dukkat a*; vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự phạm tội *pācittiya*. Do duyên hư hỏng về tri kiến vi phạm hai loại tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? —nt— Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *dukkat a*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

4. Do duyên hư hỏng về nuôi mạng vi phạm bao nhiêu loại tội? – Do duyên hư hỏng về nuôi mạng vi phạm sáu loại tội: Vì nguyên nhân nuôi mạng vì lý do nuôi mạng, vị (tỳ khưu) có ước muốn xấu xa, bị thúc giục bởi ước muốn, rồi khoác lác về pháp thượng nhân không có không thực chứng phạm tội *pārājika*; vì nguyên nhân nuôi mạng vì lý do nuôi mạng, vị thực hành việc mai mối phạm tội *saṅghādisesa*; vì nguyên nhân nuôi

mạng vì lý do nuôi mạng, vị nói rằng: ‘Vị (tỳ khuru) nào cư ngụ trong trú xá của đạo hữu, vị tỳ khuru ấy là bậc A-la-hán,’ (người nghe) hiểu được phạm tội *thullaccaya*; vì nguyên nhân nuôi mạng vì lý do nuôi mạng, vị tỳ khuru yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng phạm tội *pācittiya*; vì nguyên nhân nuôi mạng vì lý do nuôi mạng, vị tỳ khuru ni yêu cầu các loại vật thực hảo hạng cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng phạm tội *pāṭ idesanīya*; vì nguyên nhân nuôi mạng vì lý do nuôi mạng, vị tỳ khuru không bị bệnh yêu cầu súp và cơm cho nhu cầu của bản thân rồi thọ dụng phạm tội *dukkaṭ a*. Do duyên hư hỏng về nuôi mạng vì phạm sáu loại tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? —nt— Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào sáu nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pārājika*, có thể là nhóm tội *saṅ ghādisesa*, có thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *pāṭ idesanīya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭ a*. Được sanh lên do sáu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân, không do khẩu không do ý; có thể sanh lên do khẩu, không do thân không do ý; có thể sanh lên do thân

và do khẩu, không do ý; có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cớ che lấp.

Dứt phần Do Duyên Hư Hỏng là thứ tư.

5. PHẦN DO DUYÊN TRANH TỤNG

1. Do duyên tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm bao nhiêu tội? – Do duyên tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm hai tội: Vị mắng nhiếc vị đã tu lên bậc trên phạm tội *pācittiya*; vị mắng nhiếc người chưa tu lên bậc trên phạm tội *dukkaṭa* a. Do duyên tranh tụng liên quan đến tranh cãi vi phạm hai tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? —nt— Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với một sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào hai nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭa*. Được sanh lên do ba nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

2. Do duyên tranh tụng liên quan đến khiển trách vi phạm bao nhiêu tội? – Do duyên tranh tụng liên quan đến khiển trách vi phạm ba tội: Vị bôi nhọ vị tỳ khưu về tội *pārājika* không có nguyên có phạm tội *saṅghādisesa*; vị bôi nhọ vị tỳ khưu về tội *saṅghādisesa* không có nguyên có phạm tội *pācittiya*; vị bôi nhọ vị tỳ khưu với sự hư hỏng về hạnh kiểm không có nguyên có phạm tội *dukkaṭa*. Do duyên tranh tụng liên quan đến khiển trách vi phạm ba tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? —nt— Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư

hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào ba nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *sañ ghādisesa*, có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭ a*. Được sanh lên do ba nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân; có thể sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

3. Do duyên tranh tụng liên quan đến tội vi phạm bao nhiêu tội? – Do duyên tranh tụng liên quan đến tội vi phạm bốn tội: Vị tỳ khuru ni biết mà che giấu tội *pārājika* (của tỳ khuru ni khác) phạm tội *pārājika*; có sự hoài nghi rồi che giấu phạm tội *thullaccaya*; vị tỳ khuru che giấu tội *sañ ghādisesa* (của vị tỳ khuru khác) phạm tội *pācittiya*; vị che giấu sự hư hỏng về hạnh kiểm phạm tội *dukkaṭ a*. Do duyên tranh tụng liên quan đến tội vi phạm bốn tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? —nt— Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào bốn nhóm tội

trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pārājika*, có thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

4. Do duyên tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vi phạm bao nhiêu tội? Do duyên tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vi phạm năm tội: Vị tỳ khưu ni là người xu hướng theo kẻ bị phạt án treo không chịu dứt bỏ với lời nhắc nhở đến lần thứ ba, do lời đề nghị phạm tội *dukkaṭa*, do hai lời tuyên ngôn của hành sự phạm các tội *thullaccaya*, vào lúc chấm dứt tuyên ngôn hành sự phạm tội *pārājika*; các tỳ khưu là những người xu hướng theo kẻ chia rẽ (hội chúng) không chịu dứt bỏ với lời nhắc nhở đến lần thứ ba phạm tội *saṅghādisesa*; vị không chịu dứt bỏ tà kiến ác với lời nhắc nhở đến lần thứ ba phạm tội *pācittiya*. Do duyên tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vi phạm năm tội này.

Các tội ấy liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? —nt— Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Các tội ấy liên hệ với hai sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng: có thể là sự hư hỏng về giới, có thể là sự hư hỏng về hạnh kiểm. Được tổng hợp vào năm nhóm tội trong bảy nhóm tội: có thể là nhóm tội *pārājika*, có thể là nhóm tội *saṅghādisesa*, có thể là nhóm tội *thullaccaya*, có thể là nhóm tội *pācittiya*, có thể là nhóm tội *dukkaṭa*. Được sanh lên do một nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội là sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. Là sự tranh tụng liên quan đến tội trong bốn sự tranh tụng. Được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp: có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể là hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Trừ ra bảy loại tội và bảy nhóm tội, các tội còn lại liên hệ với bao nhiêu sự hư hỏng trong bốn sự hư hỏng? Được tổng hợp vào bao nhiêu nhóm tội trong bảy nhóm tội? Được sanh lên do bao nhiêu nguồn sanh tội trong sáu nguồn sanh tội? Là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp trong bảy cách dàn xếp?

– Trừ ra bảy loại tội và bảy nhóm tội, các tội còn lại không liên hệ với sự hư hỏng nào trong bốn sự hư hỏng, không được tổng hợp vào nhóm tội nào trong bảy nhóm tội, không được sanh lên do nguồn sanh tội nào trong sáu nguồn sanh tội, không là sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng, không được làm lắng dịu bởi cách dàn xếp nào trong bảy cách dàn xếp. Nguyên nhân của

điều ấy là gì? – Trừ ra bảy loại tội và bảy nhóm tội, các tội khác không có.

Dứt phần Do Duyên Tranh Tụng là thứ năm.

Dứt Sự Trùng Lặp Liên Tục.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Câu hỏi về bao nhiêu, các nguồn sanh (tội), và bao nhiêu tội là tương tự y như thế. (Bài kệ) các nguồn sanh tội, và sự hư hỏng, và tương tự về sự tranh tụng.

--ooOoo--

PHÂN TÍCH CÁCH DÀN XẾP

6. PHẦN PHƯƠNG THỨC TRÌNH BÀY

1. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, điều gì là yếu tố đi trước? Có bao nhiêu cơ sở? Có bao nhiêu sự việc? Có bao nhiêu nền tảng? Có bao nhiêu nhân tố? Có bao nhiêu nguyên nhân? Vị tranh cãi theo bao nhiêu cách thức? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

2. Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, điều gì là yếu tố đi trước? Có bao nhiêu cơ sở? Có bao nhiêu sự việc? Có bao nhiêu nền tảng? Có bao nhiêu nhân tố? Có bao nhiêu nguyên nhân? Vị khiển trách theo bao nhiêu cách thức? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

3. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, điều gì là yếu tố đi trước? Có bao nhiêu cơ sở? Có bao nhiêu sự việc? Có bao nhiêu nền tảng? Có bao nhiêu nhân tố? Có bao nhiêu nguyên nhân? Vị phạm tội theo bao nhiêu cách thức? Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

4. Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, điều gì là yếu tố đi trước? Có bao nhiêu cơ sở? Có bao nhiêu sự việc? Có bao nhiêu nền tảng? Có bao nhiêu

nhân tố? Có bao nhiêu nguyên nhân? Nhiệm vụ được sanh lên theo bao nhiêu cách thức? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

1. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, điều gì là yếu tố đi trước? – Tham là yếu tố đi trước, sân là yếu tố đi trước, si là yếu tố đi trước, vô tham là yếu tố đi trước, vô sân là yếu tố đi trước, vô si là yếu tố đi trước. Có bao nhiêu cơ sở? – Có mười tám cơ sở gây ra chia rẽ. Có bao nhiêu sự việc? – Có mười tám sự việc gây ra chia rẽ. Có bao nhiêu nền tảng? – Có mười tám nền tảng gây ra chia rẽ. Có bao nhiêu nhân tố? – Có chín nhân tố: ba nhân tố tốt đẹp, ba nhân tố không tốt đẹp, ba nhân tố không xác định. Có bao nhiêu nguyên nhân? – Có mười hai nguyên nhân.¹ Vị tranh cãi theo bao nhiêu cách thức? – Vị tranh cãi theo hai cách thức: hoặc là có tri kiến đúng Pháp hoặc là có tri kiến sai Pháp. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông.

¹ Là sáu nguyên nhân tranh cãi thêm vào ba nhân tốt đẹp và ba nhân không tốt đẹp. Xem *Cullavagga - Tiểu Phẩm* tập I, TTPV 06, § 26-27, các trang 379-383; TTVN tập 06, từ trang 333 (ND).

2. Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, điều gì là yếu tố đi trước? – Tham là yếu tố đi trước, sân là yếu tố đi trước, si là yếu tố đi trước, vô tham là yếu tố đi trước, vô sân là yếu tố đi trước, vô si là yếu tố đi trước. Có bao nhiêu cơ sở? – Bốn sự hư hỏng là cơ sở. Có bao nhiêu sự việc? – Bốn sự hư hỏng là sự việc. Có bao nhiêu nền tảng? – Bốn sự hư hỏng là nền tảng. Có bao nhiêu nhân tố? – Có chín nhân tố: ba nhân tố tốt đẹp, ba nhân tố không tốt đẹp, ba nhân tố không xác định. Có bao nhiêu nguyên nhân? – Có mười bốn nguyên nhân.¹ Vị khiển trách theo bao nhiêu cách thức? – Vị khiển trách theo hai cách thức: từ sự việc hoặc từ tội vi phạm. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không diện công, và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

3. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, điều gì là yếu tố đi trước? – Tham là yếu tố đi trước, sân là yếu tố đi trước, si là yếu tố đi trước, vô tham là yếu tố đi trước, vô sân là yếu tố đi trước, vô si là yếu tố đi trước. Có bao

¹ Là sáu nguyên nhân khiển trách, ba nhân tố tốt đẹp và ba nhân tố không tốt đẹp, thêm vào thân và khẩu. Xem *Cullavagga - Tiểu Phẩm* tập I, TTPV 06, § 28-31, từ trang 383; TTVN tập 06, từ trang 335 (ND).

nhiều cơ sở? – Bảy nhóm tội là cơ sở. Có bao nhiêu sự việc? – Bảy nhóm tội là sự việc. Có bao nhiêu nền tảng? – Bảy nhóm tội là nền tảng. Có bao nhiêu nhân tố? – Có chín nhân tố: ba nhân tố tốt đẹp, ba nhân tố không tốt đẹp, ba nhân tố không xác định. Có bao nhiêu nguyên nhân? – Sáu nguồn sanh tội là nguyên nhân. Vị vi phạm tội theo bao nhiêu cách thức? – Vị vi phạm tội theo sáu cách thức: sự không xấu hổ, sự không biết, bản chất không hối hận, sự lầm tưởng là được phép đối với việc không được phép, sự lầm tưởng là không được phép đối với việc được phép, lầm lẫn về sự ghi nhớ. Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, và cách dùng cò che lấp.

4. Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, điều gì là yếu tố đi trước? – Tham là yếu tố đi trước, sân là yếu tố đi trước, si là yếu tố đi trước, vô tham là yếu tố đi trước, vô sân là yếu tố đi trước, vô si là yếu tố đi trước. Có bao nhiêu cơ sở? – Bốn hành sự¹ là các cơ sở. Có bao nhiêu sự việc? – Bốn hành sự là các sự việc. Có bao nhiêu nền tảng? – Bốn hành sự là các nền tảng. Có bao nhiêu nhân tố? – Có chín nhân tố: ba nhân tố tốt

¹ Hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư (ND).

đẹp, ba nhân tố không tốt đẹp, ba nhân tố không xác định. Có bao nhiêu nguyên nhân? – Có một nguyên nhân là hội chúng. Nhiệm vụ sanh lên theo bao nhiêu cách thức? – Nhiệm vụ được sanh lên theo hai cách thức: từ lời đề nghị hoặc từ lời công bố. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi một cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện.

Có bao nhiêu cách dàn xếp? – Có bảy cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không diện cốong, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, thuận theo số đông, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp. Đây là bảy cách dàn xếp.

Tùy theo phương thức trình bày liên quan đến sự việc, có thể bảy cách dàn xếp này trở thành mười cách dàn xếp, mười cách dàn xếp trở thành bảy cách dàn xếp hay không? – Có thể.

Và có thể bằng cách nào? – Hai cách dàn xếp của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, bốn cách dàn xếp của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, ba cách dàn xếp của sự tranh tụng liên quan đến tội, và một cách dàn xếp của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như thế, tùy theo phương thức trình bày liên quan đến sự việc, bảy

cách dàn xếp này trở thành mười cách dàn xếp, mười cách dàn xếp trở thành bảy cách dàn xếp.

Dứt phần Phương Thức Trình Bày là thứ sáu.

7. PHẦN CÓ LIÊN QUAN

Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có bao nhiêu cách dàn xếp là có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có bao nhiêu cách dàn xếp là không có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có bao nhiêu cách dàn xếp là có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có bao nhiêu cách dàn xếp là không có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có bao nhiêu cách dàn xếp là có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có bao nhiêu cách dàn xếp là không có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có bao nhiêu cách dàn xếp là có liên quan? Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có bao nhiêu cách dàn xếp là không có liên quan?

1. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có hai cách dàn xếp là có liên quan: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có năm cách dàn xếp là không có liên quan: Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi

không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp.

2. Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có bốn cách dàn xếp là có liên quan: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, theo tội của vị ấy. Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có ba cách dàn xếp là không có liên quan: Thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, cách dùng cỏ che lấp.

3. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có ba cách dàn xếp là có liên quan: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, cách dùng cỏ che lấp. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có bốn cách dàn xếp là không có liên quan: Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, theo tội của vị ấy.

4. Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có một cách dàn xếp là có liên quan: Hành xử Luật với sự hiện diện. Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có sáu cách dàn xếp là không có liên quan: Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần Có Liên Quan là thứ bảy.

8. PHẦN CÓ CÙNG QUAN HỆ

Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có bao nhiêu cách dàn xếp là có cùng quan hệ? Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có bao nhiêu cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt? Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có bao nhiêu cách dàn xếp là có cùng quan hệ? Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có bao nhiêu cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt? Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có bao nhiêu cách dàn xếp là có cùng quan hệ? Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có bao nhiêu cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt? Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có bao nhiêu cách dàn xếp là có cùng quan hệ? Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có bao nhiêu cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt?

1. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có hai cách dàn xếp là có cùng quan hệ: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có năm cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt: Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp.

2. Đối với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, có bốn cách dàn xếp là có cùng quan hệ: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, theo tội của vị ấy. Đối với sự

tranh tụng liên quan đến khiển trách, có ba cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt: Thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, cách dùng cỏ che lấp.

3. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có ba cách dàn xếp là có cùng quan hệ: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, cách dùng cỏ che lấp. Đối với sự tranh tụng liên quan đến tội, có bốn cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt: Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, theo tội của vị ấy.

4. Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có một cách dàn xếp là có cùng quan hệ: Hành xử Luật với sự hiện diện. Đối với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có sáu cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt: Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần Có Cùng Quan Hệ là thứ tám.

9. PHẦN CÁC CÁCH DÀN XẾP CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CÁCH DÀN XẾP

Đối với (một) cách dàn xếp, có các cách dàn xếp là có liên quan? Đối với (một) cách dàn xếp, có các cách dàn xếp là không có liên quan? – Đối với (một) cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có liên quan. Đối với (một) cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là không có liên quan.

Thế nào là đối với (một) cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có liên quan? Thế nào là đối với (một) cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là không có liên quan?

1. Thuận theo số đông là có liên quan đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là không có liên quan đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với (cách hành xử) theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp.

2. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ là có liên quan đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là không có liên quan đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với (cách hành

xử) theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông.

3. Hành xử Luật khi không điên cuồng là có liên quan đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là không có liên quan đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với (cách hành xử) theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông, đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.

4. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là có liên quan đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là không có liên quan đối với (cách hành xử) theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông, đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đối với hành xử Luật khi không điên cuồng.

5. Theo tội của vị ấy là có liên quan đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là không có liên quan đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông, đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

6. Cách dùng cỏ che lấp là có liên quan đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là không có liên quan đối với thuận theo số đông, đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với

việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với (cách hành xử) theo tội của vị ấy.

Như vậy, đối với (một) cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có liên quan. Như vậy, đối với (một) cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là không có liên quan.

**Dứt phần Các Cách Dàn Xếp Có Liên Quan Đối Với
Cách Dàn Xếp là thứ chín.**

10. PHẦN CÁC CÁCH DÀN XẾP CÓ CÙNG QUAN HỆ ĐỐI VỚI CÁCH DÀN XẾP

Đối với (một) cách dàn xếp, có các cách dàn xếp là có cùng quan hệ? Đối với (một) cách dàn xếp, có các cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt? – Đối với (một) cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có cùng quan hệ. Đối với (một) cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt.

Thế nào là đối với (một) cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có cùng quan hệ? Thế nào là đối với (một) cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt?

1. Thuận theo số đông là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với (cách hành xử) theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp.

2. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với (cách hành xử) theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông.

3. Hành xử Luật khi không điên cuồng là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với (cách hành xử) theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông, đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.

4. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với (cách hành xử) theo tội của vị ấy, đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông, đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đối với hành xử Luật khi không điên cuồng.

5. Theo tội của vị ấy là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với cách dùng cỏ che lấp, đối với thuận theo số đông, đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

6. Cách dùng cỏ che lấp là có cùng quan hệ đối với hành xử Luật với sự hiện diện; là có quan hệ khác biệt đối với thuận theo số đông, đối với hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, đối với hành xử Luật khi không điên cuồng, đối với việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, đối với (cách hành xử) theo tội của vị ấy.

Như vậy, đối với (một) cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có cùng quan hệ. Như vậy, đối với (một) cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp là có quan hệ khác biệt.

Dứt phần Các Cách Dàn Xếp Có Cùng Quan Hệ Đối Với Cách Dàn Xếp là thứ mười.

11. PHẦN CÁC CÁCH DÀN XẾP VÀ HÀNH XỬ LUẬT VỚI SỰ HIỆN DIỆN

(Có phải) cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện (và) hành xử Luật với sự hiện diện là cách dàn xếp? Cách dàn xếp là thuận theo số đông (và) thuận theo số đông là cách dàn xếp? Cách dàn xếp là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ (và) hành xử Luật bằng sự ghi nhớ là cách dàn xếp? Cách dàn xếp là hành xử Luật khi không điên cuồng (và) hành xử Luật khi không điên cuồng là cách dàn xếp? Cách dàn xếp là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận (và) việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là cách dàn xếp? Cách dàn xếp là theo tội của vị ấy (và) theo tội của vị ấy là cách dàn xếp? Cách dàn xếp là cách dùng cớ che lấp (và) cách dùng cớ che lấp là cách dàn xếp?

1. Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cớ che lấp, các cách dàn xếp này là cách dàn xếp (nhưng) không phải là hành xử Luật với sự hiện diện. Hành xử Luật với sự hiện diện vừa là cách dàn xếp vừa là hành xử Luật với sự hiện diện.

2. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp, hành xử Luật với sự hiện diện, các cách dàn xếp này là cách dàn xếp (nhưng) không phải là thuận theo số đông. Thuận theo số đông vừa là cách dàn xếp vừa là thuận theo số đông.

3. Hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp, hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, các cách dàn xếp này là cách dàn xếp (nhưng) không phải là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ vừa là cách dàn xếp vừa là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.

4. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp, hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, các cách dàn xếp này là cách dàn xếp (nhưng) không phải là hành xử Luật khi không điên cuồng. Hành xử Luật khi không điên cuồng vừa là cách dàn xếp vừa là hành xử Luật khi không điên cuồng.

5. Theo tội của vị ấy, cách dùng cỏ che lấp, hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng,

các cách dàn xếp này là cách dàn xếp (nhưng) không phải là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận vừa là cách dàn xếp vừa là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

6. Cách dùng cỏ che lấp, hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, các cách dàn xếp này là cách dàn xếp (nhưng) không phải là theo tội của vị ấy. Theo tội của vị ấy vừa là cách dàn xếp vừa là theo tội của vị ấy.

7. Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, các cách dàn xếp này là cách dàn xếp (nhưng) không phải là cách dùng cỏ che lấp. Cách dùng cỏ che lấp vừa là cách dàn xếp vừa là theo tội của vị ấy.

Dứt phần Các Cách Dàn Xếp và Hành Xử Luật Với Sự Hiện Diện là thứ mười một.

12. PHẦN CÁCH HÀNH XỬ

(Có phải) cách hành xử là hành xử Luật với sự hiện diện (và) hành xử Luật với sự hiện diện là cách hành xử? Cách hành xử là thuận theo số đông (và) thuận theo số đông là cách hành xử? Cách hành xử là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ (và) hành xử Luật bằng sự ghi nhớ là cách hành xử? Cách hành xử là hành xử Luật khi không điên cuồng (và) hành xử Luật khi không điên cuồng là cách hành xử? Cách hành xử là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận (và) việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là cách hành xử? Cách hành xử là theo tội của vị ấy (và) theo tội của vị ấy là cách hành xử? Cách hành xử là cách dùng cỏ che lấp (và) cách dùng cỏ che lấp là cách hành xử?

1. Cách hành xử có thể là hành xử Luật với sự hiện diện, có thể không phải là hành xử Luật với sự hiện diện. Hành xử Luật với sự hiện diện vừa là cách hành xử vừa là hành xử Luật với sự hiện diện.

2. Cách hành xử có thể là thuận theo số đông, có thể không phải là thuận theo số đông. Thuận theo số đông vừa là cách hành xử vừa là thuận theo số đông.

3. Cách hành xử có thể là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, có thể không phải là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ vừa là cách hành xử vừa là hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.

4. Cách hành xử có thể là hành xử Luật khi không điên cuồng, có thể không phải là hành xử Luật khi không điên cuồng. Hành xử Luật khi không điên cuồng vừa là cách hành xử vừa là hành xử Luật khi không điên cuồng.

5. Cách hành xử có thể là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, có thể không phải là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận vừa là cách hành xử vừa là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

6. Cách hành xử có thể là theo tội của vị ấy, có thể không phải là theo tội của vị ấy. Theo tội của vị ấy vừa là cách hành xử vừa là theo tội của vị ấy.

7. Cách hành xử có thể là cách dùng cỏ che lấp, có thể không phải là cách dùng cỏ che lấp. Cách dùng cỏ che lấp vừa là cách hành xử vừa là cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần Cách Hành Xử là thứ mười hai.

13. PHẦN TỐT ĐẸP

Hành xử Luật với sự hiện diện là tốt đẹp, là không tốt đẹp, (hay) là không xác định? Thuận theo số đông là tốt đẹp, là không tốt đẹp, (hay) là không xác định? Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ là tốt đẹp, là không tốt đẹp,

(hay) là không xác định? Hành xử Luật khi không điên cuồng là tốt đẹp, là không tốt đẹp, (hay) là không xác định? Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là tốt đẹp, là không tốt đẹp, (hay) là không xác định? Theo tội của vị ấy là tốt đẹp, là không tốt đẹp, (hay) là không xác định? Cách dùng cỏ che lấp là tốt đẹp, là không tốt đẹp, (hay) là không xác định?

1. Hành xử Luật với sự hiện diện có thể là tốt đẹp, có thể là không xác định, không có hành xử Luật với sự hiện diện là không tốt đẹp.

2. Thuận theo số đông có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định.

3. Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định.

4. Hành xử Luật khi không điên cuồng có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định.

5. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định.

6. Theo tội của vị ấy có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định.

7. Cách dùng cỏ che lấp có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định.

Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là tốt đẹp, là không tốt đẹp, (hay) là không xác định? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là tốt đẹp, là không tốt đẹp, (hay) là không xác định? Sự tranh tụng liên quan đến tội là tốt đẹp, là không tốt đẹp, (hay) là không xác định? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là tốt đẹp, là không tốt đẹp, (hay) là không xác định?

1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định.

2. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định.

3. Sự tranh tụng liên quan đến tội có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định, không có sự tranh tụng liên quan đến tội là tốt đẹp.

4. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có thể là tốt đẹp, có thể là không tốt đẹp, có thể là không xác định.

Dứt phần Tốt Đẹp là thứ mười ba.

14. PHẦN NƠI NÀO

1. Nơi nào thuận theo số đông được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện (cũng) được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, (nếu) nơi ấy thuận theo số đông được áp dụng, (thì) nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng.

2. Nơi nào hành xử Luật bằng sự ghi nhớ được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện (cũng) được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, (nếu) nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ được áp dụng, (thì) nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng.

3. Nơi nào hành xử Luật khi không điên cuồng được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện (cũng) được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, (nếu) nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng được áp dụng, (thì) nơi ấy việc phán xử theo tội

đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng.

4. Nơi nào việc phán xử theo tội đã được thừa nhận được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện (cũng) được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, (nếu) nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận được áp dụng, (thì) nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng.

5. Nơi nào theo tội của vị ấy được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện (cũng) được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, (nếu) nơi ấy theo tội của vị ấy được áp dụng, (thì) nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng.

6. Nơi nào cách dùng cỏ che lấp được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện (cũng) được áp dụng. Nơi

nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, (nếu) nơi ấy cách dùng cỏ che lấp được áp dụng, (thì) nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng.

7. Nơi nào có thuận theo số đông, nơi ấy (cũng) có hành xử Luật với sự hiện diện. Nơi nào có hành xử Luật với sự hiện diện, (nếu) nơi ấy có thuận theo số đông, (thì) nơi ấy không có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nơi ấy không có hành xử Luật khi không điên cuồng, nơi ấy không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, nơi ấy không có theo tội của vị ấy, nơi ấy không có cách dùng cỏ che lấp.

8. Nơi nào có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nơi ấy (cũng) có hành xử Luật với sự hiện diện. Nơi nào có hành xử Luật với sự hiện diện, (nếu) nơi ấy có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, (thì) nơi ấy không có hành xử Luật khi không điên cuồng, nơi ấy không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, nơi ấy không có theo tội của vị ấy, nơi ấy không có cách dùng cỏ che lấp, nơi ấy không có thuận theo số đông. [Đã dùng hành xử Luật với sự hiện diện làm nền tảng —nt—]

9. Nơi nào có cách dùng cỏ che lấp, nơi ấy (cũng) có hành xử Luật với sự hiện diện. Nơi nào có hành xử Luật với sự hiện diện, (nếu) nơi ấy có cách dùng cỏ che lấp,

(thì) nơi ấy không có thuận theo số đông, nơi ấy không có hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, nơi ấy không có hành xử Luật khi không điên cuồng, nơi ấy không có việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, nơi ấy không có theo tội của vị ấy.

Phần giản lược về sự luân phiên.

Dứt phần Nơi Nào là thứ mười bốn.

15. PHẦN CÁCH DÀN XẾP

1. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông: Nơi nào thuận theo số đông được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện (cũng) được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, (nếu) nơi ấy thuận theo số đông được áp dụng, (thì) nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng.

2. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và hành xử Luật bằng sự ghi nhớ: Nơi nào hành xử Luật bằng sự ghi nhớ

được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện (cũng) được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, (nếu) nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ được áp dụng, (thì) nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng.

3. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và hành xử Luật khi không điên cuồng: Nơi nào hành xử Luật khi không điên cuồng được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện (cũng) được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, (nếu) nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng được áp dụng, (thì) nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng.

4. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận: Nơi nào việc phán xử theo tội đã được thừa nhận được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện (cũng) được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, (nếu) nơi ấy việc

phán xử theo tội đã được thừa nhận được áp dụng, (thì) nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng, nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng.

5. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và theo tội của vị ấy: Nơi nào theo tội của vị ấy được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện (cũng) được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, (nếu) nơi ấy theo tội của vị ấy được áp dụng, (thì) nơi ấy cách dùng cỏ che lấp không được áp dụng, nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng.

6. Trong trường hợp sự tranh tụng được giải quyết bằng hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp: Nơi nào cách dùng cỏ che lấp được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật với sự hiện diện (cũng) được áp dụng. Nơi nào hành xử Luật với sự hiện diện được áp dụng, (nếu) nơi ấy cách dùng cỏ che lấp được áp dụng, (thì) nơi ấy thuận theo số đông không được áp dụng, nơi ấy hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được áp dụng, nơi ấy hành

xử Luật khi không điên cuồng không được áp dụng, nơi ấy việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được áp dụng, nơi ấy theo tội của vị ấy không được áp dụng.

Dứt phần Cách Dàn Xếp là thứ mười lăm.

16. PHẦN ĐƯỢC GẮN LIỀN

‘Sự tranh tụng’ hay là ‘cách dàn xếp,’ các pháp này được gắn liền hay không được gắn liền? Và đối với các pháp này có thể phân tích chia chẽ để chỉ rõ sự khác biệt?

– ‘Sự tranh tụng’ hay là ‘cách dàn xếp,’ các pháp này không được gắn liền, không phải được gắn liền. Và đối với các pháp này có thể phân tích chia chẽ để chỉ rõ sự khác biệt. Vị ấy nên được nói rằng: Chớ có như thế! ‘Sự tranh tụng’ hay là ‘cách dàn xếp,’ các pháp này được gắn liền, không phải không được gắn liền. Và đối với các pháp này không thể phân tích chia chẽ để chỉ rõ sự khác biệt. Lý do của điều ấy là gì? Không phải đức Thế Tôn đã nói rằng: ‘Này các tỳ khưu, đây là bốn sự tranh tụng và bảy cách dàn xếp. Các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp, các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng.’ Như vậy, các pháp này được gắn liền, không phải không được gắn liền. Và đối với các pháp này không thể phân tích chia chẽ để chỉ rõ sự khác biệt.’

Dứt phần Được Gắn Liên là thứ mười sáu.

17. PHẦN ĐƯỢC LÀM LẮNG DỊU

Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông.

2. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, và theo tội của vị ấy.

3. Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, và cách dùng cỏ che lấp.

4. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi một cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện.

1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, và theo tội của vị ấy.

2. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, và cách dùng cỏ che lấp.

3. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông.

4. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi sáu cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi

không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, và cách dùng cỏ che lấp.

5. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, và theo tội của vị ấy.

6. Sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, và cách dùng cỏ che lấp.

7. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bảy cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không

điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, và cách dùng cỏ che lấp.

8. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, và theo tội của vị ấy.

9. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi sáu cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, và cách dùng cỏ che lấp.

10. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan

đến khiến trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bảy cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần Được Làm Lắng Dịu là thứ mười bảy.

18. PHẦN ĐƯỢC LÀM LẮNG DỊU & KHÔNG ĐƯỢC LÀM LẮNG DỊU

Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách —nt— Sự tranh tụng liên quan đến tội —nt— Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

1. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông. Không được làm lắng dịu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, và cách dùng cỏ che lấp.

2. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, và theo tội của vị ấy. Không được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: Thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, và cách dùng cỏ che lấp.

3. Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, và cách dùng cỏ che lấp. Không được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, và theo tội của vị ấy.

4. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi một cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện. Không được làm lắng dịu bởi sáu cách dàn xếp: Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, và cách dùng cỏ che lấp.

5. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, và theo tội của vị ấy. Không được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, và cách dùng cỏ che lấp.

6. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, và cách dùng cỏ che lấp. Không được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, và theo tội của vị ấy.

7. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông. Không được làm lắng dịu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, và cách dùng cỏ che lấp.

8. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi sáu cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện

diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, và cách dùng cỏ che lấp. Không được làm lắng dịu bởi một cách dàn xếp là thuận theo số đông.

9. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, và theo tội của vị ấy. Không được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: Thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, và cách dùng cỏ che lấp.

10. Sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, và cách dùng cỏ che lấp. Không được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, và theo tội của vị ấy.

11. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Không được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, và sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi bảy cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, và cách dùng cỏ che lấp.

12. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi năm cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, và theo tội của vị ấy. Không được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, và cách dùng cỏ che lấp.

13. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, và sự tranh tụng liên quan đến

nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi sáu cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, và cách dùng cỏ che lấp. Không được làm lắng dịu bởi một cách dàn xếp là thuận theo số đông.

14. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? – Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi bảy cách dàn xếp: Hành xử Luật với sự hiện diện, thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, và cách dùng cỏ che lấp.

Dứt phần Được Làm Lắng Dịu & Không Được Làm Lắng Dịu

là thứ mười tám.

19. PHẦN CÁCH DÀN XẾP VÀ SỰ TRANH TỤNG

(Có phải) các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp? (Có phải) các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng? (Có phải) các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp? (Có phải) các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng?

– Có thể có các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp, có thể có các cách dàn xếp không được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp. Có thể có các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng, có thể có các cách dàn xếp không được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng. Có thể có các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp, có thể có các sự tranh tụng không được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp. Có thể có các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng, có thể có các sự tranh tụng không được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng.

(1)

Có thể có các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp là thế nào? Có thể có các cách dàn xếp không được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp là thế nào?

– Thuận theo số đông được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật khi không điên cuồng, không được làm lắng dịu bởi việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, không được làm lắng dịu bởi theo tội của vị ấy.

Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật khi không điên cuồng, không được làm lắng dịu bởi việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, không được làm lắng dịu bởi theo tội của vị ấy, không được làm lắng dịu bởi cách dùng cỏ che lấp, không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông.

Hành xử Luật khi không điên cuồng được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện, không được làm lắng dịu bởi việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, không được làm lắng dịu bởi theo tội của vị ấy, không được làm lắng dịu bởi cách dùng cỏ che lấp, không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.

Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện, không được làm lắng dịu bởi theo tội của vị ấy, không được làm lắng dịu bởi cách dùng cỏ che lấp, không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật khi không điên cuồng.

Theo tội của vị ấy được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện, không được làm lắng dịu bởi cách dùng cỏ che lấp, không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật khi không điên cuồng, không được làm lắng dịu bởi việc phán xử theo tội đã được thừa nhận.

Cách dùng cỏ che lấp được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện, không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật khi không điên cuồng, không được làm lắng dịu bởi việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, không được làm lắng dịu bởi theo tội của vị ấy.

Có thể có các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp là như thế. Có thể có các cách dàn xếp không được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp là như thế.

(2)

Có thể có các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là thế nào? Có thể có các cách dàn xếp không được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là thế nào?

– Hành xử Luật với sự hiện diện không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Thuận theo số đông không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Hành xử Luật bằng sự ghi nhớ không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Hành xử Luật khi không điên cuồng không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Theo tội của vị ấy không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Cách dùng cỏ che lấp không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Có thể có các cách dàn xếp được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là như thế. Có thể có các cách dàn xếp có thể không được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là như thế.

(3)

Có thể có các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp là thế nào? Có thể có các sự tranh tụng

không được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp là thế nào?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông, không được làm lắng dịu bởi hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, và cách dùng cỏ che lấp.

Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, và theo tội của vị ấy, không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, và cách dùng cỏ che lấp.

Sự tranh tụng liên quan đến tội được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, và cách dùng cỏ che lấp, không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, và theo tội của vị ấy.

Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện, không được làm lắng dịu bởi thuận theo số đông, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán

xử theo tội đã được thừa nhận, theo tội của vị ấy, và cách dùng cỏ che lấp.

Có thể có các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp là như thế. Có thể có các sự tranh tụng không được làm lắng dịu bởi các cách dàn xếp là như thế.

(4)

Có thể có các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là thế nào? Có thể có các sự tranh tụng không được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là thế nào?

– Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Sự tranh tụng liên quan đến tội không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, không được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến tội, được làm lắng dịu bởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Có thể có các sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là như vậy. Có thể có các sự tranh tụng không được làm lắng dịu bởi các sự tranh tụng là như vậy.

Cả sáu cách dàn xếp và bốn sự tranh tụng được làm lắng dịu bởi hành xử Luật với sự hiện diện. Hành xử Luật với sự hiện diện không được làm lắng dịu bởi bất cứ điều nào.

**Dứt phần Cách Dàn Xếp và Sự Tranh Tụng là thứ
mười chín.**

20. PHẦN LÀM SANH KHỞI

1. Sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? – Không có sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi; tuy nhiên, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, bốn sự tranh tụng được sanh lên. Như thế là thế nào?

– Ở đây, các tỳ khuru tranh cãi rằng: ‘*Đây là Pháp,*’ hoặc là ‘*Đây không phải là Pháp,*’ hoặc là ‘*Đây là Luật,*’ hoặc là ‘*Đây không phải là Luật,*’ hoặc là ‘*Điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến,*’ hoặc là ‘*Điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến,*’ hoặc là ‘*Điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thực hành,*’ hoặc là ‘*Điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thực hành,*’ hoặc là ‘*Điều ấy đã được đấng Thiện Thệ quy định,*’ hoặc là ‘*Điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ quy định,*’ hoặc là ‘*Điều ấy là phạm tội,*’ hoặc là ‘*Điều ấy là không phạm tội,*’ hoặc là ‘*Điều ấy là tội nhẹ,*’ hoặc là ‘*Điều ấy là tội nặng,*’ hoặc là ‘*Tội còn dư sót,*’ hoặc là ‘*Tội không còn dư sót,*’ hoặc là ‘*Tội xấu xa,*’ hoặc là ‘*Tội không xấu xa.*’ Trong trường hợp ấy, việc nào là sự xung đột, sự gây gổ, sự tranh luận, sự tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời khiêu khích, sự cãi vã, việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, hội chúng tranh cãi (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách

(tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến tội. Với tội đó, hội chúng thực thi hành sự (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như vậy do duyên của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, bốn sự tranh tụng được sanh lên.

2. Sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? – Không có sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến khiển trách; tuy nhiên, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, bốn sự tranh tụng được sanh lên. Như thế là thế nào?

– Ở đây, các tỳ khuru khiển trách vị tỳ khuru với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động, việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, hội chúng tranh cãi (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến tội. Với tội đó, hội chúng thực thi hành sự (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến

nhiệm vụ. Như vậy do duyên của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, bốn sự tranh tụng được sanh lên.

3. Sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến tội? – Không có sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến tội; tuy nhiên, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến tội, bốn sự tranh tụng được sanh lên. Như thế là thế nào?

– Năm nhóm tội là sự tranh tụng liên quan đến tội, và bảy nhóm tội là sự tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến tội. Trong sự tranh tụng liên quan đến tội, hội chúng tranh cãi (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến tội. Với tội đó, hội chúng thực thi hành sự (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như vậy do duyên của sự tranh tụng liên quan đến tội, bốn sự tranh tụng được sanh lên.

4. Sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ? – Không có sự tranh tụng nào trong bốn sự tranh tụng làm sanh khởi sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; tuy nhiên, do duyên của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, bốn sự tranh tụng được sanh lên. Như thế là thế nào?

– Việc gì cần phải hoàn thành, cần phải thực thi, là hành sự với lời công bố, là hành sự với lời đề nghị, là hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, là hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư của hội chúng; việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Trong sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, hội chúng tranh cãi (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Trong khi tranh cãi, có vị khiển trách (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Trong khi khiển trách, có vị vi phạm tội (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến tội. Với tội đó, hội chúng thực thi hành sự (tạo nên) sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. Như vậy do duyên của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, bốn sự tranh tụng được sanh lên.

Dứt phần Làm Sanh Khởi là thứ hai mươi.

21. PHẦN LIÊN HỆ VỚI

1. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi liên hệ với sự tranh tụng nào? Nương tựa vào sự tranh tụng nào? Phụ thuộc vào sự tranh tụng nào? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào?

2. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách liên hệ với sự tranh tụng nào? Nương tựa vào sự tranh tụng nào? Phụ thuộc vào sự tranh tụng nào? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào?

3. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến tội liên hệ với sự tranh tụng nào? Nương tựa vào sự tranh tụng nào? Phụ thuộc vào sự tranh tụng nào? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào?

4. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ liên hệ với sự tranh tụng nào? Nương tựa vào sự tranh tụng nào? Phụ thuộc vào sự tranh tụng nào? Được tổng hợp vào sự tranh tụng nào?

1. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi liên hệ với sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, nương tựa vào sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, phụ thuộc vào sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, Được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

2. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách liên hệ với sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, nương tựa vào sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, phụ thuộc vào sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, Được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

3. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến tội liên hệ với sự tranh tụng liên quan đến tội, nương tựa vào sự tranh tụng liên quan đến tội, phụ

thuộc vào sự tranh tụng liên quan đến tội, Được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến tội.

4. Trong bốn sự tranh tụng, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ liên hệ với sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, nương tựa vào sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, phụ thuộc vào sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, Được tổng hợp vào sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

1. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi liên hệ với bao nhiêu cách dàn xếp? Nương tựa vào bao nhiêu cách dàn xếp? Phụ thuộc vào bao nhiêu cách dàn xếp? Được tổng hợp vào bao nhiêu cách dàn xếp? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

2 - 3. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách —nt—
Sự tranh tụng liên quan đến tội —nt—

4. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ liên hệ với bao nhiêu cách dàn xếp? Nương tựa vào bao nhiêu cách dàn xếp? Phụ thuộc vào bao nhiêu cách dàn xếp? Được tổng hợp vào bao nhiêu cách dàn xếp? Được làm lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp?

1. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi liên hệ với hai cách dàn xếp, nương tựa vào hai cách dàn xếp, phụ thuộc vào hai cách dàn xếp, Được tổng hợp vào hai cách dàn xếp, được làm lắng dịu bởi hai cách dàn xếp là: Hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông.

2. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách liên hệ với bốn cách dàn xếp, nương tựa vào bốn cách dàn xếp, phụ thuộc vào bốn cách dàn xếp, Được tổng hợp vào bốn cách dàn xếp, được làm lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp là: Hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, và theo tội của vị ấy.

3. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến tội liên hệ với ba cách dàn xếp, nương tựa vào ba cách dàn xếp, phụ thuộc vào ba cách dàn xếp, Được tổng hợp vào ba cách dàn xếp, được làm lắng dịu bởi ba cách dàn xếp là: Hành xử Luật với sự hiện diện, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, và cách dùng cỏ che lấp.

4. Trong bảy cách dàn xếp, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ liên hệ với một cách dàn xếp, nương tựa vào một cách dàn xếp, phụ thuộc vào một cách dàn xếp, Được tổng hợp vào một cách dàn xếp, được làm lắng dịu bởi một cách dàn xếp là hành xử Luật với sự hiện diện.

Dứt phần Liên Hệ Với là thứ hai mươi mốt.

Dứt Phân Tích cách Dàn Xếp.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Sự tranh tụng, phương thức, có liên quan, và có cùng quan hệ, cách dàn xếp có liên quan và có cùng quan hệ đối với cách dàn xếp.

Cách dàn xếp, và luôn cả sự hiện diện, với cách hành xử, và với phần tốt đẹp, phần nơi nào, phần các dàn xếp, phần được gắn liền, phần được làm lắng dịu, và không được làm lắng dịu, và luôn cả cách dàn xếp và sự tranh tụng, sự làm sanh khởi, và chúng liên hệ với.

--ooOoo--